

8. QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI, HỢP ĐỒNG GIAO NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, BIÊN BẢN NGHIỆM THU, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đề tài ứng viên làm chủ nhiệm	
Đề tài NCKH cấp Nhà nước	
Đề tài cấp nhà nước BĐKH-08 “Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước Đồng bằng sông Cửu Long”	
Đề tài NCKH cơ bản, cấp Bộ, đề tài nhánh cấp nhà nước	
Đề tài nghiên cứu cơ bản	
1. Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc đánh giá dòng chảy môi trường	
Đề tài NCKH cấp Bộ	
2. Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai	
Đề tài nhánh cấp nhà nước	
3. Đề tài nhánh “Đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước” Thuộc Đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước “Nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường của hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình và đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước”;	
4. Đề tài nhánh “Nghiên cứu xây dựng các giải pháp chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu cho các lĩnh vực: năng lượng, công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải” Thuộc Đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế, xã hội ở Việt Nam	
5. Đề tài nhánh “Kiến nghị sử dụng hợp lý tài nguyên trầm tích biển và bảo vệ môi trường của 5 vùng trọng điểm: Hạ Long, cửa Bảy Háp, vịnh Rạch Giá, cửa Ba Lạt, vịnh Đà Nẵng”. Thuộc Đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu mức độ tích	

lũy các chất ô nhiễm trong trầm tích ven biển Việt Nam” Mã số KC.09.21/06-10	
6. Đề tài nhánh “Nghiên cứu, đánh giá điều kiện thủy văn (hệ thống sông ngòi, các lưu vực sông), chế độ thủy văn dời bờ Việt Nam”. Thuộc Đề tài cấp nhà nước “Cơ sở khoa học và pháp lý phân vùng quản lý tổng hợp vùng ven biển Việt Nam”. Mã số KC.09.27/06-10	
Tham gia thực hiện đề tài NCKH	
Đề tài cấp nhà nước KC.08.28/11-15 “Nghiên cứu bổ sung, xây dựng và xuất bản bộ bản đồ tai biến thiên nhiên phần đất liền Việt Nam trên cơ sở kết quả nghiên cứu từ năm 2000 đến nay”	
Các nhiệm vụ dự án tư vấn khoa học công nghệ (thiểu báo cáo tóm tắt)	
1. Quy hoạch tài nguyên nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ	
2. Quy hoạch tài nguyên nước vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	
3. Quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Cầu	
4. Lập quy hoạch bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020	
5. Đánh giá tính dễ bị tổn thương và tác động của biến đổi khí hậu tại thành phố Đà Nẵng và Quy Nhơn	
6. Ứng dụng mô hình tính toán dự báo ô nhiễm môi trường nước cho các hạ lưu vực sông Cầu, Nhuệ-Đáy, Sài Gòn-Đồng Nai	
7. Điều tra, xác định nguyên nhân và đánh giá ảnh hưởng của thiên tai (bão, lũ lụt) đến môi trường và đề xuất giải pháp trước mắt và lâu dài nhằm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm tại các vùng đông dân cư, phân lũ và khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi lũ lụt	
8. Đánh giá ngưỡng chịu tải và đề xuất các giải pháp quản lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nước sông Nhuệ - Đáy	
9. Điều tra, đánh giá và cảnh báo các điều kiện KTTV có nguy cơ gây tổn thương đến tài nguyên – môi trường, kinh tế - xã hội vùng biển và dải ven biển Việt Nam, đề xuất các giải pháp phòng tránh và ứng phó	
10. Tác động của biến đổi khí hậu lên tài nguyên nước và các biện pháp thích ứng	
11. Điều tra xác định nguyên nhân, đánh giá thiệt hại và khắc phục ô nhiễm dầu tại các tỉnh ven biển Việt Nam	
12. Hiện đại hóa hệ thống cảnh báo và dự báo thiên tai tại Đài KTTV khu vực	

Dông Bắc (ODA Hàn Quốc)	
13. Nâng cấp khả năng đo mưa, dự báo bão và giông sét của Trung tâm KTTV quốc gia (ODA Phần Lan)	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1010/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì các đề tài khoa học và công nghệ thực hiện từ năm 2011 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về Biển đổi khí hậu

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ KHCN về việc ban hành Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước và Quyết định số 11/2007/QĐ-BKHCN ngày 4 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ KHCN về việc ban hành Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2011 về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ thực hiện từ năm 2011 thuộc nội dung “Kịch bản bản đồ biến đổi khí hậu và Ứng phó với biến đổi khí hậu” trong Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về Biển đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 871/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2011 về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ thực hiện từ năm 2011 thuộc nội dung “Giám sát biến đổi khí hậu và Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu” trong Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về Biển đổi khí hậu;



Căn cứ kết quả làm việc và kiến nghị của các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn, tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ thực hiện từ năm 2011 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về Biển đổi khí hậu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện 14 Đề tài thuộc Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về Biển đổi khí hậu thực hiện trong kế hoạch năm 2011 (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về Biển đổi khí hậu nêu tại Điều 1 có trách nhiệm hoàn chỉnh Thuyết minh đề tài theo kiến nghị của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài khoa học và công nghệ để Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt nội dung, kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu, Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch, Tài chính; Thủ trưởng các tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đề tài và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN;
- Lưu VT, KH&CN.D.30

G/

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày05.... tháng ...07... năm 201X...
TL. CHÁNH VĂN PHÒNG
TRƯỞNG PHÒNG VĂN THU - LƯU TRỮ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thái Lai



Nguyễn Đức Trìn

**DANH MỤC CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THỰC HIỆN TỪ NĂM 2011 THUỘC**

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA VỀ BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU

(Kèm theo Quyết định số 1010/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên đề tài	Tổ chức chủ trì	Cá nhân chủ trì	Ghi chú
1.	Nghiên cứu xây dựng kịch bản về các hiện tượng thời tiết cực đoan trung hạn (2015-2030) cho khu vực Việt Nam – Biển Đông sử dụng kịch bản Biển đổi khí hậu trong chương trình Kakushin	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	GS. TS. Nguyễn Hữu Du	
2.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám để giám sát và cảnh báo những tác động của biến đổi khí hậu nhằm chủ động phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại do tai biến thiên nhiên	Trung tâm Viễn thám Quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường	TS. Nguyễn Xuân Lâm	
3.	Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm thiết lập hệ thống giám sát tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với chất lượng môi trường nước mặt lục địa	Trung tâm Quan trắc môi trường - Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	ThS. Tăng Thế Cường	
4.	Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu và điều chỉnh, bổ sung mạng lưới quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn góp phần nâng cao chất lượng dự báo thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường	TS. Bùi Văn Đức	

STT	Tên đề tài	Tổ chức chủ trì	Cá nhân chủ trì	Ghi chú
5.	Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp ứng phó với xâm nhập mặn trong điều kiện Biển đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	Cục Quản lý tài nguyên nước	ThS. Lê Hữu Thuần	
6.	Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới sức khỏe, bệnh tật của lực lượng vũ trang và đề xuất giải pháp y sinh học khắc phục	Học Viện Quân Y, Bộ Quốc phòng	TS. Phạm Ngọc Châu	
7.	Nghiên cứu đánh giá biến động đường bờ biển các tỉnh Nam Bộ dưới tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	PGS.TS. Vũ Văn Phái	
8.	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	TS. Trần Hồng Thái	✓
9.	Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng lợi ích kép về môi trường của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam	Viện Khoa học Quản lý môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	TS. Đỗ Nam Thắng	
10.	Nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến một số cây trồng chủ lực (lúa, ngô, đậu tương, mía) tại Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	PGS.TS. Phạm Quang Hà	
11.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn thành lập hành lang đa dạng sinh học nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu	Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	TS. Phạm Anh Cường	

STT	Tên đề tài	Tổ chức chủ trì	Cá nhân chủ trì	Ghi chú
12.	Nghiên cứu xây dựng định hướng và các phương án giảm phát thải khí nhà kính trên cơ sở đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	TS. Nguyễn Văn Tài	
13.	Nghiên cứu thiết kế mô hình làng sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng cho 3 vùng: trung du miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long	Trung tâm Tư vấn và Công nghệ môi trường, Tổng Cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	TS. Nguyễn Đức Toàn	
14.	Nghiên cứu xây dựng phương án đàm phán khung của Việt Nam về biến đổi khí hậu, những vấn đề lớn trong đàm phán giai đoạn sau năm 2012 đến năm 2020 và định hướng đến năm 2050	Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường	ThS. Trần Thị Minh Hà	

G

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 843/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí các đề tài khoa học và công nghệ thực hiện năm 2011-2013 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 và Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tổ chức và cá nhân chủ trì các đề tài khoa học và công nghệ thực hiện từ năm 2011 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về Biến đổi khí hậu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Chánh Văn phòng Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí của 12 Đề tài thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu bắt đầu thực hiện từ năm 2011 (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Ban chủ nhiệm, Văn phòng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài theo đúng quy định hiện hành.



Điều 3. Chủ nhiệm Chương trình, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Chánh văn phòng Chương trình, Thủ trưởng cơ quan chủ trì thực hiện đề tài, Chủ nhiệm đề tài và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN;
- Lưu VT, KH&CN.TBT.80

đ/c G



Nguyễn Thái Lai

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày...05..tháng..05..năm...2013
TL. CHÁNH VĂN PHÒNG
TRƯỞNG PHÒNG VĂN THƯ - LƯU TRỮ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Toàn

Phụ lục

**KINH PHÍ CÁC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN
NĂM 2011 - 2013 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
ÚNG PHÓ VỚI BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU**

(Kèm theo Quyết định số 843/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2012 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm, Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí từ ngân sách Nhà nước (triệu đồng)
1.	Nghiên cứu xây dựng kịch bản về các hiện tượng thời tiết cực đoan trung hạn (2015-2030) cho khu vực Việt Nam – Biển Đông sử dụng kịch bản Biển đổi khí hậu trong chương trình Kakushin (BĐKH.01)	GS. TS. Nguyễn Hữu Dư, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	24 tháng	2.981,00
2.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám để giám sát và cảnh báo những tác động của biến đổi khí hậu nhằm chủ động phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại do tai biến thiên nhiên (BĐKH.02)	TS. Nguyễn Xuân Lâm, Trung tâm Viễn thám Quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường	24 tháng	3.550,00
3.	Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm thiết lập hệ thống giám sát tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với chất lượng môi trường nước mặt lục địa (BĐKH.03)	ThS. Tăng Thế Cường, Trung tâm Quan trắc môi trường - Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	24 tháng	2.800,00
4.	Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu và điều chỉnh, bổ sung mạng lưới quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn góp phần nâng cao chất lượng dự báo thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH.04)	TS. Bùi Văn Đức, Trung tâm Ứng dụng công nghệ và Bồi dưỡng nghiệp vụ khí tượng thủy văn và môi trường - Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường	24 tháng	2.585,60

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm, Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí từ ngân sách Nhà nước (triệu đồng)
5.	Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định nguyên nhân, để xuất giải pháp ứng phó với xâm nhập mặn trong điều kiện Biển đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (BĐKH.05)	ThS. Lê Hữu Thuần, Trung tâm Tư vấn - Thẩm định tài nguyên nước Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường	24 tháng	3.380,94
6.	Nghiên cứu ảnh hưởng của biển đổi khí hậu tới sức khỏe, bệnh tật của lực lượng vũ trang và đề xuất giải pháp y sinh học khắc phục (BĐKH.06)	TS. Phạm Ngọc Châu, Học viện Quân Y, Bộ Quốc phòng	24 tháng	3.400,00
7.	Nghiên cứu đánh giá biến động đường bờ biển các tỉnh Nam Bộ dưới tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng (BĐKH.07)	PGS.TS. Vũ Văn Phái, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	24 tháng	3.556,30
8.	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long (BĐKH.08)	TS. Trần Hồng Thái, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	24 tháng	3.765,50
9.	Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng lợi ích kép về môi trường của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (BĐKH.09)	TS. Đỗ Nam Thắng, Viện Khoa học Quản lý môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	24 tháng	1.800,00
10.	Nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến một số cây trồng chủ lực (lúa, ngô, đậu tương, mía) tại Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng (BĐKH.10)	PGS. TS. Phạm Quang Hà, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24 tháng	3.400,00
11.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn thành lập hành lang đa dạng sinh học nhằm bảo tồn đa dạng sinh học,	TS. Phạm Anh Cường, Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi	24 tháng	2.971,81

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm, Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí từ ngân sách Nhà nước (triệu đồng)
	thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu (BĐKH.11)	trường		
12.	Nghiên cứu xây dựng phương án đàm phán khung của Việt Nam về biến đổi khí hậu, những vấn đề lớn trong đàm phán giai đoạn sau năm 2012 đến năm 2020 và định hướng đến năm 2050 (BĐKH.14)	ThS. Trần Thị Minh Hà, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường	24 tháng	1.700,00
	Tổng cộng			35.891,15

(Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ tám trăm chín mươi mốt triệu một trăm
năm mươi nghìn đồng)./*ct*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẢN SAOĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2012

HỢP ĐỒNG**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ****Số: 08/2012/HĐ-KHCN-BĐKH/11-15**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2007/BTC-BKHCN ngày 03/04/2007 hướng dẫn quản lý tài chính các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 2630/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 “Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu”, Mã số KHCN-BĐKH/11-15;

Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 05 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì các đề tài khoa học và công nghệ bắt đầu thực hiện từ năm 2011 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về Biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-BTNMT ngày 13/06/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kinh phí các đề tài khoa học và công nghệ thực hiện năm 2011-2013 thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 855/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch và dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2012;

Căn cứ Thông tư liên tịch 93/TTLT-BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước;

Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên,

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là:

a/ Ban chủ nhiệm Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước “Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu”, mã số KHCN-BĐKH/11-15

- Ông Nguyễn Thái Lai
- Chức vụ: Chủ nhiệm Chương trình làm đại diện
- Địa chỉ: số 10, Tôn Thất Thuyết, Hà Nội;
Tel: (04) 37956922; Fax: (04) 38359221

b/ Văn phòng Chương trình

- Ông Trần Bình Trọng
- Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng làm đại diện.
- Địa chỉ: 23/62, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội;
Tel: (04) 37595990; Fax: (04) 37595991

- Số tài khoản: 8123.1.3017289 tại Kho bạc Nhà nước quận Đông Đa, Hà Nội

2. Bên nhận (Bên B) là:

a/ Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài: Viện khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường

- Ông Trần Thực
- Chức vụ: Viện trưởng, làm đại diện.
- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 04.37731410 Fax: 04.38355993.

- Số tài khoản: 3711.1.1058575 tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa.

b/ Chủ nhiệm Đề tài

- Ông Trần Hồng Thái
- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 04.37731410

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện Đề tài

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện Đề tài “*Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long*”, mã số BĐKH. 08, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng

điểm cấp Nhà nước mã số KHCN-BĐKH/11-15 “Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu” theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài.

Thuyết minh Đề tài BĐKH.08 và các Phụ lục kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Đề tài là 24 tháng, từ tháng 01 năm 2012 đến tháng 12 năm 2013.

Tổng kinh phí cần thiết để thực hiện Đề tài là 3.765.500.000 đồng (bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn). Bao gồm:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài do Bên A cấp là: 3.765.500.000 đồng (bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn), trong đó kinh phí được khoán chi là 3.662.906.000 đồng (bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu chín trăm linh sáu nghìn đồng)

+ Kinh phí từ các nguồn khác: 0

2. Bên B nhận thực hiện Đề tài trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Tạm ứng kinh phí

Hàng năm, sau khi Bên A được giao dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ vào Hợp đồng, Bên A thực hiện tạm ứng kinh phí tại Kho bạc Nhà nước để cấp cho Bên B thông qua tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì đề tài, dự án tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Tiền độ tạm ứng kinh phí chia làm 3 đợt:

- Đợt I tạm ứng bằng 40% mức kinh phí phân bổ theo năm kế hoạch và đã được ghi trong Hợp đồng, phù hợp với tiến độ và khối lượng công việc thực hiện của đề tài.

- Đợt II tạm ứng tiếp 30% mức kinh phí phân bổ theo năm kế hoạch và đã được ghi trong Hợp đồng, phù hợp với tiến độ và khối lượng công việc thực hiện của đề tài. Trước khi tạm ứng kinh phí đợt II, Bên B báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đã tạm ứng đợt I; Bên A chỉ thực hiện tạm ứng đợt II khi đề tài đã thanh quyết toán được tối thiểu 80% mức kinh phí đã tạm ứng đợt I (trừ trường hợp mua sắm thiết bị chưa đủ thủ tục quyết toán vì lý do khách quan được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận trên cơ sở đề nghị của Văn phòng Chương trình).

- Trước khi tạm ứng kinh phí đợt III, Bên B báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đã tạm ứng đợt I và đợt II; Bên A chỉ thực hiện tạm ứng nốt 30% mức kinh phí phân bổ theo năm kế hoạch và đã được ghi trong Hợp đồng, phù hợp với tiến độ và khối lượng công việc thực hiện của đề tài bên B đã thanh quyết toán được 100% kinh phí tạm ứng đợt I và tối thiểu 50% mức kinh phí đã tạm ứng đợt II (trừ trường hợp mua sắm thiết bị chưa đủ thủ tục quyết toán vì lý do khách quan được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận trên cơ sở đề nghị của Văn phòng Chương trình).

- Đợt IV, tạm ứng số kinh phí còn lại của Hợp đồng sau khi đã nghiệm thu 100% khối lượng công việc của năm 2012.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Duyệt Thuyết minh Đề tài và kiểm tra tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo các nội dung trong các Phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

b. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo Thuyết minh được phê duyệt; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

c. Cấp cho Bên B số kinh phí tại khoản 1 Điều 1 theo tiến độ từng năm, được thể hiện trong dự toán kinh phí của Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2 của Hợp đồng.

d. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A xem xét, kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc hoàn thành và phối hợp với Bên B để xác nhận và thanh quyết toán kinh phí đã sử dụng (kể cả vốn đối ứng) theo qui định về quản lý tài chính đối với các chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2011-2015. Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ).

e. Tổng hợp và xử lý kế hoạch đấu thầu, mua sắm thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

f. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

g. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết trong Thuyết minh Đề tài để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến Đề tài không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong Thuyết minh Đề tài dẫn đến kết quả của Đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo Thuyết minh Đề tài;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

h. Phối hợp cùng Bên B quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp.

i. Phân định trách nhiệm của Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng Chương trình:

- Văn phòng Chương trình chịu trách nhiệm thực hiện các điểm c, e, h của khoản 1, Điều 2.

- Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng Chương trình cùng chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, b, d, f, g, của khoản 1, Điều 2.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Đứng tên trong Đề tài và hưởng lợi ích thu được (nếu có) do việc khai thác thương mại các kết quả của Đề tài theo quy định hiện hành.

b. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết.

c. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện sau đây:

- Không cấp đủ kinh phí thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng

- Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B.

d. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chi tiêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2 kèm theo Hợp đồng.

e. Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm thiết bị theo quy định.

f. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định.

g. Tiếp nhận kinh phí được cấp cho Đề tài theo hợp đồng đó ký kết; đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu và chịu sự kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề tài của các cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật.

h. Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần (theo mẫu BC ĐK - 01) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

i. Thực hiện việc đánh giá cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các tài liệu, mẫu sản phẩm nêu trong Thuyết minh Đề tài kèm theo Hợp đồng, báo cáo quyết toán tài chính của Đề tài và toàn bộ hồ sơ đã được hoàn chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở để Bên A tiến hành tổ chức thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước theo quy định hiện hành.

k. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

l. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

m. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu. Công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

n. Thực hiện đăng ký kết quả của Đề tài tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định.

o. Phân định trách nhiệm của Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài và Chủ nhiệm Đề tài :

- Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm e, g, l của khoản 2, Điều này.

- Chủ nhiệm Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, d, m của khoản 2, Điều này.

- Chủ nhiệm Đề tài cùng Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm b, c, f, h, i, k, n của khoản 2, Điều này.

Điều 4. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với Đề tài đã kết thúc:

a. Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A tất toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành.

b. Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

2. Đối với Đề tài không hoàn thành:

a. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc thực hiện đó hoàn thành để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính.

b. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

c. Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện Đề tài:

- Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Đề tài.

- Nếu hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

Điều 5. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì có thể thoả thuận đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết. Trường hợp không có thoả thuận giải quyết tại Trọng tài thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Toà án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

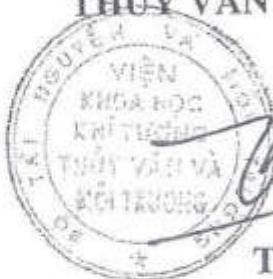
Điều 6. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng gồm 12 trang bao gồm cả phụ lục được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, Bên A giữ 6 bản, Bên B giữ 4 bản.

BÊN B (BÊN NHẬN)
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Trần Hồng Thái

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG
THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG



Trần Thục

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 6372, Ngày 14/06/2017, Ủy ban số 2, SCT/BS

Ngày: 14-06-2017

BÊN A (BÊN GIAO)
CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

Nguyễn Thái Lai

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH



Trần Bình Trọng



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Liên Hương

Các Phụ lục kèm theo
Hợp đồng số: 08/2012/HĐ – KHCN-BĐKH/11.15

Phụ lục: 1

**NỘI DUNG, CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO NĂM
I. NĂM 2012**

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành
1	Thu thập, cập nhật số liệu khí tượng, thủy văn	Số liệu về khí tượng thuỷ văn và các thông tin liên quan	4/2012
2	Thu thập số liệu liên quan đến hạn hán ở DBSCL	Số liệu và báo cáo đánh giá hạn hán vùng nghiên cứu	4/2012
3	Thu thập số liệu liên quan đến ngập lụt ở DBSCL	Số liệu và thông tin về các trận ngập lụt trong lịch sử ở DBSCL	4/2012
4	Nghiên cứu, phân tích, tính toán xu thế biến đổi mưa ở vùng ngập lụt trong những năm gần đây	Kết quả tính toán các đặc trưng biến đổi mưa; Báo cáo phân tích biến đổi mưa tại vùng ngập lụt	6/2012
5	Nghiên cứu, phân tích, tính toán xu thế biến đổi mưa ở vùng ven biển trong những năm gần đây	Kết quả tính toán các đặc trưng biến đổi mưa; Báo cáo phân tích biến đổi mưa vùng ven biển	6/2012
6	Nghiên cứu, phân tích, tính toán xu thế biến đổi nhiệt độ ở vùng ngập lụt trong những năm gần đây	Kết quả tính toán các đặc trưng biến đổi nhiệt độ; Báo cáo phân tích biến đổi nhiệt độ vùng ngập lụt	6/2012
7	Nghiên cứu, phân tích, tính toán xu thế biến đổi nhiệt độ ở vùng ven biển trong những năm gần đây	Kết quả tính toán các đặc trưng biến đổi nhiệt độ; Báo cáo phân tích biến đổi nhiệt độ vùng ven biển	6/2012
8	Nghiên cứu, phân tích, tính toán xu thế biến đổi lưu lượng ở DBSCL trong những năm gần đây (gồm cả vùng ngập lụt và vùng ven biển)	Báo cáo phân tích biến đổi lưu lượng	6/2012
9	Nghiên cứu, phân tích diễn biến xu thế biến đổi mực nước ở DBSCL trong những năm gần đây (gồm cả vùng ngập lụt và vùng ven biển)	Báo cáo phân tích biến đổi mực nước	6/2012
10	Nghiên cứu, phân tích diễn biến xu thế biến đổi triều vùng Biển Đông ở DBSCL trong những năm gần đây	Báo cáo phân tích diễn biến thuỷ triều vùng biển Đông	6/2012
11	Nghiên cứu, phân tích diễn biến xu thế biến đổi triều vùng Biển Tây ở DBSCL trong những năm gần đây	Báo cáo phân tích diễn biến thuỷ triều vùng biển Tây	6/2012
12	Nghiên cứu, phân tích diễn biến ngập lụt ở DBSCL trong những năm gần đây	Báo cáo phân tích ngập lụt	6/2012
13	Nghiên cứu, phân tích diễn biến hạn hán ở DBSCL trong những năm gần đây	Báo cáo phân tích diễn biến hạn hán	6/2012

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành
14	Thu thập, nghiên cứu các quy hoạch phát triển ở lưu vực sông Mê Công, phần ở nước ngoài	Bộ cơ sở dữ liệu gồm các báo cáo về Chiến lược Quy hoạch Phát triển ở lưu vực sông Mê Công	7/2012
15	Thu thập, nghiên cứu các quy hoạch phát triển ở DBSCL	Bộ cơ sở dữ liệu gồm các báo cáo về Chiến lược Quy hoạch Phát triển ở DBSCL	7/2012
16	Nghiên cứu về đặc điểm tự nhiên, các công trình chi phối đặc điểm nguồn nước ở lưu vực sông Mê Kông và DBSCL;	Số liệu, thông tin liên quan đến các công trình chi phối nguồn nước lưu vực sông Mê Kông và DBSCL	8/2012
17	Nghiên cứu về đặc điểm tự nhiên, các công trình chi phối đặc điểm sử dụng nước ở lưu vực sông Mê Kông và DBSCL;	Số liệu, thông tin liên quan đến các công trình chi phối sử dụng nước lưu vực sông Mê Kông và DBSCL	8/2012
18	Tính toán, phân tích đánh giá tài nguyên nước sông Mê Công (phần ngoài lãnh thổ Việt Nam)	Kết quả tính toán các đặc trưng TNN; Báo cáo đánh giá TNN	8/2012
22	Tính toán, phân tích đánh giá tài nguyên nước vùng DBSCL	Kết quả tính toán các đặc trưng TNN; Báo cáo đánh giá TNN	8/2012
26	Nghiên cứu, đánh giá hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên nước phục vụ các ngành kinh tế khác nhau: Nông nghiệp, Thuỷ sản, Giao thông và Dịch vụ	Các báo cáo chuyên đề về khai thác sử dụng nước cho các ngành kinh tế khác nhau	8/2012
27	Cập nhật các kịch bản BĐKH - yếu tố mưa cho DBSCL;	Kết quả cập nhật các kịch bản mưa	9/2012
28	Cập nhật các kịch bản BĐKH - yếu tố nhiệt độ cho DBSCL;	Kết quả cập nhật các kịch bản nhiệt độ	9/2012
29	Chi tiết hóa kịch bản thay đổi lượng mưa cho các tỉnh DBSCL;	Kết quả cập nhật các kịch bản mưa	9/2012
30	Chi tiết hóa kịch bản thay đổi lượng nhiệt độ cho các tỉnh DBSCL;	Kết quả cập nhật các kịch bản nhiệt độ	9/2012
31	Xác định kịch bản nước biển dâng cho vùng biển Đông ở DBSCL;	Các kịch bản nước biển dâng	9/2012
32	Xác định kịch bản nước biển dâng cho vùng biển Tây ở DBSCL;	Các kịch bản nước biển dâng	9/2012
33	Dự báo và xác định nhu cầu sử dụng nước của các lĩnh vực chính ở DBSCL;	Kết quả dự báo nhu cầu nước; Báo cáo đánh giá nhu cầu sử dụng nước DBSCL	9/2012
34	Tính toán cân bằng nước tự nhiên ở DBSCL các thời kỳ;	Kết quả tính toán cân bằng nước tự nhiên	9/2012

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành
35	Xây dựng các kịch bản đánh giá tác động BĐKH đến tài nguyên nước và sử dụng nước trên DBSCL.	Kịch bản BĐKH (A2, B2) cho các thời kỳ tương lai đến năm 2050	9/2012
36	Xây dựng bộ công cụ tính toán, đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước (kể thừa, cập nhật bộ mô hình của Viện Khoa học Khi tượng Thủy văn và Môi trường, Ủy hội sông Mê Kông Việt Nam và các đơn vị nghiên cứu khác);	Bộ công cụ dùng để đánh giá ảnh hưởng BĐKH đến TNN bao gồm các mô hình toán thuỷ văn, thuỷ lực đã được cập nhật, xây dựng	10/2012
37	Nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến TNN tự nhiên ở DBSCL tăng với các kịch bản đã xác định;	2 kịch bản BĐKH (A2, B2) cho các thời kỳ tương lai đến năm 2050	12/2012
38	Nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến nhu cầu sử dụng nước ở DBSCL;	Cơ sở dữ liệu và kết quả tính toán và báo cáo đánh giá cho các kịch bản BĐKH	12/2012
39	Nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến TNN, ngập lụt (cho các các phương án tính toán)	Kết quả tính toán và báo cáo đánh giá tác động của BĐKH đến TNN và tình hình ngập lụt	12/2012

II. NĂM 2013

TT	Nội dung/công việc hoàn thành	Yêu cầu chất lượng	Thời hạn hoàn thành
1	Đánh giá tác động tiềm tàng của biến đổi tài nguyên nước đến nhu cầu nước trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội chính (Nông nghiệp, Thuỷ sản, Giao thông, các ngành dịch vụ chính)	Báo cáo chuyên đề	12/2013
2	Để xuất các giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, bảo đảm nguồn nước phục vụ phát triển bền vững ở DBSCL (phòng tránh hạn hán và lũ lụt).	Báo cáo chuyên đề	12/2013
3	Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài		12/2013
4	Báo cáo khoa học tổng kết đề tài (bao gồm báo cáo chính và tóm tắt)		12/2013

Phụ lục: 2

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI THEO NỘI DUNG VÀ TIỀN ĐỘ NĂM

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số kinh phí	Nguồn vốn								Khác
			Ngân sách SNKH								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	3.224,665	3.224,665	3.224,665	3.209,665	3.209,665	15,000	15,000			
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng										
3	Thiết bị, máy móc										
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ										
5	Chi khác	540,835	540,835	438,241	375,335	272,741	165,500	165,500			
	Tổng cộng	3.765,500	3.765,500	3.662,906	3.585,000	3.482,407	180,500	180,500			

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2554/QĐ - BTNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá
 nghiệm thu cấp nhà nước đối với các đề tài thực hiện trong
 giai đoạn 2011-2013 thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ
 Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu,
 mã số KHCN - BĐKH/11-15

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính
 phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của
 Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
 Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của
 Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn đánh giá nghiệm thu
 đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Bộ
 trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt kinh phí các đề tài khoa
 học và công nghệ thực hiện năm 2011-2013 thuộc Chương trình Khoa học và Công
 nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 1612/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của
 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt kinh phí đề tài khoa
 học và công nghệ thực hiện năm 2011-2013 thuộc Chương trình Khoa học và Công
 nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ kết quả đánh giá của hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh
 giá nghiệm thu cấp cơ sở của các đề tài thực hiện trong giai đoạn 2011-2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Chánh văn
 phòng Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu
 quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ và tổ chuyên gia tư vấn
 đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước đối với các đề tài thực hiện trong giai đoạn
 2011-2013 thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ Chương trình mục



tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN - BĐKH/11-15, gồm các đề tài sau:

1. BĐKH.02: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám để giám sát và cảnh báo những tác động của biến đổi khí hậu nhằm chủ động phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại do tai biến thiên nhiên.
2. BĐKH.03: Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm thiết lập hệ thống giám sát tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với chất lượng môi trường nước mặt lục địa.
3. BĐKH.05: Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định nguyên nhân, để xuất giải pháp ứng phó với xâm nhập mặn trong điều kiện Biến đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.
4. BĐKH.06: Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới sức khỏe, bệnh tật của lực lượng vũ trang và đề xuất giải pháp y sinh học khắc phục.
5. BĐKH.07: Nghiên cứu đánh giá biến động đường bờ biển các tỉnh Nam Bộ dưới tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng.
6. BĐKH.08: Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long.
7. BĐKH.09: Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng lợi ích kép về môi trường của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam.
8. BĐKH.10: Nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến một số cây trồng chủ lực (lúa, ngô, đậu tương, mía) tại Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.
9. BĐKH.11: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn thành lập hành lang đa dạng sinh học nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.
10. BĐKH.13: Nghiên cứu thiết kế mô hình làng sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng cho vùng đồng bằng sông Cửu Long.
11. BĐKH.14: Nghiên cứu xây dựng phương án đàm phán khung của Việt Nam về biến đổi khí hậu, những vấn đề lớn trong đàm phán giai đoạn sau năm 2012 đến năm 2020 và định hướng đến năm 2050.

Danh sách Hội đồng khoa học và công nghệ và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước đối với các đề tài thực hiện trong giai đoạn 2011-2013 tại các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước có trách nhiệm tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá kết quả đề tài theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước có trách nhiệm

kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của đề tài theo yêu cầu của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước đối với các đề tài có sản phẩm đo kiểm được.

Hội đồng và Tổ chuyên gia tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch, Phó chủ tịch, các thành viên Hội đồng và Tổ chuyên gia có tên tại Điều 1; Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch, Tài chính; Chánh văn phòng Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- BCN Chương trình KHCN-BĐKH/11-15;
- Lưu VT, KHCN, VPCT.130.



Nguyễn Thái Lai

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày ..5... tháng ..07.. năm ..20..⁰

TL. CHÁNH VĂN PHÒNG
TRƯỞNG PHÒNG VĂN THƯ - LƯU TRỮ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Toàn

Phụ lục số 6A

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC
ĐỐI VỚI CÁC ĐỀ TÀI THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2013 THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH KHCN-BĐKH/11-15**

(Kèm theo Quyết định số 255^a /QĐ-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tên đề tài

*Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên
nước đồng bằng sông Cửu Long (BĐKH.08)*

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong Hội đồng
1	GS.TS. Ngô Đình Tuấn	Viện Tài nguyên nước và môi trường Đông Nam Á, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng
2	GS.TS. Tăng Đức Thắng	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Phó chủ tịch Hội đồng
3	PGS. TS. Nguyễn Lập Dân	Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Ủy viên Phản biện
4	PGS.TS. Lê Đình Thành	Trường Đại học Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Ủy viên Phản biện
5	PGS.TS. Đoàn Văn Cảnh	Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ủy viên
6	TS. Lê Văn Chính	Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Bộ Khoa học và Công nghệ	Ủy viên
7	TS. Nguyễn Đức Đồng	Ban chủ nhiệm Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Anh Đức	Văn phòng Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy viên
9	TS. Lê Thị Việt Hoa	Cục Quản lý Tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy viên

(Hội đồng gồm 09 thành viên)

Thư ký hành chính:

- 01 Cán bộ Văn phòng Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương
trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.
- 01 Chuyên viên Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục số 6B
DANH SÁCH TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC
ĐỐI VỚI CÁC ĐỀ TÀI THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2013 THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH KHCN-BĐKH/11-15
*(Kèm theo Quyết định số 2554/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2013
 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Tên đề tài

*Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên
 nước đồng bằng sông Cửu Long (BĐKH.08)*

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong Hội đồng
1	GS.TS. Ngô Đình Tuấn	Viện Tài nguyên nước và môi trường Đông Nam Á, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	Tổ trưởng
2	TS. Nguyễn Đắc Đồng	Ban chủ nhiệm Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	Thành viên
3	TS. Nguyễn Anh Đức	Văn phòng Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thành viên

(Tổ chuyên gia gồm 03 thành viên)

ct

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2013

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

1. Những thông tin chung:

Tên đề tài: Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước Đồng bằng sông Cửu Long.

Mã số đề tài: BDKH.08

Thuộc: Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu. Mã số: KHCN-BDKH/11-15.

Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS Trần Hồng Thái

Tổ chức chủ trì đề tài: Viện Khoa học Kỹ thuật Thủy văn và Môi trường – Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia số 2554/QĐ-BTNMT ngày 12/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Phiên trù bị: tại Hà Nội ngày 19 tháng 12 năm 2013

Phiên đánh giá: tại Hà Nội ngày 24 tháng 12 năm 2013

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá):

Vắng mặt: 01... người, gồm: ...TS... Lê Văn Chính...

SAO Y BẢN CHÍNH

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá) Ngày: 24 tháng 12 năm 2013

TT Đơn vị công tác

- 1 Đại diện Bộ KH&CN
- 2 Đại diện Bộ Tài nguyên và Môi trường
- 3 Đại diện Bộ Tài chính
- 4 Đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình
- 5 Văn phòng Chương trình
- 6 Cơ quan chủ quản

TL. CHÁNH VĂN PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG VĂN THƯ - LƯU TRỮ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

VĂN PHÒNG

Nguyễn Đức Toàn

...TS... Trần Bình Trọng...

...PGS.TS... Dương...Lê... Sơn...

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

A. Phiên họp trù bị (để lại những nội dung thích hợp)

1. Hội đồng đã nghe chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của đề tài;
2. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài;
3. Hội đồng trao đổi thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng:

a) Đã kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đề Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả đề tài.

b) Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đặc kiêm định lại đối với đề tài có các kết quả đo kiêm được, đồng thời đề xuất để Bộ Tài nguyên và Môi trường mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:

- Các thông số kỹ thuật cần đo đặc kiêm định lại:

Kết quả

- Các tổ chức đo lường thử nghiệm thực hiện:

4. Hội đồng đã thông nhất lịch làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiên họp đánh giá của hội đồng.

B. Phiên họp đánh giá

1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);
- Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện;
- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chi tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan nêu tại Điều 13 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá đề tài của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả nghiên cứu của đề tài theo từng nội dung được nêu tại Điều 18 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đã thực hiện đánh giá kết quả của đề tài bằng Phiếu chấm điểm.

3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá:

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban:PGS.TS....Đoàn Văn Cảnh
- Hai uỷ viên: TS.Nguyễn Anh Đức
TS.Lê Thị Việt Huyền

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

4. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

a) Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế :

Các phương pháp sử dụng hiện đại, phù hợp. Một số khía cạnh, lỗ hổng, thiếu sót cần cải thiện.

Nó được sử dụng để xác định phù hợp.

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính:

- 1) Báo cáo về CSDL KITV
- 2) Báo cáo kích bản BĐKHL trên TNN mà DBSCl
- 3) Bút cáo tiêu tang TNN mà DBSCl
- 4) Báo cáo về các biện pháp ứng phó để giảm thiểu các tác động của BĐKHL trên tài nguyên nước mà DBSCl
- 5) 01 sách chuyên khảo
- 6) 09 bài báo (trong đó có 01 bài báo đăng tại hội thảo quốc tế)

c) Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính:

Các sản phẩm của đề tài cam kết mức độ, chất lượng tăng, kỹ và ý nghĩa thiết thực
Sản phẩm khoa học mới so với tăng

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...):

Báo cáo tổng kết công phu, rõ uic rõ ràng, hình ảnh
khoa học, làm sát mục tiêu xâp nay dung nghiên cứu
đã đăng ký

Phân tích quan trắc đều tùy ý, tuy nhiên cần rõ
detailed

Phần CSDL KTTV cần thêm hoán chuyển đổi
hiện nay báo cáo tổng hợp

Nêu viết rõ tên giải pháp phát triển thủy sản

Nêu rõ ứng, lâm mưu tính tổng thể và đặc điểm
của tài sản

d) Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước:

o1 sách chuyên khảo

o9 bài báo (trong đó có 01 bài báo đăng tại hàn
khẩu quốc tế)

Viết yêu cầu số vào đăng ký tại Thuyết minh

e) Kết quả tham gia đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ:

Hỗ trợ 04 tiến sĩ và 03 thạc sỹ
Về yêu cầu có vố đăng ký

g) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

Không

h) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với
Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ:

Vượt mức đăng ký

i) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

Tác động đối với kinh tế - xã hội như sau:

ABSCI

5. Căn cứ kết quả bô phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại đề tài ở mức sau (*đánh dấu ✓ vào ô tương ứng*):

• Xuất sắc:

Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt 60 điểm và có được một trong các kết quả sau:



- Có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);

- Đã được cấp ít nhất 01 văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

- Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.

• Khá:

Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên và có được một trong các kết quả sau:



- Có ít nhất 02 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia

- Có ít nhất 01 sách chuyên khảo được xuất bản (hoặc có giấy xác nhận về bản thảo được chấp thuận in và thời gian in của Nhà xuất bản).

• Trung bình:

Đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm trong đó, tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên.



• Không đạt:

Khi có tổng số điểm đạt dưới 60 điểm; hoặc khi có tổng số điểm của nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 đạt dưới 50 điểm.



6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của đề tài (*chi sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức “Không đạt”*):

7. Hội đồng đề nghị:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, công nhận kết quả đánh giá đề tài.

- Kiến nghị khác (nếu có):

(về việc sửa chữa hoàn thiện hồ sơ, khen thưởng, đề nghị tiếp tục đầu tư nghiên cứu, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống...)

Chính xác, rõ ràng theo ý kiến đóng góp của

hà đóng tại phủ Lục Tỉnh theo

Bản cáo trạng kết, tóm tắt và xác minh phẩm phái
Theo hướng dẫn quy định tại Thông tư 12/2009/TT-BKHQND

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Lê Thị Việt Hoa

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Nguyễn Đình Tuấn

Phụ lục kèm theo biên bản đánh giá

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỔNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐÔNG KHẨU HỘ GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC

1. Đánh giá về khái sáuong
Phản biện: PGS TS Lê Định Thành
Khái sáuong đầy đủ
PGS TS Đoàn Văn Cảnh
Đây là sản phẩm để xem xét nghiêm thu
TS Nguyễn Đức Đồng
Làm phán của đề tài đầy đủ để xem xét nghiêm thu
2. Ý kiến góp ý:
+ PGS TS Nguyễn Lập Dân UV phản biện
Phương pháp nghiên cứu tiếp liệu, tiến trình triển khai
để tin cậy. Lựa chọn mô hình phù hợp
Bài cáo Tổng hợp đặc tính hàng hóa, tuy nhiên
nên đưa chia sẻ 1 vào phần mủ đầu
Cần làm rõ mức độ ảnh hưởng của BĐHTI đối với nguyên
nhiệt và ảnh hưởng của hoạt động суд với nguyên tố nguyên
nhiệt
Cần phân tích rõ hơn về tính hợp lý và các kết
quả tính toán xu thế tăng giảm của dòng chảy
Có giải pháp để xuất nén chia thành giải pháp
công trình và phi công trình
Cần bổ sung tra để làm rõ
Sản phẩm tái tạo và đào tạo đầy đủ
+ PGS TS Lê Định Thành
Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu và đề tài
lai phù hợp. Đề tài có khía cạnh thương mại, kết quả nghiên
cứu trước, nên làm rõ hak xip nhất so với kết quả nghiên
trúc
Phản đánh giá TNN một súng thường sau là đặc

hết quan trọng cho ABSCL sử dụng thống kê để

Có thể dù liệu KTV cần được tuân thủ chính và thử
hiện rõ trong bài cáo tống hợp

Bên súng phản lực kết quả nghiên cứu, tên là đồng
gióp của để từ nay các kết quả nghiên cứu đều đây

Cần làm rõ tại đồng cát BAKH tên tên nguyên
nước mặn ABSCL sẽ sẵn sàng kích đánh tên nã đi truy
rõ kết quả nghiên cứu.

Bên công ty mìn hàn DSF để từ MBC chụp nhầm
Mìn KSH KTVx MT là tên v. Hút hòn để tái lấp mìn
trong những là quan sát Việt Nam được quyền khai
thác sử dụng, tuy nhiên cần xem rõ những thông tin
đầu tiên nào là mìn, có những xử lý kỹ thuật nào
đã áp dụng.

Để xuất giấy phép cần có một phản vieng nếu tống
kéo vẫn để là số khai báo x. Thúc tiến cho để mìn
giấy phép

+ GTT Tặng đk Tặng UV

Báo cáo Tống kết chi tiết, tuy nhiên nên tặng
hái các thông tin

Nên bổ sung luôn rõ mìn hàn tên tống Thủ, tên KHD,
hiển

Kết quả trả cho 2020 cho Kratie là kết quả
để far hay kế Huân Lãm rõ thông tin đầu vào tại
Kratie, Phnom Penh, đây là vấn đề quan trọng mà tôi bàn
giúp họ Quay ngày tại Kratie dài 2020 tăng lên 1135m³

(tăng lên nhiều so với số liệu hiện nay)!

Nên để súng phản lực nhằm nhập khẩu ABSCL (mà chỉ
để có để tái nyc khai)

PGS TS Đoàn Văn Cảnh

Bài sản phẩm thí nghiệm nhằm mục tiêu để xác
đánh giá nghiên cứu

Hết bộ cục bài báo cáo rút gọn

Có số đề bài hay là chỉ là số thứ tự

Hết minh chứng tài liệu

* TS Nguyễn Anh Đức

Báo cáo tổng hợp bộ cục rõ ràng, khoa học

- Sản phẩm nghiên cứu có ý nghĩa thiết thực

Cần bám sát các phân cấp nhất khắt khe

dung mực hình sao cho sao cho nguyên thủy và đầy

hồi

Cần cấp nhất hơn một số nguyên tắc của UASNCVN
và UEF của SMCQT

Số liệu thống kê tài liệu cần có tham chiếu đến
các tài liệu tham khảo để hiểu rõ nguồn gốc

* TS Lê Phí Việt Hòa

Báo cáo thử nghiệm công phu, bộ cục rõ ràng

Tinh túy khoa học, kỹ

Đề tài đã kiểm soát một khía cạnh từ đầu
đến cuối nên dùng phong phú

Phương pháp nghiên cứu kỹ, có thể cập nhật,

kết quả trình bày đúng tin cậy

Kết quả của đề tài là tài liệu tham khảo

có giá trị phục vụ rộng rãi quan trọng tài nguyên và

Nếu là công phản tích dẫn biến động chay liệt

Trung bình, trung vị nhất, 3 tháng nha chất, ngày
nhiệt

Hết bổ sung Thuyết minh tóm tắt tiền bối cũ,
dung nêu cho từ UASCL, từ đó làm rõ bản ảnh

hưởng của BACH ĐỐI với dung nồng bùn tăng tăng
Nên ta cũng thuyết minh phản ứng tanh gác hiện
tang phản ứng giữa các phản ứng H₂SO₄ và
thay đổi do ảnh hưởng của BACH

Bùn tăng thuyết minh làm rõ mối liên hệ giữa các
đối hanh xuôi và thành phần của bùn tăng của BACH
sử dụng nước lò PBSCL

* GS TS Nguyễn Dinh Tuân

Đã làm sát mục tiêu, xác dung tăng tự

Phương pháp nghiên cứu phản ứng

Tổng quan đây là tuy nhiên rất rõ rệt

Sản phẩm khoa học vượt chuẩn tăng tự

Là tên duy nhất duy nhất trong NCKTG Khoa

Viet Nam của thời điểm QĐ 1989/QĐ-TTg ngày 1/11/2010

Đến nay ngày ứng với các mức ngập khác nhau
cần lý giải tại sao mực ngập 15cm thi Frizz
giảm mạnh, ngày 20cm lại tăng, ngày 30cm giảm.

Hà vẹt rõ hơn giải pháp phản ứng bùn
Còn xét đến chuyện đó là cần cung cấp, xét đến
chuyển đổi và cấu trúc bùn tăng

Nếu được tiếp tục so sánh nữa sẽ càng

1) Phản ứng với acid đồng thời với cải tạo bùn

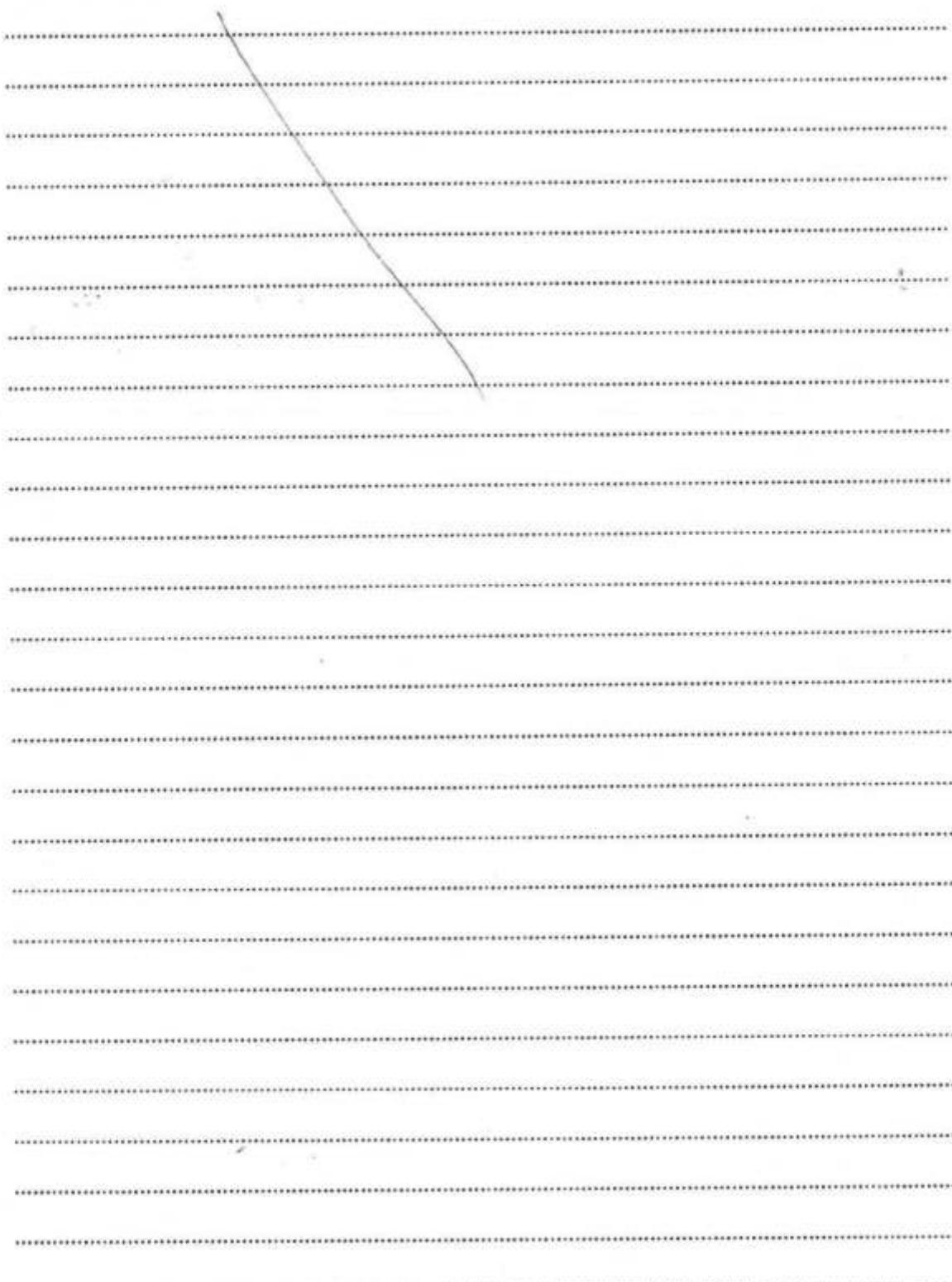
Thứ nhất phản ứng với acid tăng nồng 10%, 20%, 30%

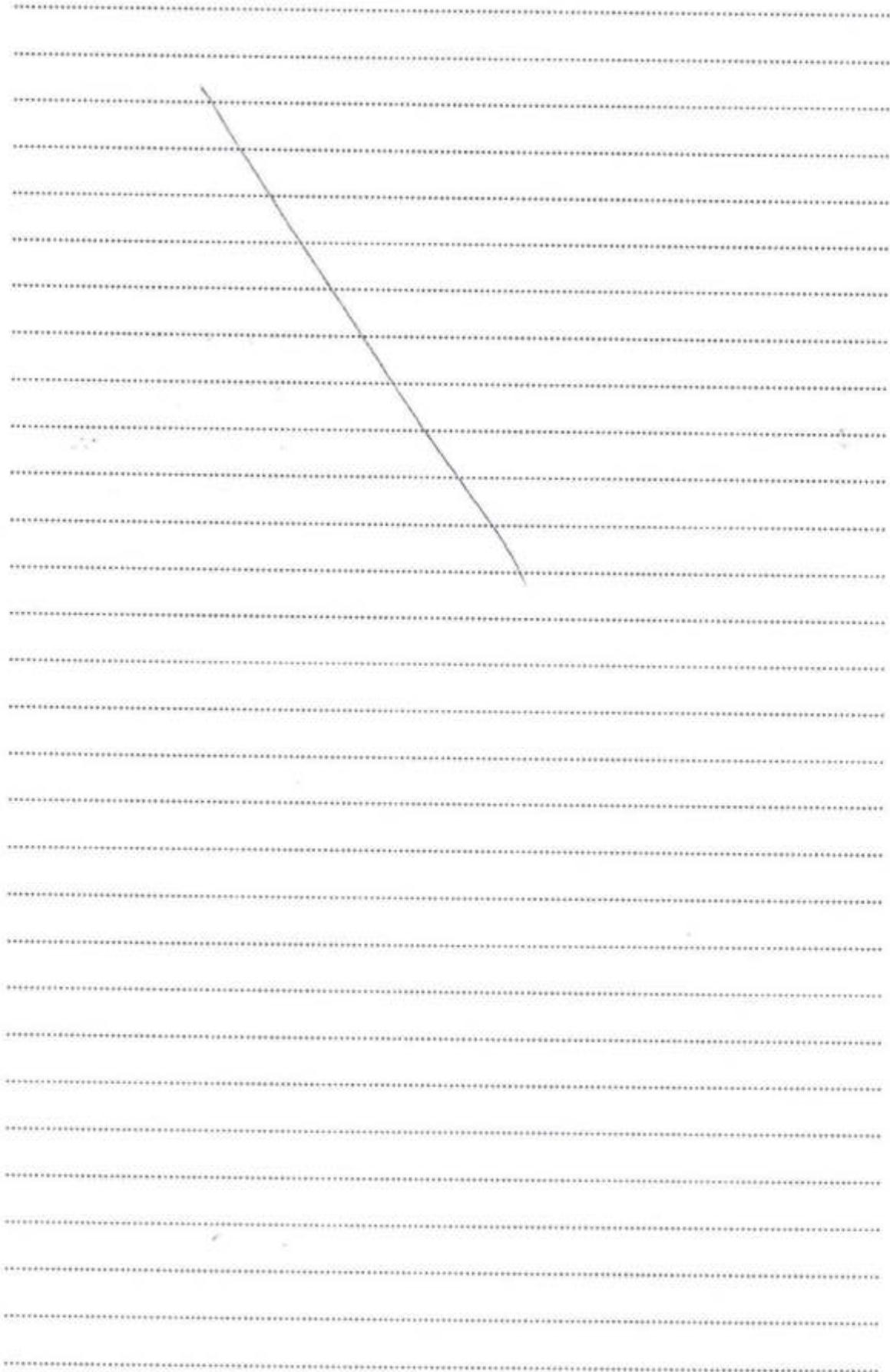
2) Phản ứng với acid đồng thời với cải tạo bùn
do phản ứng khử axit đất nồng nhisp DB Campuchia
về giá, thuế H₂SO₄ là 20% hàng hóa - Cát thô

1%, 2%, 3% - thì ảnh hưởng của BACH xuât hiện

Xung đột với PBSCL với thế nào thì có thể giải thích
Là tên chúa Aise kêu khai tên

3) Lô đầu tiên nghiên cứu sau trên để qui hoạch
xây dựng công ngăn mìn giữ ngọt tại các cửa sông
đến lùa chon thô theo xu hướng thông qua DMC & DTM



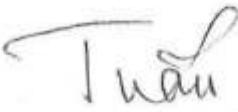


THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)



Lê Thị Việt Huyền

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)



Nguyễn Minh Tuấn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2313/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ cấp quốc gia được thành lập kèm theo Quyết định số 2554/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Chánh văn phòng Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp quốc gia “Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long”, mã số BĐKH.08 thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15.

Chủ nhiệm đề tài: **PGS.TS. Trần Hồng Thái**.

Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học Khi tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Xếp loại về nội dung khoa học công nghệ: Đạt loại Khá.

Xếp loại về Tổ chức thực hiện: Đạt.

Điều 2. Đề tài được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của đề tài và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của đề tài được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch, Tài chính; Chánh văn phòng Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; Cơ quan chủ và Chủ nhiệm đề tài; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- BCN Chương trình KHCN-BĐKH/11-15;
- Lưu VT, KHCN, VTH.10.

đk



Nguyễn Thái Lai

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày ..06.. tháng ..07.. năm ..2012
**TL. CHÁNH VĂN PHÒNG
TRƯỞNG PHÒNG VĂN THƯ - LƯU TRỮ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Đức Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 08/2012/HĐ-KHCN-BĐKH/11-15

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2228/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành mẫu thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp Nhà nước;

Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 08/2012/HĐ-KHCN-BĐKH/11-15 ngày 26 tháng 06 năm 2012 (sau đây gọi tắt là hợp đồng).

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2014, chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là:

a/ Ban chủ nhiệm Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước “Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu”, mã số KHCN-BĐKH/11-15

- Do Ông Nguyễn Thái Lai
- Chức vụ: Chủ nhiệm Chương trình làm đại diện
- Địa chỉ: số 10, Tôn Thất Thuyết, Hà Nội;

Tel: (04) 37956868; Fax: (04) 38359221

b/ Văn phòng Chương trình

- Do Ông Trần Bình Trọng
- Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng làm đại diện.
- Địa chỉ: số 10, Tôn Thất Thuyết, Hà Nội;

Tel: (04) 37595990; Fax: (04) 37595991

- Số tài khoản: 8123.1.3017289 tại Kho bạc Nhà nước quận Đống Đa, Hà Nội

2. Bên nhận (Bên B) là:

a/ Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài: Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Biển đổi khí hậu (trước là Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường đổi tên theo Quyết định số 74/QĐ-TTg ngày 13 tháng 1 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ)

- Do Ông Nguyễn Văn Thắng

- Chức vụ: Viện trưởng, làm đại diện.

- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: 04.37731410 Fax: 04.38355993.

- Số tài khoản: 3711.1.1058575 tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa.

b/ Chủ nhiệm Đề tài

- Ông Trần Hồng Thái

- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: 04.37731410

Các Bên cùng thảo thuận, thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng số 08/2012/HĐ-KHCN-BĐKH/11-15, ngày 26 tháng 06 năm 2012 với các điều khoản như sau :

Điều 1 : Xác nhận hoàn thành và bàn giao kết quả thực hiện đề tài :

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Nhà nước, “*Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước Đồng bằng sông Cửu Long*” (kèm theo Quyết định số 2313/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15).

2. Bên B đã đăng ký kết quả nghiên cứu của đề tài tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận kết quả số 2014-04-578/KQNC ngày 10 tháng 10 năm 2014).

3. Bên A giao cho bên B lưu trữ các kết quả nghiên cứu và các tài liệu theo quy định nêu tại Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số 08/2012/HĐ-KHCN-BĐKH/11-15, ngày 26 tháng 06 năm 2012.

Điều 2 Xử lý tài chính của đề tài :

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách Nhà nước 3.765.500.000 đồng (bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

2. Kinh phí bên B đề nghị và đã được bên A chấp nhận quyết toán là 3.765.500.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng - Trong đó kinh phí quyết toán là 3.765.500.000 đồng;).

Bên B đã sử dụng và quyết toán số kinh phí nói trên theo đúng các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước (có giấy xác nhận của cơ quan chủ trì).

Điều 3 : Xử lý tài sản của đề tài :

1. Tài sản mua sắm từ ngân sách Nhà nước cấp cho đề tài : Không có

2. Tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của đề tài : Không có

Điều 4 : Xử lý kết quả thực hiện đề tài :

1. Giao quyền chủ sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài (nếu có) cho Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biển đổi khí hậu (cơ quan chủ trì thực hiện Đề tài) thực hiện theo quy định hiện hành.
2. Cơ quan chủ trì thực hiện Đề tài thực hiện nghĩa vụ chuyển giao kết quả thực hiện đề tài đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hoặc các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội theo quy định hiện hành.
3. Trong trường hợp, cơ quan chủ trì thực hiện đề tài không thực hiện được quy định tại Khoản 2 Điều này thì Bộ Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền chuyển giao kết quả thực hiện Đề tài cho tổ chức khác.

Điều 5 : Hiệu lực của Biên bản thanh lý hợp đồng :

1. Biên bản thanh lý hợp đồng gồm ba (03) trang, được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bốn (04) bản.
2. Biên bản Thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN B (BÊN NHẬN)
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Trần Hồng Thái
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG
THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU



Số chứng nhận: 6373

Ngày: 14-06-2017

Nguyễn Văn Thắng

BÊN A (BÊN GIAO)
CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

Nguyễn Thái Lai
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH



Trần Bình Trọng



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Liên Hương

000369

BẢN SAO

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Số đăng ký: 2014-04-578/KQNC

Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước Đồng bằng sông Cửu Long

(Mã số nhiệm vụ: KHCN-BDKH.08)

CẤP NHÀ NƯỚC

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. TRẦN HỒNG THÁI

Cá nhân tham gia: PGS.TS. Trần Thực; ThS. Châu Trần Vinh;
PGS.TS. Hoàng Minh Tuyên; ThS. Lương Hữu Dũng;
PGS.TS. Ngô Trọng Thuận; ThS. Trần Thị Vân;
TS. Hoàng Đức Cường; PGS.TS. Nguyễn Thanh Sơn

Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thành lập theo Quyết định số 2554/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, họp ngày 24 tháng 12 năm 2013 tại Hà Nội,

Số chứng thực: Quyết sao: SCT/BNS
đã đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ./.

Ngày: 29 -01- 2015

Hà Nội, ngày 10. tháng 10 năm 2014

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG PHƯƠNG QUAN HỌA

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Hồ sơ lưu tại:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

Địa chỉ: 24-26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Số hồ sơ lưu: 10678/KQNC

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hùng

Đào Mạnh Thắng

ỦY BAN SÔNG MÊ CÔNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 580 /UBMC

V/v ứng dụng kết quả đề tài KH&CN
cấp Nhà nước BDKH.08

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kính gửi: Văn phòng Chương trình KH&CN phục vụ

VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH KHÁM PHỤC VỤ CỦA ỦY BAN SÔNG MÊ CÔNG VIỆT NAM
PHỤC VỤ CỦA ỦY BAN SÔNG MÊ CÔNG VIỆT NAM

Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 68

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ứng dụng kết quả nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 04/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam thông báo đến Văn phòng Chương trình về việc ứng dụng kết quả đề tài khoa học và công nghệ cấp nhà nước như sau:

1. Thông tin về nhiệm vụ

- Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước Đồng bằng sông Cửu Long.
- Loại hình nhiệm vụ: Đề tài khoa học và công nghệ.
- Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Trần Hồng Thái.
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học Kỹ thuật Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
- Ngày được nghiệm thu: 24/12/2013.

2. Thông tin về ứng dụng kết quả đề tài

Đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước Đồng bằng sông Cửu Long” do PGS.TS. Trần Hồng Thái thực hiện là một đề tài nghiên cứu có một lượng thông tin số liệu thu thập lớn và khá toàn diện, ứng dụng các phương pháp tính toán phong phú, đa dạng. Các phương pháp nghiên cứu và tính toán được ứng dụng trong Đề tài đã phục vụ tốt việc xác lập các luận cứ trong quản lý và khai thác sử dụng nước theo hướng tổng hợp và bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong quá trình tổ chức thực hiện của Đề tài, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đã phối hợp với đơn vị chủ trì, tập thể và cá nhân Chủ nhiệm đề tài sử dụng phương pháp, số liệu, kết quả nghiên cứu để xây dựng luận cứ, chuẩn bị ứng dụng phương pháp tính toán và xây dựng các kịch bản sử dụng nước ở Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu cho “Nghiên cứu

đánh giá tác động của các công trình thủy điện trên dòng chính sông Mê Công” của Chính phủ Việt Nam do tư vấn quốc tế thực hiện.

Ngoài ra, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam cũng đã sử dụng phối hợp với đơn vị chủ trì, tập thể và cá nhân Chủ nhiệm đề tài sử dụng phương pháp, số liệu, kết quả nghiên cứu của Đề tài trong tham gia đóng góp thực hiện các Dự án vùng của Ủy hội sông Mê Công quốc tế (MRC) như “Quy hoạch Phát triển Lưu vực”, “Dự án Quản lý tổng hợp tài nguyên nước sông Mê Công” do Ngân hàng Thế giới tài trợ, “Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững Lưu vực sông Mê Công bao gồm tác động của các dự án thủy điện dòng chính” và được các tổ chức và chuyên gia quốc tế và vùng đánh giá cao.

Hiện nay, trong nỗ lực tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu chiến lược được Chính phủ giao, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đang tích cực chuẩn bị triển khai và tham gia trong một số đề án nghiên cứu về tác động của phát triển thượng nguồn và biến đổi khí hậu tới vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các giải pháp ứng phó, các nhiệm vụ phục vụ công tác của Ủy ban và Ủy hội sông Mê Công quốc tế. Một trong những nguồn thông tin số liệu phục vụ công tác chuẩn bị cho các nhiệm vụ nêu trên, đặc biệt trong lĩnh vực tài nguyên nước và biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là các thông tin số liệu phương pháp và kết quả nghiên cứu của Đề tài.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn rất cao. Các thông tin, số liệu, kết quả nghiên cứu của Đề tài đã hỗ trợ hiệu quả cho các nghiên cứu chiến lược của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam và đóng góp cho các chương trình hợp tác của Ủy hội sông Mê Công quốc tế.

Trên đây là một số ý kiến về việc ứng dụng kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước đối với đề tài BĐKH.08 “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long” do PGS.TS.Trần Hồng Thái làm Chủ nhiệm đề tài, kính gửi Văn phòng để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CV.

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 14 tháng 06 năm 2017

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG

P. CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thị Hoàng Anh



Lê Đức Trung

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Số/MH/TNN-KH

V/v ứng dụng kết quả đề tài KH&CN
cấp Nhà nước BĐKH.08

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH KINH GỬI
PHỤC VỤ CỦA ỦY PHÓ VỚI BĐKH

Văn phòng Chương trình KH&CN phục vụ Chương trình mục
tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 6.9

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Thông tư số 04/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Quản lý tài nguyên nước thông báo Văn phòng Chương trình về việc ứng dụng kết quả đề tài khoa học và công nghệ cấp nhà nước như sau:

1. Thông tin về nhiệm vụ

- Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long.
- Loại hình nhiệm vụ: Đề tài khoa học và công nghệ.
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
- Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Trần Hồng Thái.
- Ngày được nghiệm thu: 24/12/2013.

2. Thông tin về ứng dụng kết quả đề tài

Đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long” do PGS.TS. Trần Hồng Thái thực hiện là một đề tài nghiên cứu lớn, số liệu thu thập, tính toán phong phú, đa dạng và đầy đủ; phương pháp nghiên cứu và tính ứng dụng cao trong việc xác định diễn biến tài nguyên nước, diễn biến hạn hán, ngập lụt do biến đổi khí hậu khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Trong quá trình tổ chức thực hiện của Đề tài, Cục đã phối hợp với Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và cá nhân Chủ nhiệm đề tài sử dụng số liệu, phương pháp, kết quả nghiên cứu để phối hợp với các Chuyên gia Hà Lan xây dựng Kế hoạch Đồng bằng sông Cửu Long (MDP).

Sau khi tiếp nhận sản phẩm của đề tài, trên cơ sở khoa học đề tài cung cấp, Cục đã, đang và sẽ chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long,

như: xây dựng nhiệm vụ và triển khai quy hoạch tài nguyên nước vùng; làm căn cứ cho việc xây dựng Báo cáo khả thi Dự án Sinh kế bền vững cho vùng đồng bằng sông Cửu Long với sự tài trợ của Ngân hàng thế giới; công tác theo dõi, giám sát các tác động của thuỷ điện dòng chính sông Mê Công đến Việt Nam; đề án thành lập Ủy ban lưu vực sông Cửu Long...

Kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao trong bối cảnh những năm gần đây, biến đổi khí hậu ngày càng có ảnh hưởng rõ rệt đến sự biến đổi tài nguyên nước của đồng bằng sông Cửu Long. Các thông tin, số liệu, kết quả nghiên cứu của tập thể tác giả đã hỗ trợ cho Cục Quản lý tài nguyên nước trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long; tạo cơ sở khoa học để trao đổi với các quốc gia ven sông khác về kế hoạch xây dựng các công trình thuỷ điện dòng chính hướng tới sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên nước sông Mê Công, nhất là việc cung cấp thông tin, luận cứ, phương pháp luận phục vụ chính sách hợp tác phát triển trên toàn lưu vực trong khuôn khổ Ủy hội sông Mê Công quốc tế.

Trên đây là một số ý kiến về việc ứng dụng kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước đối với đề tài BĐKH.08 "Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long" do PGS.TS.Trần Hồng Thái làm Chủ nhiệm đề tài, kính gửi Văn phòng đề tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (đề b/cáo);
- Lưu: VT,KH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Châu Trần Vinh

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 14 tháng 06 năm 2017

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
P. CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thị Hoàng Anh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHƯƠNG TRÌNH KHCN CẤP NHÀ NƯỚC KHCN-BĐKH/11-15

BÁO CÁO TÓM TẮT
KẾT QUẢ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

**ĐỀ TÀI: NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂN ĐÔI
KHÍ HẬU ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI TÀI NGUYÊN NƯỚC
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Mã số: BĐKH.08

Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Chủ nhiệm đề tài: Trần Hồng Thái

Hà Nội, năm 2013

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**CHƯƠNG TRÌNH KH&CN PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA ỨNG PHÓ VỚI BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU (BDKH/11-15)**

**ĐỀ TÀI: NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂN
ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI TÀI NGUYÊN
NUỚC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Mã số: BDKH.08

Chủ nhiệm Đề tài

Tổ chức chủ trì Đề tài

Trần Hồng Thái

Trần Hồng Thái

Ban chủ nhiệm chương trình



Nguyễn Đức Đồng



Nguyễn Khải Lai

Hà Nội, năm 2014

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
MỤC LỤC BẢNG	iv
MỤC LỤC HÌNH	ix
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI	3
1.1. Mục tiêu của đề tài	3
1.2. Danh sách thực hiện đề tài	3
1.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	3
1.4. Nội dung nghiên cứu của đề tài	5
1.5. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu	5
CHƯƠNG 2. PHÁP ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU ĐẾN TÀI NGUYÊN NƯỚC	7
2.1. Phương pháp và công cụ đánh giá ảnh hưởng của biển đổi khí hậu đến tài nguyên nước ở Đồng bằng sông Cửu Long	7
2.1.1. Sơ đồ bài toán	7
2.1.2. Công cụ mô hình trong đánh giá tác động của Biển đổi khí hậu đến tài nguyên nước	9
2.1.2.1. Công nghệ GIS	9
2.1.2.2. Các mô hình mô phỏng	10
CHƯƠNG 3. TỔNG QUAN LUU VỰC SÔNG MÊ CÔNG VÀ VÙNG ĐÔNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	15
3.1. Đặc điểm tự nhiên lưu vực sông Mê Công	15
3.2. Đặc điểm địa lý tự nhiên Đồng bằng sông Cửu Long	17
3.2.1. Đặc điểm địa hình	18
3.2.2. Đặc điểm khí hậu	19
3.2.3. Đặc điểm thủy văn	21
3.2.3.1. Hệ thống sông ngòi	21
3.2.3.2. Đặc điểm thủy văn trong lưu vực sông Mê Công	23
3.2.3.3. Đặc điểm thuỷ triều ở Đồng bằng sông Cửu Long	25
CHƯƠNG 4. NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH CÁC KỊCH BẢN BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU ĐẾN TÀI NGUYÊN NƯỚC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	27

4.1. Xác định biến dòng chảy vào Việt Nam ứng với các kịch bản BĐKH đến năm 2050.....	27
4.2. Kịch bản biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long	30
4.2.1. Phương pháp xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu cho quy mô nhỏ	30
4.2.2. Kịch bản biến đổi khí hậu đối với nhiệt độ trung bình ở DBSCL	30
4.2.3. Kịch bản biến đổi khí hậu đối với lượng mưa.....	31
4.3. Kịch bản nước biển dâng cho Đồng bằng sông Cửu Long.....	33
4.3.1. Kịch bản nước biển dâng cho khu vực Nam Bộ	33
4.3.2. Tính toán dao động mực nước biển khu vực Biển Đông ở Đồng Bằng sông Cửu Long	34
4.4. Tổng hợp các kịch bản trong bài toán nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước ở Đồng bằng sông Cửu Long	35
CHƯƠNG 5. ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP THÍCH ỨNG VỚI BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	38
5.1. Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước ở Đồng bằng sông Cửu Long.....	38
5.1.1. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến dòng chảy và phân phối dòng chảy vào Đồng bằng sông Cửu Long	38
5.1.2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến cân bằng và tỷ lệ phân phối dòng chảy các sông chính vùng Đồng bằng sông Cửu Long	44
5.1.3. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến dòng chảy các cửa sông chính ở Đồng bằng sông Cửu Long.....	57
5.2. Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sử dụng nước ở Đồng bằng sông Cửu Long.....	78
5.2.1. Hạn hán ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.....	78
5.2.2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sử dụng nước ở Đồng bằng sông Cửu Long	79
5.3. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến diễn biến ngập lụt vùng Đồng bằng sông Cửu Long.....	88
5.4. Đề xuất các giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, bảo đảm nguồn nước phục vụ phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long (phòng tránh hạn hán và lũ lụt)	103
5.4.1. Tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu, đến các ngành kinh tế chính ở Đồng bằng sông Cửu Long.....	103

5.4.1.1. Tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đến đất thổ cư và xây dựng	103
5.4.1.2. Tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đến đất nông nghiệp	104
5.4.1.3. Tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đến đất hoa màu và cây công nghiệp	107
5.4.1.4. Tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đến đất nông nghiệp kết hợp tôm	108
5.4.1.5. Tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đến đất lâm nghiệp	110
5.4.2. Đề xuất các giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, trong bối cảnh Biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long	111
5.4.2.1. Những thách thức đối với Đồng bằng sông Cửu Long	111
5.4.2.1. Đề xuất các giải pháp khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, bảo đảm nguồn nước phục vụ phát triển bền vững ở ĐBSCL.....	117
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	128
TÀI LIỆU THAM KHẢO	134

Nội dung báo cáo tóm tắt đề tài “*Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự biến đổi tài nguyên nước Đồng bằng sông Cửu Long*” được đóng thành quyển riêng biệt và gửi kèm theo hồ sơ.

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Số: 04/DTNCCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2006

HỢP ĐỒNG

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ vào đề cương đề tài nghiên cứu cơ bản được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt thực hiện năm 2006: "Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc đánh giá dòng chảy môi trường"

Hôm nay, ngày 30 tháng 3 năm 2006

Tại Viện Khí tượng Thuỷ văn

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là: Viện Khí tượng-Thủy văn

Địa chỉ: 5/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7731410

Tài khoản: 301.01.010.1, Kho bạc nhà nước Đống Đa - Hà Nội

Đại diện là: Ông Trần Thực

Chức vụ: Viện trưởng

2. Bên nhận (Bên B):

Đại diện là Ông: TS. Trần Hồng Thái

Điện thoại: (84-4) 7733090/320

Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Môi trường

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng Nghiên cứu khoa học và công nghệ như sau:

Điều 1: Trách nhiệm Bên B

1.1. Bên B cam kết thực hiện đề tài: "Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc đánh giá dòng chảy môi trường" theo các nội dung được duyệt năm 2006 của Thuyết minh trong đề cương được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

1.2. Sau khi kết thúc Hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A đầy đủ các tài liệu, sản phẩm (nếu trong phụ lục của Hợp đồng này), các báo cáo quyết toán tài chính của Hợp đồng.

1.3. Bên B phải chịu trách nhiệm về các nội dung của đề tài và được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 2: Kinh phí thực hiện hợp đồng

2.1. Kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Hợp đồng năm 2006 là: 30.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba mươi triệu đồng*).

2.2. Sau khi ký hợp đồng Bên A tạm ứng cho Bên B 70% tổng kinh phí, phần còn lại sẽ thanh toán sau khi nghiệm thu đề tài.

Điều 3: Thời hạn thực hiện hợp đồng

Thời hạn thực hiện đề tài từ tháng 3 đến hết tháng 11 năm 2006

Điều 4: Trách nhiệm Bên A

Bên A cam kết chuyển cho Bên B số kinh phí thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 2 theo quy định hiện hành về cấp phát kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

Điều 5: Điều khoản thi hành

5.1. Trong quá trình thực hiện đề tài, nếu bên nào có các yêu cầu cần thay đổi hoặc bổ sung, hai Bên phải kịp thời bằng văn bản để giải quyết. Các thay đổi và bổ sung này là bộ phận của Hợp đồng làm căn cứ khi nghiệm thu.

5.2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo luật pháp hiện hành.

5.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau: **BẢN GIAO**, **BẢN NHẬN**, **BẢN VĨNH VIỄN** và **BẢN CHÍNH**.

Số chứng thực: 9 8 3 8 Quyền số: 8 5 MSCT/BS

BÊN A (Bên giao) Ngày: 16 -06- 2011
Viện Khí tượng Thuỷ văn



Trần Thực

BÊN B (Bên nhận)

Chủ nhiệm đề tài

Trần Hồng Thái

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Minh Hoàng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
Số: 03/ĐTNCCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2007

HỢP ĐỒNG

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ vào kinh phí và nội dung thực hiện năm 2007 của đề cương để tài nghiên cứu cơ bản được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt: "Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc đánh giá dòng chảy môi trường"

Hôm nay, ngày 30 tháng 3 năm 2007

Tại Viện Khí tượng Thuỷ văn

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là: Viện Khí tượng-Thủy văn

Địa chỉ: 5/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7731410

Tài khoản: 301.01.010.1, Kho bạc nhà nước Đống Đa - Hà Nội

Đại diện là: Ông Trần Thực

Chức vụ: Viện trưởng

2. Bên nhận (Bên B):

Đại diện là Ông: TS. Trần Hồng Thái

Điện thoại: (84-4) 7733090/320

Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Môi trường

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng Nghiên cứu khoa học và công nghệ như sau:

Điều 1: Trách nhiệm Bên B

1.1. Bên B cam kết thực hiện đề tài: "Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc đánh giá dòng chảy môi trường" theo các nội dung được duyệt năm 2007 của Thuyết minh trong đề cương được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

1.2. Sau khi kết thúc Hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A đầy đủ các tài liệu, sản phẩm (nêu trong phụ lục của Hợp đồng này), các báo cáo quyết toán tài chính của Hợp đồng.

1.3. Bên B phải chịu trách nhiệm về các nội dung của đề tài và được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 2: Kinh phí thực hiện hợp đồng

2.1. Kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Hợp đồng năm 2007 là: 30.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba mươi triệu đồng*).

2.2. Sau khi ký hợp đồng Bên A tạm ứng cho Bên B 70% tổng kinh phí, phần còn lại sẽ thanh toán sau khi nghiệm thu đề tài.

Điều 3: Thời hạn thực hiện hợp đồng

Thời hạn thực hiện đề tài là 12 tháng, từ tháng

đến

12/2007

Điều 4: Trách nhiệm Bên A

Bên A cam kết chuyển cho Bên B số kinh phí thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 2 theo quy định hiện hành về cấp phát kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

Điều 5: Điều khoản thi hành

5.1. Trong quá trình thực hiện đề tài, nếu bên nào có các yêu cầu cần thay đổi hoặc bổ sung, hai Bên phải kịp thoả thuận bằng văn bản để giải quyết. Các thay đổi và bổ sung này là bộ phận của Hợp đồng làm căn cứ khi nghiệm thu.

5.2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo luật pháp hiện hành.

5.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản.

BÊN A (Bên giao)

Viện Khí tượng Thuỷ văn



Trần Thực

BÊN B (Bên nhận)

Chủ nhiệm đề tài

VIỆN KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
VÀ MÔI TRƯỜNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 8, tháng 6, năm 2011

Trần Hồng Thái

CHAMBAN PHÒNG

Dinh Xuan Linh

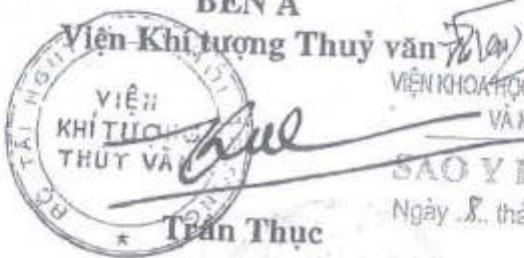
PHỤ LỤC
ĐƯỢC TOÁN KINH PHÍ VÀ NỘI DUNG THỰC HIỆN NĂM 2007
(Kèm theo Hợp đồng số 03/ĐTNCCB, ngày 30 tháng 3 năm 2007)

TT	Nội dung	Đơn vị tính: 1000 đồng				
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Mục lục NC
I	LƯƠNG VÀ THUÊ KHOÁN					
1	Phụ cấp chủ nhiệm đề tài	Tháng	12	100	1200	
2	Thuê khoán chuyên môn					
2.1	THU THẬP, XỬ LÝ SỐ LIỆU KTTV					
2.2	NỘI DUNG NGHIÊN CỨU					
1	<u>Chuyên đề 4:</u> Điều kiện tự nhiên tại một số khu vực của Việt Nam và đặc trưng của các hệ sinh thái	Ch.đề	1	3500	3500	
2	<u>Chuyên đề 5:</u> Phân tích tác động của sự thay đổi chế độ dòng chảy đến các đặc trưng sinh, lý, hóa học cũng như kinh tế-xã hội	Ch.đề	1	5000	5000	
3	<u>Chuyên đề 6:</u> Phân tích các phương pháp cụ thể và lựa chọn phương pháp phù hợp để phát triển cho các kịch bản khác nhau	Ch.đề	1	5000	5000	
4	<u>Chuyên đề 7:</u> Đề xuất các chỉ tiêu đánh giá dòng chảy môi trường cho lưu vực sông nhằm quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	Ch.đề	1	5000	5000	
5	<u>Chuyên đề 8:</u> Hướng dẫn sử dụng một số phương pháp đánh giá dòng chảy môi trường cụ thể	Ch.đề	1	4000	4000	
II	CHI KHÁC					
1	Văn phòng phẩm			600	600	
2	Hội thảo khoa học	Buổi	1	1000	1000	
3	Chuyên gia nhận xét báo cáo tổng kết	Bài	5	200	1000	
4	Nghiêm thu đề tài	Buổi	1	1200	1200	
5	Hoàn thiện báo cáo tổng kết	B/cáo	1	1000	1000	
6	Quản lý phí gián tiếp	Năm	1	1500	1500	
		Tổng số:			30000	

Tổng số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn

Ngày 30 tháng 3 năm 2007

BÊN A



BÊN A

Viện Khoa học Kỹ thuật Môi trường

VIỆN
KHOA HỌC
KỸ THUẬT
MÔI TRƯỜNG

* Trần Thục

BÊN B

Chủ nhiệm đề tài

VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

VÀ MÔI TRƯỜNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 8, tháng 6, năm 2007

Trần Hồng Thái

CHAMBANH VĂN PHÒNG

Đào Văn Linh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN KHÍ TƯƠNG THỦY VÂN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---☆---

-----oo-----

Đề tài: *Nghiên cứu cơ sở khoa học
trong việc đánh giá dòng chảy môi
trường*

Hà Nội, ngày tháng năm 2006

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG

HĐ Số 04/ĐTNCCB, ngày 30 tháng 3 năm 2006

1- Đại diện bên A gồm:

1. Ông Trần Thực, Viện trưởng Viện KTTV
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hải Trưởng phòng, Kế toán Viện KTTV
3. Ông Lê Nguyên Tường, Trưởng phòng KH-ĐT-HTQT
4. Ông Trần Trung Thành, chuyên viên quản lý KHCN

2- Đại diện bên B gồm:

Ông: *TS. Trần Hồng Thái*, chủ nhiệm đề tài

3- Sản phẩm khoa học bên B phải giao nộp cho bên A gồm:

- 01 Tập sản phẩm tổng kết đề tài bao gồm các nội dung chuyên đề được duyệt thực hiện trong năm 2006 của đề tài: "Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc đánh giá dòng chảy môi trường" (Phụ lục Nội dung và kinh phí kèm theo).
- 01 đĩa mềm báo cáo tổng kết và số liệu liên quan

4- Kinh phí đã cấp cho các khoản mục:

Đợt 1:

Đợt 2:

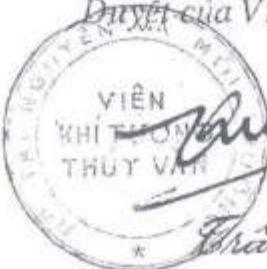
Tổng cộng: 30.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba mươi triệu đồng*).

5- Ý kiến đánh giá và kết luận:

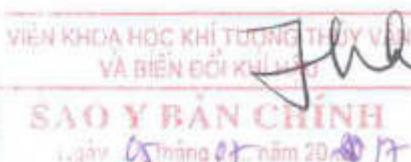
- Sản phẩm đề tài đúng đắn cương được duyệt
- Đề tài thực hiện đúng tiến độ

6- Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị như nhau: Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản.

Duyệt của Viện KTTV



Kế toán Viện



Bên B ký

Bên A ký

Thúy Huyền



Nô Thị Hằng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG



BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tên đề tài:

**NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC TRONG VIỆC ĐÁNH
GIÁ DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG**

Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Hồng Thái

HÀ NỘI - 2007

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ DCMT ĐANG ĐƯỢC ÁP DỤNG	4
1.1 TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRÊN THẾ GIỚI	4
1.1.1 Những nghiên cứu ở Mỹ	4
1.1.2 Nghiên cứu của Nam Phi	5
1.1.3 Các nghiên cứu tại Australia	6
1.1.4 Các nghiên cứu của Châu Á	8
1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở VIỆT NAM	9
1.3 CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG	10
1.3.1 Phương pháp thủy văn (Hydrological methods)	13
1.3.2 Phương pháp thủy lực (Hydraulic rating methods)	15
1.3.3 Phương pháp mô phỏng môi trường sống (Habitat simulation of microhabitat modelling methods)	16
1.3.4 Phương pháp tổng thể	17
CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CỦA LƯU VỰC SÔNG ĐÀ.....	20
2.1 VỊ TRÍ ĐỊA LÝ	22
2.2 ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH, ĐỊA MẠO	23
2.3 ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỔ NHUỒNG	24
2.3.1 Đặc điểm địa chất (phần thuộc lãnh thổ Việt Nam)	24
2.3.2 Đặc điểm thô nhuồng	25
2.4 ĐẶC ĐIỂM KHÍ TƯỢNG	25
2.5 THẨM PHÚ THỰC VẬT	27
2.6 ĐẶC TRƯNG HỆ SINH THÁI	29
2.6.1 Hệ thực vật lưu vực sông Đà	29
2.6.2 Hệ động vật trên cạn	29
2.6.3 Hệ thủy sinh	30
2.7 MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ CHẾ ĐỘ THUỶ VĂN TRÊN SÔNG ĐÀ.....	31
2.7.1 Dòng chảy năm	31
2.7.2 Dòng chảy lũ	32
2.7.3 Dòng chảy kiệt	33
2.7.4 Dòng chảy bùn cát	34

2.8 ĐÁNH GIÁ DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG CHO KHU VỰC NGHIÊN CỨU	34
2.8.1 Điều tra hiện trạng nguồn nước, đánh giá tồn thương hệ sinh thái, tồn thắt các giá trị môi trường	34
2.8.2 Tác động của đập Hòa Bình đến các hệ sinh thái khu vực hạ lưu	40
CHƯƠNG 3. ÁP DỤNG MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG CHO ĐOẠN SÔNG NGHIÊN CỨU	44
3.1 PHÂN TÍCH, XÁC ĐỊNH CÁC MỤC TIÊU ĐÁNH GIÁ DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG CHO ĐOẠN SÔNG NGHIÊN CỨU	44
3.2 LỰA CHỌN CÁC TUYỀN TÍNH TOÁN DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG	44
3.3 ÁP DỤNG MÔ HÌNH MIKE 11 TÍNH TOÁN CHUỖI DÒNG CHẢY TẠI CÁC TUYỀN ĐÁNH GIÁ DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG	48
3.3.1 Thiết lập mô hình	48
3.3.2 Kết quả hiệu chỉnh mô hình thủy lực	50
3.3.3 Kết quả kiểm nghiệm mô hình thủy lực	51
3.3.4 Nhận xét	53
3.4 ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP THỦY VĂN ĐÁNH GIÁ DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG	55
3.4.1 Giới thiệu phương pháp	55
3.4.2 Số liệu đầu vào	55
3.4.3 Kết quả và nhận xét	56
3.5 ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP CHU VI ƯỚT ĐÁNH GIÁ DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG CHO CÁC TUYỀN TÍNH TOÁN ĐÃ CHỌN	59
CHƯƠNG 4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG	69
4.1 PHƯƠNG PHÁP CHU VI ƯỚT	69
4.2 PHƯƠNG PHÁP IHA VÀ RVA	72
4.2.1 IHA	72
4.2.2 RVA	76
4.3 PHƯƠNG PHÁP DRIFT (DOWNSTREAM RESPONSE TO IMPOSED FLOW TRANSFORMATION)	78
4.4 PHƯƠNG PHÁP IFIM (IN-STREAM FLOW INCREMENTAL METHODOLOGY)	79
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

Nội dung báo cáo tóm tắt đề tài “*Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc đánh giá dòng chảy môi trường*” được đóng thành quyển riêng biệt và gửi kèm theo hồ sơ.

(nếu): 10/10/2008. Tùy chỉnh: 08/09/08
Hàng: 241.296.00

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 11/HĐ-VKTTV

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2007

HỢP ĐỒNG

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ vào đề cương được duyệt của đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai*”;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2007;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học Đào tạo và Hợp tác Quốc tế;

Hôm nay, ngày 25 tháng 4 năm 2007

Tại Viện Khí tượng Thuỷ văn

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là: Viện Khí tượng-Thủy văn

Địa chỉ: 5/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8359540

Tài khoản: 301.01.010.1, Kho bạc nhà nước Đống Đa, Hà Nội

Đại diện là: Ông Trần Thực

Chức vụ: Viện trưởng

2. Bên nhận (Bên B):

Đại diện là: Ông Trần Hồng Thái

Chức vụ: Chủ nhiệm đề tài

Đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện Khí tượng Thuỷ văn

Điện thoại: (04) 7733090/320

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ như sau:

Điều 1: Trách nhiệm Bên B

1.1. Bên B cam kết thực hiện đề tài: "Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai" theo các nội dung nghiên cứu của năm 2007 trong Thuyết minh đề tài đã được Bộ TNMT phê duyệt.

1.2. Sau khi kết thúc Hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A đầy đủ các tài liệu, sản phẩm (nêu trong phụ lục của Hợp đồng này) đã được đánh giá và nhận xét của các chuyên gia chuyên ngành, các báo cáo quyết toán tài chính của Hợp đồng.

1.3. Bên B và đơn vị quản lý trực tiếp phải chịu trách nhiệm về các nội dung của đề tài và được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 2: Kinh phí thực hiện Hợp đồng

2.1. Kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Hợp đồng năm 2007 là: 350.000.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn), (nội dung và dự toán kèm theo).

2.2. Vào thời điểm thích hợp, Bên A sẽ tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện Hợp đồng. Nếu Bên B không hoàn thành công việc theo đúng tiến độ nêu trong Thuyết minh đề tài, Bên A có thể thay đổi tiến độ hoặc ngừng việc cấp kinh phí.

2.3. Dự toán kinh phí được duyệt hàng năm là một bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng.

Ngay sau khi ký Hợp đồng Bên A tạm ứng cho bên B 70% giá trị Hợp đồng, phần còn lại thanh toán sau khi nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Điều 3: Thời hạn thực hiện Hợp đồng

Thời hạn thực hiện Hợp đồng từ tháng 7/2007 đến tháng 12 năm 2007.

Điều 4: Trách nhiệm Bên A

4.1. Bên A có trách nhiệm cấp kinh phí cho Bên B để thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 2 theo quy định hiện hành về cấp phát kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

4.2. Sau khi Bên B đã thực hiện xong nội dung nêu ở Khoản 1.2 của Điều 1, Bên A có trách nhiệm đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Điều 5: Điều khoản thi hành

5.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên nào có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung, hai Bên phải kịp thời thoả thuận bằng văn bản để giải quyết. Các thay đổi và bổ sung này là bộ phận của Hợp đồng để làm căn cứ khi nghiệm thu.

5.2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

5.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau: Phòng Kế hoạch Tài chính 03 bản; Phòng Khoa học Đào tạo và Hợp tác Quốc tế 01 bản; chủ nhiệm đề tài 02 bản.

BÊN A (Bên giao)

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN



Trần Thực

VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
VÀ MÔI TRƯỜNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16. tháng 11. năm 2011

BÊN B (Bên nhận)

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦH VĂN PHÒNG

NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NĂM 2007
(Kèm theo Hợp đồng số: .../HDKHCN ngày.../tháng.../năm 2007)

- . Đề tài: "Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai."
- . Chủ nhiệm: TS. Trần Hồng Thái
- . Mục tiêu:

Xây dựng công cụ phục vụ việc giám sát chất lượng nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý môi trường nước trong công tác cấp phép xả thải và cấp phép sử dụng nước cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai

. Sản phẩm hoàn thành:

- * Cơ sở khoa học và thực tiễn gồm số liệu địa hình, khí tượng thủy văn, thủy lực, hiện trạng kinh tế-xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và hiện trạng môi trường lưu vực sông; và bộ phần mềm mô phỏng lan truyền ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho lưu vực sông
- * Báo cáo về kết quả mô phỏng diễn biến chất lượng môi trường nước cho sông (dưới dạng bản đồ phân bố chất ô nhiễm và bảng biểu) và xu thế diễn biến hiện trạng môi trường nước dựa trên các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trên lưu vực sông
- * Đề xuất phương án tăng cường năng lực quan trắc môi trường nước cho lưu vực sông và các phương án giảm ô nhiễm cho lưu vực sông thông qua công tác cấp phép xả thải và khai thác sử dụng nước

Báo cáo tổng kết

Thời gian thực hiện: từ tháng 4 đến 12/2007

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Đơn giá (1000 đồng)	Theo nội dung được duyệt		Dự toán kinh phí năm 2007		Mục lục ngân sách
				Số lượng	Thành tiền (1000 đồng)	Số lượng	Thành tiền (1000 đồng)	
I	XÁC ĐỊNH VÀ TUYỂN CHỌN ĐỀ TÀI				5 590		5 590	
1.1	Kết quả xác định đề cương chi tiết		600	1	600	1	600	
1.2	Kết duyệt đề cương các cấp (02 cấp)				4 990		4 990	
I	Xét duyệt cấp cơ sở				2 050		2 050	
a	Chủ tịch hội đồng	Ng/buổi	150	1	150	1	150	
b	Uỷ viên, thư ký hội đồng	Ng/buổi	100	6	600	6	600	
c	Bài nhận xét của phản biện	bài viết	70	2	140	2	140	
d	Đại biểu tham dự	Ng/buổi	50	20	1 000	20	1 000	
e	Bài nhận xét của uỷ viên	bài viết	40	4	160	4	160	
f	Xét duyệt cấp Bộ				2 940		2 940	
1	Chủ tịch hội đồng	Ng/buổi	150	1	150	1	150	
1	Uỷ viên, thư ký hội đồng	Ng/buổi	100	10	1 000	10	1 000	
2	Nhận xét của phản biện	bài viết	70	2	140	2	140	
1	Đại biểu tham dự	Ng/buổi	50	25	1 250	25	1 250	
	Bài nhận xét của uỷ viên	bài viết	50	8	400	8	400	
I	THU THẬP SỐ LIỆU VÀ ĐO ĐẠC KHẢO SÁT THỰC ĐỊA				362 900		182 870	

<i>II.1</i>	<i>Thu thập các thông tin có liên quan đến đề tài</i>					<i>30 150</i>		<i>30 150</i>	
1	Thu thập các tài liệu về kết quả điều tra, khảo sát và nghiên cứu về chất lượng nước và hệ thống quan trắc chất lượng nước cho sông Sài Gòn - Đồng Nai	Công	30	70	2 100	70	2 100		
2	Thu thập tài liệu địa hình:				<i>8 250</i>		<i>8 250</i>		
2.1	<i>Chi phí sao chép bản đồ địa hình dạng số tỷ lệ 1/250.000 từ Cục Đo đạc và Bản đồ nhằm phục vụ cho việc xây dựng các bản đồ đặc điểm tự nhiên, các bản đồ tài nguyên trên lưu vực như bản đồ tài nguyên đất, bản đồ tài nguyên rừng, bản đồ tài nguyên nước,</i>	Mành	50	5	250	5	250		
2.2	<i>Chi phí sao chép bản đồ địa hình dạng số tỷ lệ 1/10.000; 1/25.000 từ Cục Đo đạc và bản đồ phục vụ cho nghiên cứu chi tiết các công trình cũng như xây dựng dữ liệu cơ bản cho các mô hình thủy lực đối với một số vùng trên lưu vực sông</i>	Mành	50	100	5 000	100	5 000		
2.3	<i>Thu thập/tổng hợp các tài liệu liên quan đến tài liệu mặt cắt sông suối trong Hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai, phục vụ cho việc xây dựng mô hình thủy lực/chất lượng nước</i>	Công	30	100	3 000	100	3 000		
3	Thu thập tài liệu về đất đai thổ nhưỡng trên lưu vực	Công	30	70	2 100	70	2 100		
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn (giai đoạn 2000 - 2007) trên lưu vực và vùng phụ cận, bao gồm: Số liệu về khí tượng (tốc độ nhiệt độ, độ ẩm, gió, mưa...); số liệu lưu lượng nước thường xuyên, lũ, kiệt; số liệu về quy trình và thực tiễn điều hành	chuyên đề	9 000	1	9 000	1	9 000		
5	Thu thập tài liệu chất lượng nước, môi trường và hệ sinh thái thủy sinh trong vùng nghiên cứu				<i>4 200</i>		<i>4 200</i>		
5.1	<i>Thu thập các số liệu liên quan đến các chất lượng nước và môi trường tại các vị trí quan trắc cũng như các dự án đã thực hiện trong lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai</i>	Công	30	70	2 100	70	2 100		
5.2	<i>Thu thập các số liệu, tài liệu liên quan đến hệ sinh thái thủy sinh trong khu vực</i>	Công	30	70	2 100	70	2 100		

6	Thu thập tài liệu/số liệu liên quan đến hiện trạng phát triển dân sinh kinh tế và phương hướng phát triển kinh tế-xã hội. Các số liệu liên quan cần thu thập bao gồm:				4 500		4 500	
6.1	<i>Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia, vùng đã được Đảng và Nhà nước phê duyệt</i>	Công	30	50	1 500	50	1 500	
6.2	<i>Tình hình phát triển kinh tế-xã hội trong khu vực</i>	Công	30	50	1 500	50	1 500	
6.3	<i>Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2015</i>	Công	30	50	1 500	50	1 500	
II.2	<i>Điều tra, khảo sát bổ sung</i>				332 750		152 720	
1	Công tác phí và thuê xe ô tô đi điều tra khảo sát lấy số liệu hiệu chỉnh, kiểm định mô hình chất lượng nước				55 260		28 320	
1.1	<i>Phụ cấp công tác phí: 7 người x 10 ngày = 70 ngày</i>	Ng/ngày	30	70	2 100	40	1 200	
1.2	<i>Tiền ngủ: 7 người x 09 đêm = 63 đêm</i>	Ng/dêm	120	63	7 560	36	4 320	
1.3	<i>Thuê xe ôtô đi hai chiều: Hà Nội-Đồng Nai-Hà Nội</i>	Km	6	7 600	45 600	3 800	22 800	
2	Khảo sát lấy số liệu hiệu chỉnh, kiểm định mô hình chất lượng nước (gồm 07 chỉ tiêu)				124 400		124 400	
2.1	<i>Công lấy mẫu</i>	Công	30	40	1 200	40	1 200	
2.2	<i>Phân tích chất lượng nước sông Sài Gòn-Đồng Nai: 40 vị trí x 7 ngày = 280 mẫu</i>				123 200		123 200	
a	DO	Mẫu	60	280	16 800	280	16 800	
b	COD	Mẫu	70	280	19 600	280	19 600	
c	BOD ₅	Mẫu	80	280	22 400	280	22 400	
d	Tổng P	Mẫu	60	280	16 800	280	16 800	
e	Tổng N	Mẫu	50	280	14 000	280	14 000	
f	Pb	Mẫu	60	280	16 800	280	16 800	
g	Tổng Coliform	Mẫu	60	280	16 800	280	16 800	
3	Khảo sát, phân tích chất lượng nước phục vụ bài toán xác định nguồn ô nhiễm (gồm 03 chỉ tiêu)				153 090			
3.1	<i>Công lấy mẫu</i>	Công	30	63	1 890			
3.2	<i>Phân tích chất lượng nước sông Sài Gòn-Đồng Nai: 3 khu vực x 9 vị trí x 4 lần/ngày x 7 ngày = 756 mẫu</i>				151 200			
a	DO	Mẫu	60	756	45 360			
b	BOD ₅	Mẫu	80	756	60 480			
c	Tổng Coliform	Mẫu	60	756	45 360			
III	HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU				372 588		134 596	

	Điều tra, thu thập, tổng hợp, phân tích các thông tin, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; hiện trạng môi trường nước; hiện trạng xả thải, lan truyền ô nhiễm; hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên nước; hiện trạng sử dụng đất trong hạ lưu				33 596		33 596	
III.1	Chuyên đề 1: Tổng quan hệ thống quan trắc chất lượng nước cho sông Sài Gòn - Đồng Nai	Ch/ dề	3 000	1	3 000	1	3 000	
1	Chuyên đề 2: Tổng quan về khí tượng thuỷ văn và địa chất thuỷ văn, hiện trạng sử dụng nước dưới đất, hiện trạng khai thác sử dụng nước trên khu vực sông Sài Gòn-Dồng Nai trong thời gian vừa qua trên lưu vực và vùng lân cận	Ch/ dề	3 000	1	3 000	1	3 000	
2	Chuyên đề 3: Tổng quan về chất lượng nước, môi trường và hệ sinh thái thuỷ sinh	Ch/ dề	3 000	1	3 000	1	3 000	
3	Xây dựng bản đồ chất lượng nước (07 chỉ tiêu chính) cho sông Sài Gòn - Đồng nai	bản đồ	1 114	7	7 798	7	7 798	
4	Chuyên đề 4: Tổng quan về hiện trạng bảo vệ môi trường nước sông Sài Gòn-Dồng Nai	Ch/ dề	3 000	1	3 000	1	3 000	
5	Chuyên đề 5: Tổng quan về hiện trạng phát triển dân sinh kinh tế và phương hướng phát triển kinh tế-xã hội	Ch/ dề	3 000	1	3 000	1	3 000	
6	Chuyên đề 6: Tổng quan về hiện trạng các nguồn thải chính	Ch/ dề	3 000	1	3 000	1	3 000	
7	Xây dựng bản đồ các nguồn xả thải	bản đồ	1 114	7	7 798	7	7 798	
8	Lựa chọn mô hình thích hợp tính toán lan truyền ô nhiễm cho khu vực				23 000		23 000	
III.2	Chuyên đề 7: Tổng quan về các mô hình tính toán lan truyền ô nhiễm môi trường nước	Ch/ dề	3 000	1	3 000	1	3 000	
1	Chuyên đề 8: Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ thị môi trường phù hợp theo mô hình DPSIR nhằm đánh giá hiện trạng môi trường nước sông Sài Gòn-Dồng Nai	Ch/ dề	10 000	1	10 000	1	10 000	
2	Chuyên đề 9: Cơ sở khoa học lựa chọn mô hình tính toán chất lượng nước cho sông Sài Gòn-Dồng Nai	Ch/ dề	10 000	1	10 000	1	10 000	
III.3	Mô phỏng quá trình lan truyền ô nhiễm cho sông Sài Gòn - Đồng Nai				105 798		78 000	
1	Áp dụng mô hình toán học để mô phỏng quá trình thuỷ văn, thuỷ lực				64 000		64 000	

1.1	Thiết lập mạng lưới tinh cho sông Sài Gòn - Đồng Nai	Công	40	300	12 000	300	12 000	
1.2	Xây dựng miền tính trên toàn bộ hệ thống sông Sài Gòn-Dồng Nai	Công	40	450	18 000	450	18 000	
1.3	Thiết lập các thông số đầu vào cho mô hình thuỷ văn - thuỷ lực	Công	40	350	14 000	350	14 000	
1.4	Hiệu chỉnh mô hình thuỷ văn - thuỷ lực	Công	40	250	10 000	250	10 000	
1.5	Kiểm định mô hình thuỷ văn thuỷ lực	Công	40	250	10 000	250	10 000	
2	Áp dụng mô hình toán học để mô phỏng chất lượng nước				34 000		14 000	
2.1	Thiết lập các thông số đầu vào cho mô hình chất lượng nước	Công	40	350	14 000	350	14 000	
2.2	Hiệu chỉnh mô hình chất lượng nước	Công	40	250	10 000			
2.3	Kiểm định mô hình chất lượng nước	Công	40	250	10 000			
3	Xây dựng các bản đồ phân bố ô nhiễm (cho 7 chỉ tiêu), mỗi chỉ tiêu một bản đồ	bản đồ	1 114	7	7 798			
III.4	Dự báo chất lượng nước sông Sài Gòn - Đồng Nai cho các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội				59 394			
1	Chuyên đề 10: Nghiên cứu xây dựng các kịch bản xã thải phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của khu vực lân cận	Ch/ đề	12 000	1	12 000			
2	Chuyên đề 11: Dự báo xu hướng chất lượng nước sông Sài Gòn-Dồng Nai cho các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội	Ch/ đề	12 000	1	12 000			
3	Xây dựng các bản đồ cảnh báo ô nhiễm cho các kịch bản ngắn hạn, trung hạn và dài hạn (cho 7 chỉ tiêu chính) , gồm 21 bản đồ	Bản đồ	1 114	21	23 394			
4	Chuyên đề 12: Đề xuất các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tới nền kinh tế xã hội	Ch/ đề	10 000	1	12 000			
III.5	Xây dựng cơ sở khoa học cho việc xác định nguồn thải và áp dụng thử nghiệm để xác định một số nguồn gây ô nhiễm chính cho sông Sài Gòn - Đồng Nai				128 800			
1	Chuyên đề 13: Nghiên cứu các phương pháp áp dụng mô hình mô phỏng chất lượng nước để tính toán mức độ nhạy cảm của chất lượng nước theo không gian	Ch/ đề	12 000	1	12 000			

2	Chuyên đề 14: Phương pháp phân tích mức độ nhạy cảm của chất lượng nước tại các điểm quan sát phụ thuộc vào sự biến động của nguồn thải	Ch/ đề	12 000	1	12 000		
2	Chuyên đề 15: Nghiên cứu xây dựng phương pháp định vị nguồn thải tại các điểm quan trắc	Ch/ đề	12 000	1	12 000		
4	Xây dựng mô hình xác định nguồn thải (1 chiều)				68 800		
4.1	Thiết lập bài toán nghịch xác định nguồn thải cho 3 chỉ tiêu chất lượng nước	Công	40	190	7 600		
4.2	Xây dựng thuật toán và hiện thực bằng ngôn ngữ lập trình Fortran	Công	40	290	11 600		
4.3	Biên tập và sửa lỗi phần mềm	Công	40	290	11 600		
4.4	Tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên tính toán trong mô hình	Công	40	190	7 600		
4.5	Chạy thử nghiệm mô hình cho các kịch bản giả định qua đồ hiệu chỉnh mô hình	Công	40	240	9 600		
4.6	Xây dựng giao diện phần mềm	Công	40	260	10 400		
4.7	Xây dựng hướng dẫn sử dụng phần mềm	Công	40	260	10 400		
5	Chuyên đề 16: Tính toán và xây dựng đầu vào cho mô hình xác định nguồn ô nhiễm	Ch/ đề	12 000	1	12 000		
6	Chuyên đề 17: Áp dụng phương pháp định vị nguồn thải mới được xây dựng để định vị nguồn thải trong 3 đoạn sông trong khu vực nghiên cứu hoặc vài khu vực	Ch/ đề	12 000	1	12 000		
III.6	Đề xuất phương án nâng cao năng lực hệ thống quan trắc môi trường cho sông Sài Gòn - Đồng Nai				22 000		
I	Chuyên đề 18: Nghiên cứu các phương pháp tối ưu hóa phục vụ quy hoạch hệ thống quan trắc môi trường nước sông nhằm tăng cường năng lực giám sát và giảm thiểu chi phí	Ch/ đề	10 000	1	10 000		
2	Chuyên đề 19: Đề xuất phương án nâng cao năng lực hệ thống quan trắc chất lượng nước cho sông Sài Gòn - Đồng Nai	Ch/ đề	10 000	1	12 000		
IV	CHI KHÁC				58 922		26944
1	Hội thảo khoa học (03 buổi) - tạm tính				4 810		2840
1.1	Chủ trì hội thảo	Ng/buổi	70	3	210	2	140
1.2	Báo cáo viên	bài viết	100	16	1 600	9	900
1.3	Thành viên tham dự	Ng/buổi	40	75	3 000	45	1800
2	Tổng kết nghiệm thu (2 cấp)				16 300		4600

2.1	Báo cáo kết quả thực hiện Đề tài (2 năm: mỗi năm 1 lần) và báo cáo tổng kết đề tài	Báo cáo	1 000	3	3 000	1	1000	
2.2	Chuyên gia phân tích các chuyên đề trước khi nghiệm thu Đề tài (19 chuyên đề x 2 bài nhận xét/chuyên đề)	Bài viết	200	38	7 600	18	3600	
2.3	Nghiệm thu cơ sở				2 250			
a	Chủ tịch hội đồng	Ng/buổi	100	1	100			
b	Bài nhận xét của phản biện	bài viết	150	2	300			
c	Uỷ viên, thư- ký hội đồng	Ng/buổi	70	6	420			
d	Đại biểu tham dự	Ng/buổi	40	27	1 080			
e	Bài nhận xét của uỷ viên	Ng/buổi	70	5	350			
2.4	Nghiệm thu cấp Bộ				3 450			
a	Chủ tịch hội đồng	Ng/buổi	150	1	150			
b	Bài nhận xét của phản biện	bài viết	200	2	400			
c	Uỷ viên, thư- ký hội đồng	Ng/buổi	100	9	900			
d	Đại biểu tham dự	Ng/buổi	50	30	1 500			
e	Bài nhận xét của uỷ viên	Ng/buổi	100	5	500			
3	Phụ cấp chủ nhiệm đề tài	Tháng	100	24	2 400	12	1200	
4	In ấn tài liệu, văn phòng phẩm, photto...(tạm tính)				23 412		12304	
5	Hỗ trợ chi hoạt động bộ máy	Năm	6 000	2	12 000	1	6000	
	TỔNG CỘNG				800 000		350 000	

Kinh phí được duyệt là tám trăm triệu đồng. Trong đó thực hiện năm 2007: Ba trăm năm mươi triệu đồng.

Ngày 25 tháng 11 năm 2007

VIỆN TRƯỞNG *Vũ*
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN



Trần Thực

Ngày 25 tháng 11 năm 2007

Chủ nhiệm đề tài

Jh

Trần Hồng Thái

VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

VÀ MÔI TRƯỜNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 11 năm 2007



PHÓ CHánh VĂN PHÒNG

Ngô Thị Hằng

14. 01.2008 5/4/08
AM. 1. 9/0 08
AS. 1/4/0 08
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 02/HD-VKTTVMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2008

22/2/08 Phuc huy PT=TM:
Muc 119 = 60.000.000

HỢP ĐỒNG

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ vào đề cương được duyệt của đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai*”;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2008;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học Đào tạo và Hợp tác Quốc tế;

Hôm nay, ngày 30 tháng 01 năm 2008

Tại Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là: Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường

Địa chỉ: 5/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8359540

Tài khoản: 301.01.010.1, Kho bạc nhà nước Đống Đa, Hà Nội

Đại diện là: Ông Trần Thực

Chức vụ: Viện trưởng

2. Bên nhận (Bên B):

Đại diện là: Ông Trần Hồng Thái

Chức vụ: Chủ nhiệm đề tài

Đơn vị: Trung tâm Tư vấn Khí tượng Thủỷ văn và Môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủỷ văn và Môi trường

Điện thoại: (04) 8359491

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ như sau:



Điều 1: Trách nhiệm Bên B

1.1. Bên B cam kết thực hiện để tài: “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai*” theo các nội dung nghiên cứu của năm 2008 trong Thuyết minh để tài đã được Bộ TNMT phê duyệt.

1.2. Sau khi kết thúc Hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A đầy đủ các tài liệu, sản phẩm (nêu trong phụ lục của Hợp đồng này) đã được đánh giá và nhận xét của các chuyên gia chuyên ngành, các báo cáo quyết toán tài chính của Hợp đồng.

1.3. Bên B và đơn vị quản lý trực tiếp phải chịu trách nhiệm về các nội dung của để tài và được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 2: Kinh phí thực hiện Hợp đồng

2.1. Kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Hợp đồng năm 2008 là: **400.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn)**, (*nội dung và dự toán kèm theo*).

2.2. Vào thời điểm thích hợp, Bên A sẽ tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện Hợp đồng. Nếu Bên B không hoàn thành công việc theo đúng tiến độ nêu trong Thuyết minh để tài, Bên A có thể thay đổi tiến độ hoặc ngừng việc cấp kinh phí.

2.3. Dự toán kinh phí được duyệt hàng năm là một bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng.

Ngay sau khi ký Hợp đồng Bên A tạm ứng cho bên B 70% giá trị Hợp đồng, phần còn lại thanh toán sau khi nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Điều 3: Thời hạn thực hiện Hợp đồng

Thời hạn thực hiện Hợp đồng từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2008.

Điều 4: Trách nhiệm Bên A

4.1. Bên A có trách nhiệm cấp kinh phí cho Bên B để thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 2 theo quy định hiện hành về cấp phát kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

4.2. Sau khi Bên B đã thực hiện xong nội dung nêu ở Khoản 1.2 của Điều 1, Bên A có trách nhiệm đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Điều 5: Điều khoản thi hành

5.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên nào có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung, hai Bên phải kịp thời thoả thuận bằng văn bản để giải quyết. Các thay đổi và bổ sung này là bộ phận của Hợp đồng để làm căn cứ khi nghiệm thu.

5.2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

5.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị như nhau: Phòng Kế hoạch Tài chính 03 bản; Phòng Khoa học Đào tạo và Hợp tác Quốc tế 01 bản; chủ nhiệm đề tài 02 bản.

BÊN A (Bên giao)

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC

KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG



CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 98-35 Quyền số: 5 vSCT/BS

Ngày: 16 -06- 2010

BÊN B (Bên nhận)

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Trần Hồng Thái



PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Minh Hoàng

DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2008

. Đề tài: "Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai."

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Đơn giá (1000 đồng)	Theo nội dung được duyệt		Dự toán kinh phí năm 2008	
				Số lượng	Thanh tiền (1000)	Số lượng	Thanh tiền (1000)
II	THU THẬP SỐ LIỆU VÀ ĐO ĐẶC KHẢO SÁT THỰC ĐỊA				362 900		180,030
II.2	<i>Điều tra, khảo sát bổ sung</i>				332 750		180,030
1	Công tác phí và thuê xe ô tô đi điều tra khảo sát lấy số liệu hiệu chỉnh, kiểm định mô hình chất lượng nước				55 260		26,940
1.1	<i>Phụ cấp công tác phí: 7 người x 10 ngày = 70 ngày</i>	Ng/ngày	30	70	2 100	30	900
1.2	<i>Tiền ngủ: 7 người x 09 đêm = 63 đêm</i>	Ng/dêm	120	63	7 560	27	3,240
1.3	<i>Thuê xe ôtô đi hai chiều: Hà Nội-Dồng Nai-Hà Nội</i>	Km	6	7 600	45 600	3 800	22,800
3	Khảo sát, phân tích chất lượng nước phục vụ bài toán xác định nguồn ô nhiễm (gồm 03 chỉ tiêu)				153 090		153,090
3.1	<i>Công lấy mẫu</i>	Công	30	63	1 890	63	1,890
3.2	<i>Phân tích chất lượng nước sông Sài Gòn-Dồng Nai: 3 khu vực x 9 vị trí x 4 lần/ngày x 7 ngày = 756 mẫu</i>				151 200		151,200
a	DO	Mẫu	60	756	45 360	756	45,360
b	BOD ₅	Mẫu	80	756	60 480	756	60,480
c	Tổng Coliform	Mẫu	60	756	45 360	756	45,360
III	HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU				372 588		199,192
III.3	Mô phỏng quá trình lan truyền ô nhiễm cho sông Sài Gòn - Đồng Nai				105 798		27,798
2	Áp dụng mô hình toán học để mô phỏng chất lượng nước				34 000		20,000
2.1	<i>Thiết lập các thông số đầu vào cho mô hình chất lượng nước</i>	Công	40	350	14 000		
2.2	<i>Hiệu chỉnh mô hình chất lượng nước</i>	Công	40	250	10 000	250	10,000
2.3	<i>Kiểm định mô hình chất lượng nước</i>	Công	40	250	10 000	250	10,000
3	Xây dựng các bản đồ phân bố ô nhiễm (cho 7 chỉ tiêu), mỗi chỉ tiêu một bản đồ	bản đồ	1 114	7	7 798	7	7,798
III.4	Dự báo chất lượng nước sông Sài Gòn - Đồng Nai cho các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội				59 394		59,394

1	Chuyên đề 10: Nghiên cứu xây dựng các kịch bản xã thái phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của khu vực lân cận	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12,000
2	Chuyên đề 11: Dự báo xu hướng chất lượng nước sông Sài Gòn-Đồng Nai cho các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12,000
3	Xây dựng các bản đồ cảnh báo ô nhiễm cho các kịch bản ngắn hạn, trung hạn và dài hạn (cho 7 chỉ tiêu chính), gồm 21 bản đồ	Bản đồ	1 114	21	23 394	21	23,394
4	Chuyên đề 12: Đề xuất các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tới nền kinh tế xã hội	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12,000
III.5	Xây dựng cơ sở khoa học cho việc xác định nguồn thải và áp dụng thử nghiệm để xác định một số nguồn gây ô nhiễm chính cho sông Sài Gòn - Đồng Nai				128 800		112,000
1	Chuyên đề 13: Nghiên cứu các phương pháp áp dụng mô hình mô phỏng chất lượng nước để tính toán mức độ nhạy cảm của chất lượng nước theo không gian	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12,000
2	Chuyên đề 14: Phương pháp phân tích mức độ nhạy cảm của chất lượng nước tại các điểm quan sát phụ thuộc vào sự biến động của nguồn thải	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12,000
3	Chuyên đề 15: Nghiên cứu xây dựng phương pháp định vị nguồn thải tại các điểm quan trắc	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12,000
4	Xây dựng mô hình xác định nguồn thải (1 chiều)				68 800		52,000
4.1	Thiết lập bài toán nghịch xác định nguồn thải cho 3 chỉ tiêu chất lượng nước	Công	40	190	7 600	190	7 600
4.2	Xây dựng thuật toán và hiện thực bằng ngôn ngữ lập trình Fortran	Công	40	290	11 600	290	11 600
4.3	Biên tập và sửa lỗi phần mềm	Công	40	290	11 600	290	11 600
4.4	Tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên tính toán trong mô hình	Công	40	190	7 600	190	7 600
4.5	Chạy thử nghiệm mô hình cho các kịch bản giả định qua đó hiệu chỉnh mô hình	Công	40	240	9 600	240	9 600
4.6	Xây dựng giao diện phần mềm	Công	40	260	10 400	100	4 000
5	Chuyên đề 16: Tính toán và xây dựng đầu vào cho mô hình xác định nguồn ô nhiễm	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12 000
6	Chuyên đề 17: Áp dụng phương pháp định vị nguồn thải mới được xây dựng để định vị nguồn thải trong 3 đoạn sông trong khu vực nghiên cứu hoặc vài khu vực	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12 000

IV	CHI KHÁC				58 922		20,778
1	Hội thảo khoa học (03 buổi) - tạm tính				4 810		1,970
1.1	Chủ trì hội thảo	Ng/buổi	70	3	210	1	70
1.2	Báo cáo viên	bài viết	100	16	1 600	7	700
1.3	Thành viên tham dự	Ng/buổi	40	75	3 000	30	1,200
2	Tổng kết nghiệm thu (2 cấp)				16 300		4,200
2.1	Báo cáo kết quả thực hiện Đề tài (2 năm: mỗi năm 1 lần) và báo cáo tổng kết đề tài	Báo cáo	1 000	3	3 000	1	1,000
2.2	Chuyên gia phân tích các chuyên đề trước khi nghiệm thu Đề tài (19 chuyên đề x 2 bài nhận xét/chuyên đề)	Bài viết	200	38	7 600	16	3,200
3	Phụ cấp chủ nhiệm đề tài	Tháng	100	24	2 400	12	1,200
4	In ấn tài liệu, văn phòng phẩm, photo... (tạm tính)				23 412		7,408
4.1	In ấn, photo tài liệu						4,000
4.2	Văn phòng phẩm						3,408
6	Hỗ trợ chi hoạt động bộ máy	Năm	6 000	2	12 000	1	6,000
	TỔNG CỘNG				800 000		400,000

Kinh phí thực hiện năm 2008: Bốn trăm triệu đồng chẵn.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2008

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯƠNG
THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trần Thục

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2008

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Trần Hồng Thái

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN & MÔI TRƯỜNG

Số: /HĐ-VKTTVMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2009

HỢP ĐỒNG**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ vào đề cương được duyệt của đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn – Đồng Nai*”;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao kế hoạch và dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2009;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học Đào tạo và Hợp tác Quốc tế;

Hôm nay, ngày 03 tháng 02 năm 2009

Tại Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là: Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đông Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 38359540

Tài khoản: 301.01.010.02.12, Kho bạc nhà nước Đông Đa, Hà Nội

Đại diện là: Ông Trần Thực

Chức vụ: Viện trưởng

2. Bên nhận (Bên B):

Đại diện là: Ông Trần Hồng Thái

Chức vụ: Chủ nhiệm đề tài

Đơn vị: Trung tâm Tư vấn Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường



Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường

Điện thoại: (04) 38359491

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ như sau:

Điều 1: Trách nhiệm Bên B

1.1. Bên B cam kết thực hiện đề tài: “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn – Đồng Nai*” theo các nội dung nghiên cứu của năm 2009 trong Thuyết minh đề tài đã được Bộ TNMT phê duyệt .

1.2. Sau khi kết thúc Hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A đầy đủ các tài liệu, sản phẩm (nêu trong phụ lục của Hợp đồng này) đã được đánh giá và nhận xét của các chuyên gia chuyên ngành, các báo cáo quyết toán tài chính của Hợp đồng.

1.3. Bên B và đơn vị quản lý trực tiếp phải chịu trách nhiệm về các nội dung của đề tài và được hưởng quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 2: Kinh phí thực hiện Hợp đồng

2.1. Kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Hợp đồng năm 2009 là:

110.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng)

(nội dung và dự toán kèm theo).

2.2. Vào thời điểm thích hợp, Bên A sẽ tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện Hợp đồng. Nếu Bên B không hoàn thành công việc theo đúng tiến độ nêu trong Thuyết minh đề tài, Bên A có thể thay đổi tiến độ hoặc ngừng việc cấp kinh phí.

2.3. Dự toán kinh phí được duyệt hàng năm là một bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng.

Ngay sau khi ký Hợp đồng Bên A tạm ứng cho bên B 70% giá trị Hợp đồng, phần còn lại thanh toán sau khi nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Điều 3: Thời hạn thực hiện Hợp đồng

Thời hạn thực hiện Hợp đồng từ ngày 03 tháng 02 đến 31 tháng 05 năm 2009.

Điều 4: Trách nhiệm Bên A

4.1. Bên A có trách nhiệm cấp kinh phí cho Bên B để thực hiện Hợp đồng nêu tại Điều 2 theo quy định hiện hành về cấp phát kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

4.2. Sau khi Bên B đã thực hiện xong nội dung nêu ở Khoản 1.2 của Điều 1, Bên A có trách nhiệm đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Điều 5: Điều khoản thi hành

5.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên nào có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung, hai Bên phải kịp thời thoả thuận bằng văn bản để giải quyết. Các thay đổi và bổ sung này là bộ phận của Hợp đồng để làm căn cứ khi nghiệm thu.

5.2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

5.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 05 bản có giá trị như nhau: Phòng Kế hoạch Tài chính 03 bản; Phòng Khoa học Đào tạo và Hợp tác Quốc tế 01 bản; Chủ nhiệm Đề tài 01 bản.

Số chứng thực: 9836 Quyển số: 858 SCT/BS

Ngày: 16-06-2017

BÊN A (Bên giao)
VIỆN TRƯỞNG

Trần Thục

PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Minh Hoàng

BÊN B (Bên nhận)
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Trần Hồng Thái

PHỤ LỤC

NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NĂM 2009

(Kèm theo Hợp đồng số: .../HĐ-VKTTVMT ngày 5 tháng 5 năm 2009)

Tên đề tài:

"*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán chất lượng nước để tính lan truyền ô nhiễm và định vị nguồn gây ô nhiễm cho lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai*"

Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Hồng Thái

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Đơn giá (1000 đồng)	Theo nội dung được duyệt		Dự toán kinh phí năm 2009	
				Số lượng	Thành tiền (1000đ)	Số lượng	Thành tiền (1000đ)
I	XÁC ĐỊNH VÀ TUYÊN CHỌN ĐỀ TÀI				5 590		0
II	THU THẬP SỐ LIỆU VÀ ĐO ĐẠC KHẢO				362 900		0
III	HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU				372 588		95 600
III.5	Xây dựng cơ sở khoa học cho việc xác định nguồn thải và áp dụng thử nghiệm để xác định một số nguồn gây ô nhiễm chính cho sông Sài Gòn - Đồng Nai				128 800		73 600
4	Xây dựng mô hình xác định nguồn thải (1 chiều)				68 800		49600
4.3	Biên tập và sửa lỗi phần mềm	Công	40	290	11 600	290	11600
4.4	Tối ưu hoá việc sử dụng tài nguyên tính toán trong mô hình	Công	40	190	7 600	190	7600
4.5	Chạy thử nghiệm mô hình cho các kịch bản giả định qua đồ hiệu chỉnh mô hình	Công	40	240	9 600	240	9600
4.6	Xây dựng giao diện phần mềm	Công	40	260	10 400	260	10400
4.7	Xây dựng hướng dẫn sử dụng phần mềm	Công	40	260	10 400	260	10400
5	Chuyên đề 16: Tính toán và xây dựng đầu vào cho mô hình xác định nguồn ô nhiễm	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12 000
6	Chuyên đề 17: Áp dụng phương pháp định vị nguồn thải mới được xây dựng để định vị nguồn thải trong 3 đoạn sông trong khu vực nghiên cứu hoặc vài khu vực	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12 000
III.6	Đề xuất phương án nâng cao năng lực hệ thống quan trắc môi trường cho sông Sài Gòn - Đồng Nai				22 000		22.000
1	Chuyên đề 18: Nghiên cứu các phương pháp tối ưu hoá phục vụ quy hoạch hệ thống quan trắc môi trường nước sông nhằm tăng cường năng lực giám sát và giảm thiểu chi phí	Ch/ đề	10 000	1	10 000	1	10.000
-2	Chuyên đề 19: Đề xuất phương án nâng cao năng lực hệ thống quan trắc chất lượng nước cho sông Sài Gòn - Đồng Nai	Ch/ đề	12 000	1	12 000	1	12.000
IV	CHI KHÁC				58 922		14 400
2	Tổng kết nghiệm thu (2 cấp)				16 300		8 300

2,1	Báo cáo kết quả thực hiện Đề tài (3 năm: mỗi năm 1 lần) và báo cáo tổng kết đề tài	Báo cáo	1 000	3	3 000	1	1.000
2,2	Chuyên gia phân tích các chuyên đề trước khi nghiệm thu Đề tài (19 chuyên đề x 2 bài nhận xét/chuyên đề)	Bài viết	200	38	7 600	8	1.600
2,3	Nghiệm thu cơ sở						2.250
a	Chủ tịch hội đồng	Ng/buổi	100	1	100	1	100
b	Bài nhận xét của phản biện	bài viết	150	2	300	2	300
c	Uỷ viên, thư ký hội đồng	Ng/buổi	70	6	420	6	420
d	Đại biểu tham dự	Ng/buổi	40	27	1 080	27	1.080
e	Bài nhận xét của uỷ viên	Ng/buổi	70	5	350	5	350
2,4	Nghiệm thu cấp Bộ						3.450
a	Chủ tịch hội đồng	Ng/buổi	150	1	150	1	150
b	Bài nhận xét của phản biện	bài viết	200	2	400	2	400
c	Uỷ viên, thư ký hội đồng	Ng/buổi	100	9	900	9	900
d	Đại biểu tham dự	Ng/buổi	50	30	1 500	30	1.500
e	Bài nhận xét của uỷ viên	Ng/buổi	100	5	500	5	500
3	In ấn tài liệu, pho to...(tạm tính)						1.070
4	Văn phòng phẩm						5.030
	TỔNG CỘNG				800 000		110 000

Kinh phí thực hiện năm 2009: Một trăm mươi triệu đồng chẵn

1/2

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2007

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số 11/HĐ-VKTTV, ngày 25 tháng 4 năm 2007)

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Hợp đồng số 11/HĐ-VKTTV, ngày tháng năm 2007 ký giữa Viện trưởng Viện Khí tượng Thuỷ văn với Chủ nhiệm của đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai*”;

Hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện trong kế hoạch năm 2007 của đề tài trên.

1- Đại diện bên A:

- 1. Ông Trần Thực
- 2. Ông Lê Nguyên Tường
- 3. Bà Nguyễn Thị Thanh Hải
- 4. Ông Nguyễn Lê Tâm

Viện trưởng, Viện KTTV&MT
Trưởng phòng KHĐT-HTQT
Trưởng phòng KHTC
Phó Vụ trưởng Vụ KHCN-Bộ TNMT

2- Đại diện bên B:

- 1. Ông Trần Hồng Thái
- 2. Ông Dương Hồng Sơn

Chủ nhiệm đề tài
Lãnh đạo đơn vị thực hiện ĐT

3- Khối lượng công việc đã hoàn thành Bên B phải giao nộp cho Bên A gồm:

- Các nội dung chuyên đề được duyệt thực hiện trong năm 2007 của đề tài: “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai*” (Phiếu lục Nội dung và kinh phí kèm theo).

Ngày 20/12/2007



PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Minh Hoàng

Tổng cộng: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

5- Ý kiến đánh giá và kết luận:

- Sản phẩm đề tài đúng đắn cương được duyệt (Phiếu lục danh sách sản phẩm kèm theo)
- Đề tài thực hiện đúng tiến độ

6- Biên bản được lập thành 06 bản có giá trị như nhau: Phòng KHTC giữ 03 bản, Phòng KHĐT-HTQT giữ 01 bản, Chủ nhiệm đề tài giữ 02 bản.

Duyệt của Viện KTTV&MT

Kế toán Viện

Bên B ký

Bên A ký

VIỆN TRƯỞNG
Trần Thực

Trần Hồng Thái

BẢN SAO

Q TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 2 năm 2008

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số 03/HĐ-VKTTVMT, ngày 30 tháng 01 năm 2008)

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Hợp đồng số 03/HĐ-VKTTVMT, ngày 30 tháng 01 năm 2008 ký giữa Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường với Chủ nhiệm của đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai*”;

Hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện trong kế hoạch năm 2008 của đề tài trên.

1- Đại diện bên A: Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường

- | | |
|----------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông Trần Thực | Viện trưởng, Viện KTTVMT |
| 2. Ông Lê Nguyên Tường | Trưởng phòng KHDT-HTQT |
| 3. Bà Nguyễn Thị Thanh Hải | Trưởng phòng KHTC |
| 4. Ông Nguyễn Lê Tâm | Phó Vụ trưởng Vụ KHCN-Bộ TNMT |

2- Đại diện bên B:

Ông Trần Hồng Thái

Chủ nhiệm đề tài

3- Khối lượng công việc đã hoàn thành Bên B phải giao nộp cho Bên A gồm:

- Các nội dung chuyên đề được duyệt thực hiện trong năm 2008 của đề tài: “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai*” (Số lượng công việc: 03/06/2008 - 30/06/2008) (đơn vị: công suất công dụng và kinh phí kèm theo). Số chứng thực: Quyển số: SCT/BS

4- Kinh phí đã cấp cho các khoản:

Đợt 1: 340.000.000 đồng

Đợt 2: 0 đồng

Tổng cộng: 340.000.000 đồng



Ngày: 16/06/2008

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Minh Hoàng

5- Ý kiến đánh giá và kết luận:

- Sản phẩm đề tài đúng đắn cung cấp (Phiếu lực danh sách sản phẩm kèm theo)
- Đề tài thực hiện đúng tiến độ

6- Biên bản được lập thành 06 bản có giá trị như nhau: Phòng KHTC giữ 03 bản, Phòng KHDT-HTQT giữ 01 bản, Chủ nhiệm đề tài giữ 02 bản.

Duyệt của Viện KTTVMT

Kế toán Viện

Bên B ký

Bên A ký



Lại

Thành

Ree

BẢN SAO

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG (Kèm theo Hợp đồng số 10/HĐ-VKTTVMT, ngày 03 tháng 02 năm 2009)

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Hợp đồng số 10/HĐ-VKTTVMT, ngày 03 tháng 02 năm 2009 ký giữa Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủỷ văn và Môi trường với Chủ nhiệm của đề tài "Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai";

Hai bên tiến hành nghiệm thu khôi lượng công việc thực hiện trong kế hoạch năm 2009 của đề tài trên.

1- Đại diện bên A: Viện Khoa học Khí tượng Thủỷ văn và Môi trường

- | | |
|-----------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông Trần Thực | Viện trưởng, Viện KHKTTV&MT |
| 2. Bà Nguyễn Thị Hiền Thuận | Trưởng phòng KHĐT-HTQT |
| 3. Bà Nguyễn Thị Thanh Hải | Trưởng phòng KHTC |
| 4. Ông Nguyễn Lê Tâm | Phó Vụ trưởng Vụ KHCN-Bộ TNMT |

2- Đại diện bên B:

Ông Trần Hồng Thái

Chủ nhiệm đề tài

3- Khôi lượng công việc đã hoàn thành Bên B phải giao nộp cho Bên A gồm:

Các nội dung chuyên đề, hợp đồng được duyệt thực hiện trong năm 2009 của đề tài: "Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai" (Phiếu đăng ký số 09/2008/QĐ-TBSP/HTL/Nội dung và kinh phí kèm theo)

4- Kinh phí đã cấp cho các khoản mục:

Đợt 1: 110.000.000 đồng

Đợt 2: 0 đồng

Tổng cộng: 110.000.000 đồng (bằng chữ: Mười lăm triệu đồng)

(nội dung và dự kiến điểm) 

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Minh Hoàng

5- Ý kiến đánh giá và kết luận:

- Sản phẩm đề tài đúng đắn cương được duyệt (Phiếu danh sách sản phẩm kèm theo)
- Đề tài thực hiện đúng tiến độ

6- Biên bản được lập thành 05 bản có giá trị như nhau: Phòng KHTC giữ 03 bản, Phòng KHĐT-HTQT giữ 01 bản, Chủ nhiệm đề tài giữ 01 bản.

Duyệt của Viện KTTVMT

Kế toán Viện

Bên B ký

Bên A ký

VIỆN TRƯỞNG
Phạm Minh Hoàng

Mr./
Thao

Ms.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI CẤP BỘ

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2010

BIÊN BẢN
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP BỘ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. **Tên đề tài:** "Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn- Đồng Nai".

Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường.

Chủ nhiệm Đề tài: TS. Trần Hồng Thái.

Thời gian thực hiện: 24 tháng.

2. **Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài** nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ số 2415/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. **Hội đồng họp** vào 14 h 00 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2010;

- **Địa điểm:** Hội trường tầng 4 Nhà B, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. **Hội đồng có 9 thành viên** (theo Quyết định)

- Có mặt: 7.

- Vắng mặt: 02 (Ông Nguyễn Chí Công và Nguyễn Văn Tuệ do bận công tác).

5. **Khách mời tham dự:**

a) **Đại diện các cơ quan quản lý:**

- Ông Nguyễn Lê Tâm, Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;
- Bà Tôn Tích Lan Phương, chuyên viên Vụ Tài chính.

b) **Đại diện Đơn vị chủ trì và thực hiện đề tài:**

- Ông Trần Thực - Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường;
- Ông Đặng Tùng Mẫn - Phó trưởng phòng Khoa học Đào tạo và Hợp tác quốc tế;
- Một số cộng tác viên đề tài.

6. **Hội đồng làm việc theo trình tự sau:**

a/ **Thư ký Hội đồng:** đọc Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài; giới thiệu đại biểu và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển cuộc họp;

b/ **Chủ tịch Hội đồng** thông qua chương trình làm việc;

c/ **Hội đồng** lần lượt nghe :

- Chủ nhiệm đề tài báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài;
 - Nhận xét chi tiết và cụ thể của hai phản biện;
 - Ý kiến của các thành viên Hội đồng và đại biểu:
 - Chủ nhiệm và nhóm tác giả đã thực hiện được khối lượng công việc khá lớn và tương đối đầy đủ các sản phẩm theo yêu cầu.
 - Chưa rõ số liệu chất lượng nước phục vụ cho tính toán: mức độ, khả năng đáp ứng (đủ/thiếu, đại biểu, tin cậy, đồng nhất, xử lý,...).
 - Xem lại tính hợp lý, tương thích của số liệu tính toán với số liệu thực đo, liệu kết quả có phù hợp tốt như báo cáo trình bày không? Kết quả xác định nguồn gây ô nhiễm ở vùng Cát Lái (trang 166) có gắn thực tế không cần có so sánh, đánh giá.
 - Chưa rõ nội dung giải bài toán ngược phục vụ cho việc xác định nguồn gây ô nhiễm (trọng tâm của đề tài) cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai. Ưu/nhược điểm và khó khăn khi giải bài toán ngược?
 - Khả năng sử dụng bài toán ngược trong thực tiễn (xác định nguồn gây ô nhiễm và dự báo ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai) và việc hoàn thiện bài toán ngược trong thực tế, nêu cụ thể những việc cần làm, liệu có thể áp dụng cho các vùng khác không?
 - Có thể cho rằng việc áp dụng giải bài toán ngược để xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai là chưa được thực hiện một cách tổng thể. Thực tế chỉ có thể sử dụng cho một số trường hợp cụ thể đối với các vùng có nguồn duy nhất gây ô nhiễm hoặc không xảy ra tương tác giữa chất thải lỏng và rắn...
 - Khó có thể thực hiện được nội dung xác định nguồn gây ô nhiễm cho khu công nghiệp trong phạm vi một đề tài nghiên cứu.
 - Các giải pháp đề xuất trong báo cáo chủ yếu mới dùng lại ở việc tổng hợp các kết quả đã có trước.
 - Thiếu phân tích, bình luận, đánh giá các kết quả (số liệu điều tra khảo sát, tính toán hiệu chỉnh, kiểm nghiệm mô hình....).
 - Cần nêu rõ một số sản phẩm: số liệu (điều tra khảo sát bổ sung), phần mềm, bản đồ... trong báo cáo và bổ sung trong phần phụ lục.
 - Bỏ cục báo cáo tổng kết chưa logic, chưa thể hiện rõ ràng và hệ thống các sản phẩm.
 - Một số thuật ngữ sử dụng chưa chính xác. Báo cáo còn một số sai sót về in ấn.
- 7. Đại diện Đơn vị chủ trì và Chủ nhiệm đề tài trả lời:**
- **Chủ nhiệm đề tài:** giải trình và tiếp thu ý kiến của hai phản biện và các thành viên Hội đồng.
 - **Đại diện đơn vị chủ trì:** Dánh giá cao việc nghiên cứu áp dụng bài toán ngược trong thực tiễn. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu sẽ khả quan hơn nếu áp

dụng cho vùng sông không ảnh hưởng triều thay vì áp dụng cho vùng sông chịu ảnh hưởng triều mạnh như hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai.

8. Kết quả bô phiếu đánh giá: Số phiếu phát ra và thu vào: 7

- Số phiếu xếp loại xuất sắc: 0;
- Số phiếu xếp loại khá: 4;
- Số phiếu xếp loại đạt : 3;
- Số phiếu xếp loại không đạt: 0.

9. Kết luận của Chủ tịch Hội đồng:

a) Kết luận cụ thể:

1. Hội đồng nhất trí cao về sự cần thiết thực hiện đề tài và chia sẻ với Chủ nhiệm và nhóm tác giả về mức độ phức tạp, khó khăn trong quá trình thực hiện đề tài; một phần về mặt thuật toán và một phần phải ứng dụng vào điều kiện thực tế để giải bài toán kỹ thuật trong điều kiện rất thiếu thông tin.

Nhìn chung Chủ nhiệm và nhóm tác giả đã cố gắng nỗ lực thực hiện và bám sát theo yêu cầu trong thuyết minh đề tài. Các kết quả của đề tài đáng được ghi nhận và về cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra, một phần kết quả đề tài có thể sử dụng tốt trong nghiên cứu tiếp theo như dự báo ô nhiễm cho lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai.

2. Đề hoàn thiện báo cáo kết quả đề tài, đề nghị tiếp thu các ý kiến đóng góp của hội đồng, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung báo cáo, trong đó cần làm rõ thêm một số nội dung sau :

- Về mô hình toán : cần nêu rõ và cụ thể hơn các điều kiện biên, ban đầu phục vụ cho việc chạy mô hình trong điều kiện cụ thể của bài toán đặt ra để qua đó thấy được các kết quả tính toán đảm bảo được độ ổn định, tin cậy cần thiết.

- Về kỹ thuật : các số liệu điều tra khảo sát bổ sung phục vụ cho việc chạy và kiểm nghiệm mô hình đã đưa ra trong báo cáo khảo sát nhưng trong báo cáo tổng kết thiếu tổng hợp trình bày các thông tin tài liệu thu thập (thời gian, vị trí, phương pháp lấy mẫu, xử lý...), đề nghị bổ sung.

Nhìn chung các kết quả thu nhận được trong quá trình thực hiện cần có biện luận, lý giải và đánh giá để qua đó thấy được tính logic, khoa học và độ tin cậy của các kết quả.

- Đề nghị xem xét lại phần giải bài toán ngược phục vụ cho việc xác định nguồn gây ô nhiễm. Trên thực tế có thể chỉ sử dụng bài toán này trong một số điều kiện cụ thể (nguồn gây ô nhiễm mang tính đặc thù, đơn giản như tràn dầu, không chịu ảnh hưởng thuỷ triều...).

Cần có các giải trình cụ thể để khẳng định trong kết luận những kết quả đã làm được và còn tồn tại cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung, làm rõ; phải nêu rõ những khó khăn và kiến nghị cụ thể khi sử dụng kết quả trong thực tế.

b) Kết luận chung:

- Đề tài xếp loại : Khá.

- Đề nghị Chủ nhiệm và nhóm tác giả sửa chữa, bổ sung và hoàn thiện các kết quả của đề tài trên cơ sở kết luận của Hội đồng, đặc biệt của hai phản biện.

- Trên cơ sở phản kết quả đề tài đạt được cũng như xét về sự cần thiết và tính thực tiễn, phức tạp của vấn đề nghiên cứu, Hội đồng kiến nghị Bộ xem xét tiếp tục hỗ trợ hướng đầu tư nghiên cứu đánh giá xu thế ô nhiễm trên lưu vực.

- Đề nghị Bộ cho nghiệm thu kết quả của đề tài sau khi Chủ nhiệm và nhóm tác giả đã sửa chữa, bổ sung hoàn chỉnh lại báo cáo tổng kết và giao nộp đầy đủ sản phẩm theo quy định./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Lâm Thị Hà Bắc

Nguyễn Thế Đồng

SÀO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 6 năm 1981

TU CHẤNH VĂN PHÒNG
VĨ TRƯỞNG PHÒNG VĂN THU-LỤU TRỮ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số : 8399/GCN-TTKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011

GIẤY CHỨNG NHẬN

CỤC TRƯỞNG CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Nghị định số 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN ngày 16/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ,

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Số đăng ký: 2011 - 04 - 201/KQNC

Tên đề tài, dự án : Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn-Đồng Nai

Chủ nhiệm đề tài, dự án: TS. TRẦN HỒNG THÁI

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2916

Quyển số: 01

CỤC TRƯỞNG



Tạ Bá Hưng

PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN CẨM QUANG

BẢN SAO

Cơ quan chủ trì đề tài, dự án : Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường
Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức, cá nhân phối hợp:

PGS.TS. Trần Thực

GS.TS. Ngô Đình Tuấn

TS. Nguyễn Văn Thắng

ThS. Trần Thị Vân

ThS. Đỗ Đình Chiến

ThS. Đỗ Thị Hương

KS. Hoàng Thị Thu Trang

KS. Nguyễn Mạnh Thắng

KS. Lê Vũ Việt Phong

KS. Nguyễn Xuân Trung

KS. Nguyễn Kim Tuyên

Biên bản của Hội đồng đánh giá chính thức kết quả thực hiện đề tài, dự án
thành lập theo Quyết định số: 70/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2009
của: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Họp ngày 24 tháng 02 năm 2010 tại Hà Nội

Hồ sơ lưu tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia,
24 Lý Thường Kiệt, Hà Nội.

Số hồ sơ : 8399/ KQNC



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

**BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

ĐỀ TÀI:

**NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MÔ HÌNH TÍNH TOÁN,
DỰ BÁO Ô NHIỄM VÀ XÁC ĐỊNH NGUỒN GÂY Ô
NHIỄM CHO HẠ LƯU SÔNG SÀI GÒN – ĐỒNG NAI**

Chủ nhiệm Đề tài: Trần Hồng Thái

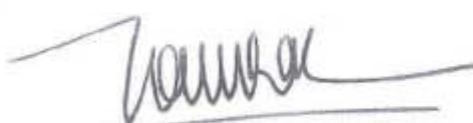
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

**BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA
HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

ĐỀ TÀI:

**NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MÔ HÌNH TÍNH TOÁN,
DỰ BÁO Ô NHIỄM VÀ XÁC ĐỊNH NGUỒN GÂY Ô
NHIỄM CHO HẠ LƯU SÔNG SÀI GÒN – ĐỒNG NAI**

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Trần Hồng Thái

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI



VIỆN TRƯỞNG
Trần Thanh

Hà Nội, năm 2009

LỜI CẢM ƠN

Đề tài: "Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn – Đồng Nai" được thực hiện và hoàn thành bởi các cán bộ khoa học Viện Khoa học khí tượng thủy văn và môi trường (KHKTTV&MT) và các cộng sự.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do tính phức tạp của tình hình phát triển công nghiệp và hiện trạng xả thải của các cơ sở sản xuất trên địa bàn nghiên cứu của Đề tài, nhưng với sự nhiệt tình và tâm huyết của tập thể tác giả và cộng tác viên giàu kinh nghiệm, có năng lực, cùng với sự quan tâm giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi của lãnh đạo Viện KHTT&MT, nhóm thực hiện đã hoàn thành một khối lượng công việc rất lớn, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu của Đề tài.

Để hoàn thành nhiệm vụ, Đề tài đã luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo, động viên kịp thời và những ý kiến đóng góp quý báu của: PGS.TS. Trần Thục, Viện trưởng Viện KHKTTV&MT và các đơn vị trực thuộc Viện: Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Khoa học, Đào tạo và Quan hệ Quốc tế, Văn phòng Viện, Phân viện KTTV&MT.

Trong suốt quá trình thực hiện Đề tài, đặc biệt là trong quá trình điều tra khảo sát thực tế và thu thập tài liệu phục vụ Đề tài, tập thể tác giả cũng nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình và hợp tác có hiệu quả các cán bộ quản lý, các đồng nghiệp thuộc các cơ quan liên quan như: Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... các tỉnh, thành phố trong lưu vực sông Sài Gòn – Đồng Nai (Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang), Trung tâm Khoa học Thủy văn Quốc gia, Trường Đại học Thuỷ lợi, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Viện Quy hoạch Thuỷ lợi Miền Nam, Viện Khoa học Thuỷ lợi. Không có sự hợp tác và hỗ trợ trên thì nghiên cứu của Đề tài không thể đạt được những thành công như vậy.

Lời cảm ơn đặc biệt sâu sắc xin được gửi tới cơ quan chủ quản Đề tài: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Vụ chức năng, cơ quan quản lý đã tạo điều kiện và cơ hội cho chúng tôi thực hiện và hoàn thành Đề tài.

Xin trân trọng cảm ơn tất cả!

Chủ nhiệm đề tài

DANH SÁCH CỘNG TÁC VIÊN

Chủ nhiệm: TS. Trần Hồng Thái

Cố vấn khoa học:

1. PGS.TS. Trần Thục
2. GS.TS. Ngô Đình Tuấn
3. GS.TS. Trương Quang Học
4. GS.TS. Mai Trọng Nhuận
5. GS.TS. Đặng Trung Thuận
6. TS. Nguyễn Văn Thắng
7. TS. Bảo Thạnh

Cộng tác viên:

1. NCS. Đỗ Đình Chiến
2. ThS. Trần Thị Vân
3. ThS. Đỗ Thị Hương
4. TS. Dương Hồng Sơn
5. ThS. Trương Đức Trí
6. ThS. Võ Thanh Hằng
7. Trần Sơn
8. ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh
9. ThS. Phan Đặng Đức Thọ
10. ThS. Phan Thanh Long
11. ThS. Lữ Thị Hoài Thương
12. Phạm Văn Hải
13. Lê Vũ Việt Phong
14. Nguyễn Mạnh Thắng
15. Nguyễn Thanh Tùng
16. Lê Thị Tuyết Anh
17. Phạm Văn Trang
18. Vũ Văn Minh

19. Nguyễn Thành Trung
20. Nguyễn Thị Phương
21. Trần Thị Kim Oanh
22. Nguyễn Thị Huệ
23. Nguyễn Bích Liên
24. Phạm Thị Thu Trang
25. Trần Thị Thanh Hải
26. Nguyễn Kim Tuyên
27. Nguyễn Thị Phương Hoa
28. Nguyễn Xuân Trung
29. Trần Đức Thịnh
30. Trần Thị Lan Anh
31. Nguyễn Hoàng Thùy
32. Nguyễn Hoàng Minh
33. Phạm Thị Thường;
34. Phạm Minh Châm
35. Nguyễn Bá Hùng
36. Cao Thanh Huyền
37. Nguyễn Thị Ngọc Mai
38. Đỗ Thị Lê
39. Nguyễn Hoàng Giang

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AD	Truyền tải - Khuếch tán
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
HD	Thủy động lực
WQ	Chất lượng nước
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
LVS	Lưu vực sông
SG-ĐN	Sài Gòn – Đồng Nai
KTĐDPN	kinh tế trọng điểm phía Nam
INEST	Viện Khoa học công nghệ và Môi trường
BOD	Nhu cầu ôxy sinh học
COD	Nhu cầu ôxy hóa học
TN	Tổng Nitơ
TP	Tổng Phốtpho
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
SoE	Hiện trạng môi trường
KCX	Khu chế xuất
KCN	Khu công nghiệp
CCN	Cụm công nghiệp
CSSX	Cơ sở sản xuất
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
XLNT	Xử lý nước thải
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCMT	Tiêu chuẩn môi trường
KTĐDPN	Kinh tế trọng điểm Phía Nam

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	xii
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG	1
1.1 TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI.....	1
1.2 MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ TÀI.....	2
1.3 PHẠM VI CỦA ĐỀ TÀI.....	2
CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ LUÔN VỰC SÔNG SÀI GÒN-ĐỒNG NAI.....	4
2.1 ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN	4
2.1.1 Vị trí địa lý và đặc điểm địa hình	4
2.1.2 Đặc điểm địa chất, thổ nhưỡng	5
2.1.3 Đặc điểm khí tượng- thủy văn	5
2.1.4 Mạng lưới sông ngòi.....	5
2.2 HIỆN TRẠNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TRÊN LUÔN VỰC.....	6
2.2.1 Tình hình phát triển kinh tế	6
2.2.2 Tình hình xã hội.....	7
2.2.3 Định hướng phát triển kinh tế-xã hội.....	7
2.3 HIỆN TRẠNG KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC TRÊN LUÔN VỰC	8
2.3.1 Hiện trạng khai thác nước mặt.....	8
2.3.2 Hiện trạng khai thác nước dưới đất	9
2.4 HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÀ HỆ SINH THÁI THỦY SINH	9
2.4.1 Hiện trạng các nguồn ô nhiễm đổ vào LVS Sài Gòn - Đồng Nai.....	9
2.4.2 Các nguồn thải trên lưu vực sông Sài Gòn – Đồng Nai.....	10
2.4.3 Hiện trạng chất lượng nước mặt	13
2.4.4 Hiện trạng chất lượng nước dưới đất	17
CHƯƠNG 3: ÁP DỤNG MÔ HÌNH MIKE 11 TÍNH TOÁN LAN TRUYỀN Ô NHIỄM HỆ THỐNG SÔNG	19
3.1 ÁP DỤNG MÔ HÌNH MIKE 11 TÍNH TOÁN LAN TRUYỀN Ô NHIỄM CHO HỆ THỐNG SÔNG SÀI GÒN – ĐỒNG NAI.....	19
3.1.1 Tài liệu sử dụng	19
3.1.2 Áp dụng mô hình MIKE 11 mô phỏng chế độ thủy văn thủy lực hệ thống sông Sài Gòn – Đồng Nai.....	25
3.1.3 Áp dụng mô hình MIKE 11 tính toán diễn biến chất lượng nước hệ thống sông Sài Gòn – Đồng Nai.....	29

CHƯƠNG 4: DỰ BÁO XU THẾ DIỄN BIẾN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SÔNG SÀI GÒN - ĐỒNG NAI	44
4.1 XÂY DỰNG CÁC KỊCH BẢN XẢ THẢI VÀO HỆ THỐNG SÔNG SÀI GÒN - ĐỒNG NAI	44
4.1.1 Cơ sở xây dựng kịch bản	44
4.1.2 Các kịch bản xả thải	46
4.2 DỰ BÁO DIỄN BIẾN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SÔNG SÀI GÒN - ĐỒNG NAI THEO CÁC KỊCH BẢN	47
CHƯƠNG 5: XÂY DỰNG MÔ HÌNH XÁC ĐỊNH NGUỒN GÂY Ô NHIỄM CHO SÔNG SÀI GÒN - ĐỒNG NAI	51
5.1 CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC XÂY DỰNG MÔ HÌNH XÁC ĐỊNH NGUỒN GÂY Ô NHIỄM TRÊN SÔNG	51
5.2 CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	51
5.2.1 Mô hình xác định tham số thủy lực cho hệ thống sông	51
5.2.2 Mô hình đánh giá nhanh xác định nguồn ô nhiễm cho dòng sông hẹp (một chiều)	54
5.2.3 Mô hình đánh giá nhanh xác định nguồn ô nhiễm cho dòng sông rộng, cửa sông - cửa biển và biển (hai chiều)	68
CHƯƠNG 6: ĐỀ XUẤT CÁC PHƯƠNG ÁN, BIỆN PHÁP GIẢM THIỆU Ô NHIỄM CHO SÔNG SÀI GÒN - ĐỒNG NAI	76
6.1 CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT Ô NHIỄM	76
6.1.1 Đối với nước thải sinh hoạt	76
6.1.2 Đối với nước thải công nghiệp	76
6.2 BIỆN PHÁP TẠO MÔI TRƯỜNG THÊ CHẾ BỀN VỮNG	77
6.2.1 Đối với thu phí nước thải	77
6.2.2 Xử phạt vi phạm	78
6.3 NÂNG CẤP HỆ THỐNG QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC LƯU VỰC	79
6.4 THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM	80
6.5 XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SÔNG	81
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

- Nội dung báo cáo tóm tắt đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng mô hình tính toán, dự báo ô nhiễm và xác định nguồn gây ô nhiễm cho hạ lưu sông Sài Gòn - Đồng Nai*” được đóng thành quyển riêng biệt và gửi kèm theo hồ sơ.

000424

Kính gửi : Viện Nghiên cứu Trung ương

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN KHOA HỌC THỦ ĐẦU MỘT số 16/1/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 20

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 1104

Ngày 26/11/2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện các đề tài năm 2008 thuộc Chương trình "Khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên" mã số KC.08/06-10

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004-NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ Qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHCN ngày 15/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ "Qui chế tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010" và Quyết định số 23/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc bổ sung một số điều của "Qui chế tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010";

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ "Qui định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Nhà nước";

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-BKHCN ngày 20/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Danh mục đề tài thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2006-2010 để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2008;

Căn cứ kết quả làm việc và kiến nghị của các hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài thuộc Chương trình KC.08/06-10;

Theo đề nghị của các Ông Chủ nhiệm chương trình KC.08/06-10, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên và Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện 05 đề tài cấp Nhà nước thực hiện năm 2008 thuộc Chương trình KC.08/06-10 (danh sách kèm theo).

Ly g: Phòng KHTH, Sao giao các đơn vị, cá nhân liên quan¹
v/v p. TV-TB

At. Thủ sau giao: Bộ Trung (TMVINT) Võ Huy (PM), Lê Minh (LHM), C. Thành (T)

Điều 2. Các tổ chức và cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh Thuyết minh đề tài theo kiến nghị của Hội đồng tư vấn xét chọn để Ban chủ nhiệm Chương trình và Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và phê duyệt nội dung, kinh phí.

Điều 3. Các cá nhân và thủ trưởng các tổ chức trúng tuyển chịu ~~bí mật~~ ~~các~~ ~~Kế hoạch~~ ~~Văn phòng~~ ~~các~~ ~~Chương trình~~ ~~KH&CN~~ trọng điểm cấp Nhà nước và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thanh tra;
- Lưu VT, VPCT.

SAO Y BẢN CHÍNH

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH



Đặng Hoàng Thành

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Lê Đình Tiến

VIỆ
CÁ
UY
TÌ
N



DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRÚNG TUYỂN CHỦ TRÌ CÁC ĐỀ TÀI
THỰC HÀNH NĂM 2008 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KC.08/06-10
*(Kèm theo Quyết định số. 27/2007/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 11 năm 2007 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Số TT	Tên đề tài	Mã số	Tổ chức trúng tuyển chủ trì đề tài	Cá nhân trúng tuyển chủ nhiệm đề tài	Ghi chú
1.	Đánh giá suy thoái môi trường trong quá trình chuyển đổi đất nông lâm sang nuôi trồng thủy sản ở các huyện ven biển Đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất các giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên đất.	KC.08.21/06-10	Viện KH Thuỷ lợi miền Nam, Bộ NN&PTNT	ThS. Nguyễn Văn Lân	
2.	Nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường của hệ thống sông Hồng – sông Thái Bình và đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước.	KC.08.22/06-10	Viện KH Thuỷ lợi, Bộ NN&PTNT	TS. Nguyễn Văn Hạnh	
3.	Nghiên cứu cơ sở khoa học quản lý hạn hán và sa mạc hóa để xây dựng hệ thống quản lý, đề xuất các giải pháp chiến lược và tổng thể giảm thiểu tác hại; Nghiên cứu điển hình cho đồng bằng sông Hồng và Nam Trung Bộ.	KC.08.23/06-10	Viện Địa lý, Viện KH&CNVN	TS. Nguyễn Lập Dân	
4.	Nghiên cứu thành phần di kèm trong các kiêng tự khoáng kim loại cơ bản và kim loại quý hiếm có triển vọng ở miền Bắc Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả khai thác chế biến khoáng sản và bảo vệ môi trường.	KC.08.24/06-10	Viện Địa chất, Viện KH&CN VN	TS. Trần Tuấn Anh	
5.	Nghiên cứu đánh giá tác động của các công trình trên dòng chính và các giải pháp quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên nước mặt lưu vực sông Hương	KC.08.25/06-10	Viện KH Thuỷ lợi, Bộ NN&PTNT	PGS.TS Nguyễn Quang Trung	



Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2008

Hợp đồng
Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
Số: 22/2008/HĐ - ĐTCT-KC.08/06-10

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2006 về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010 và Quyết định số 23/2006/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" và "Mẫu báo cáo định kỳ" để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ thuộc các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 2767/QĐ-BKHCN ngày 21/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì đề tài, thuộc Chương trình "Khoa học và Công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên";

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-BKHCN ngày 20/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí các đề tài cấp Nhà nước bắt đầu thực hiện năm 2008 thuộc Chương trình "Khoa học và Công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên", mã số KC.08/06-10;

Căn cứ Thông tư liên tịch 93/TTLT-BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2946/QĐ-BKHCN ngày 07/12/2007 về việc giao trách nhiệm ký duyệt Thuyết minh các đề tài nghiên cứu và dự án sản xuất thử nghiệm thuộc chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2006-2010;

Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên,
Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là:

a/ Ban chủ nhiệm Chương trình KC.08/06-10

- Do Ông Trần Đình Hợi

- Chức vụ: Chủ nhiệm Chương trình KC.08/06-10 làm đại diện

- Địa chỉ: 171 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội;

- Tel: 04.2450674 Fax: 045641283

b/ Văn phòng các Chương trình

- Do ông Đỗ Xuân Cường

- Chức vụ: Giám đốc Văn phòng các Chương trình làm đại diện.

- Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt; Tel: (04) 9366529; Fax: (04) 9366771

- Số tài khoản: 301.01.080.4 tại Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội

2. Bên nhận (Bên B) là:

a/ Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài: Viện Khoa Học Thủy Lợi

- Do Ông Nguyễn Thế Quảng

- Chức vụ: Viện trưởng, làm đại diện.

- Địa chỉ: 171 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội;

- Tel: 04.5634915 Fax: 04.5634915

- Số tài khoản: 931 01 048 tại Kho bạc Nhà nước quận Đống Đa - Hà Nội

b/ Chủ nhiệm Đề tài

- Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Địa chỉ: 171 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội;

- Tel: 04.5634915 Fax: 04.5636602

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện Đề tài

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện Đề tài "Nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường của hệ thống sông Hồng – sông Thái Bình và đề xuất các

3

giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước.", mã số KC.08.22/06-10, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KC.08/06-10 "Khoa học và Công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên" theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài.

Thuyết minh Đề tài KC.08/06-10 và các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Đề tài là 30 tháng, từ tháng 04 năm 2008 đến tháng 09 năm 2010

Tổng kinh phí cần thiết để thực hiện Đề tài là 3.240.000.000đồng (bằng chữ: Ba tỉ hai trăm bốn mươi triệu đồng). Bao gồm:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài do Bên A cấp là: 3.240.000.000đồng (bằng chữ: Ba tỉ hai trăm bốn mươi triệu đồng), trong đó kinh phí được khoán chi là: 3.015.000.000đồng (bằng chữ: Ba tỉ không trăm mươi năm triệu đồng)

+ Kinh phí từ các nguồn khác: 0

2. Bên B nhận thực hiện Đề tài trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Duyệt Thuyết minh Đề tài và kiểm tra tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo các nội dung trong các Phụ lục 3, 4 kèm theo Hợp đồng này.

b. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh Đề tài, các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo Hợp đồng; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

c. Cấp cho Bên B số kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 1 theo tiến độ từng năm, được thể hiện trong các Phụ lục 3, 4 của Hợp đồng.

d. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A xem xét và xác nhận khối lượng công việc đạt được phù hợp với kinh phí đã sử dụng và theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 3, 4 của Hợp đồng. Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ).

e. Tham gia ý kiến với Bên B về kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

f. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

g. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết trong Thuyết minh Đề tài để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến Đề tài không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong Thuyết minh Đề tài dẫn đến kết quả của Đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo Thuyết minh Đề tài;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

h. Phối hợp cùng Bên B quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài.

i. Theo quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của Đề tài (nếu có) theo quy định hiện hành.

k. Phân định trách nhiệm của Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình:

- Văn phòng các Chương trình chịu trách nhiệm thực hiện các điểm c, i của khoản 1, Điều 2.

- Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình cùng chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, b, d, e, f, g, h của khoản 1, Điều 2.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Đứng tên trong Đề tài và hưởng lợi ích thu được (nếu có) do việc khai thác thương mại các kết quả của Đề tài theo quy định hiện hành.

b. Kiên nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện mà vi phạm đó đã dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện được; không cấp đủ kinh phí thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng; không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B.

c. Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chi tiêu trong Thuyết minh Đề tài, các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo Hợp đồng.

d. Xây dựng kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm trang bị, thiết bị theo quy định.

e. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy

đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định.

f. Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.

g. Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần (theo mẫu BC ĐK - 01) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

h. Thực hiện việc đánh giá cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các tài liệu, mẫu sản phẩm nêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2 kèm theo trong Hợp đồng, báo cáo quyết toán tài chính của Đề tài và toàn bộ hồ sơ đã được hoàn chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở để Bên A tiến hành tổ chức thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước theo quy định hiện hành.

i. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

k. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài, cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

l. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu. Công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

m. Thực hiện đăng ký kết quả của Đề tài tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định.

n. Phân định trách nhiệm của Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài và Chủ nhiệm Đề tài:

- Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm d, k của khoản 2, Điều 2.

- Chủ nhiệm Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, c, f, l của khoản 2, Điều 2.

- Chủ nhiệm Đề tài cùng Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm b, e, g, h, i, m của khoản 2, Điều 2.

Điều 3. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với Đề tài đã kết thúc:

a. Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A tất toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành.

b. Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá

nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

2. Đối với Đề tài không hoàn thành:

a. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính.

b. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

c. Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện Đề tài:

- Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Đề tài.

- Nếu hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

Điều 4. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải

lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì có thể thoả thuận đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết. Trường hợp không có thoả thuận giải quyết tại Trọng tài thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Toà án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 5. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/04/2008 Hợp đồng 26 trang bao gồm phụ lục 1,2,3,4 được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, Bên A: 6 bản, Bên B: 4 bản.

Bên A (Bên giao)
Chủ nhiệm Chương trình KC08/06-10

Bên B (Bên nhận)
Chủ nhiệm Đề tài

GS.TS Trần Đình Hợi

TS. Nguyễn Văn Hạnh

Giám đốc
Văn Phòng các Chương trình



TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH



Đặng Hoàng Thành

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI

PGS.TS. Nguyễn Văn Phong

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO
Hợp đồng số: 22/2008/HĐ - ĐTCT-KC.08/06-10.

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DẠNG KẾT QUẢ III, IV

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Ghi chú
1	Báo cáo kết quả: Tổng quan nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường và các biện pháp duy trì dòng chảy môi trường trên thế giới và Việt nam	01	
2	Báo cáo kết quả: Xây dựng phương pháp luận phục vụ nghiên cứu dòng chảy môi trường hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình	01	
3	Báo cáo kết quả: Thu thập, điều tra, khảo sát bô xung, cập nhật và xử lý các dữ liệu địa hình, khí tượng thủy văn, chất lượng nước, đa dạng sinh học phục vụ xác định dòng chảy môi trường hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình	01	
4	Báo cáo kết quả: Xây dựng công cụ phục vụ tính toán đánh giá về dòng chảy môi trường hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình	01	
5	Bộ các mô hình toán	01	
7	Báo cáo kết quả: Xác định dòng chảy môi trường đến giai đoạn 2020 cho hệ thống sông Hồng - Thái Bình	01	
8	Báo cáo kết quả: Nghiên cứu, tính toán, đánh giá mức độ đảm bảo dòng chảy môi trường với hiện trạng các giải pháp quản lý nước trong lưu vực	01	
9	Báo cáo kết quả: Đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường của hệ thống sông Hồng - Thái Bình phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước và môi trường của khu vực và xử lý thông tin của đê tài	01	

10	Báo cáo kết quả: Xây dựng phần mềm quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu	01	
11	Báo cáo: Tổng hợp khoa học kỹ thuật và báo cáo tóm tắt của đề tài	01	
12	Kết quả tính toán dòng chảy môi trường	01	Đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ
13	Bài báo về các nội dung nghiên cứu chính của đề tài	04	Đăng trên các tạp chí
14	Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành thủy văn, môi trường và sinh thái	1+3	Bảo vệ thành công
15	Làm cơ sở khoa học cho các chuyên đề nghiên cứu sinh và nếu có đầu vào sẽ đào tạo từ 1-2 tiến sĩ		

Ghi chú:

- Dạng kết quả III:
 - Sơ đồ, bản đồ;
 - Số liệu, cơ sở dữ liệu;
 - Báo cáo phân tích;
 - Tài liệu tư báo (phương pháp, quy trình, mô hình...);
 - Đề án, quy hoạch;
 - Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - Các loại khác.

Dạng kết quả IV:

- Bài báo;
- Sách chuyên khảo;
- Kết quả tham gia đào tạo sau đại học;
- Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ;
- Các loại khác.

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DẠNG KẾT QUẢ I, II

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú
1	Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu KC.08.22/06-10	01	Phần mềm thuận tiện cho quản lý và truy cập dữ liệu	

Ghi chú:

- Dạng kết quả I:
 - Mẫu (model, maket);
 - Sản phẩm (có thể trở thành hàng hoá để thương mại hoá);
 - Vật liệu;
 - Thiết bị, máy móc;
 - Dây chuyền, công nghệ;
 - Giống cây trồng;
 - Giống vật nuôi;
 - Các loại khác.

Dạng kết quả II:

- Nguyên lý ứng dụng;
- Phương pháp;
- Tiêu chuẩn;
- Quy phạm;
- Phần mềm máy tính;
- Bản vẽ thiết kế;
- Quy trình công nghệ;
- Các loại khác.

PHỤ LỤC 3
SẢN PHẨM CẦN ĐẠT VÀ TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH

I. NĂM 2008

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
I	Các sản phẩm của nội dung 1		5/2008
1	Báo cáo kết quả thu thập, xử lý và đánh giá tổng quan các nghiên cứu về xác định dòng chảy môi trường và các biện pháp duy trì dòng chảy môi trường trên thế giới	Đưa ra được tổng quan về khoa học trong nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường và biện pháp duy trì dòng chảy môi trường trên thế giới.	4/2008
2	Báo cáo kết quả thu thập, xử lý và đánh giá tổng quan các nghiên cứu về xác định dòng chảy môi trường và các biện pháp duy trì dòng chảy môi trường ở Việt Nam	Đưa ra được tổng quan về khoa học trong nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường và biện pháp duy trì dòng chảy môi trường ở Việt Nam	5/2008
II	Các sản phẩm của nội dung 2		7/2008
1	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích cơ sở khoa học và xây dựng phương pháp luận xác định dòng chảy môi trường đảm bảo cho sự sống của hệ thống sông Hồng - Thái Bình	- Đưa ra được các cơ sở khoa học và phương pháp luận để xác định dòng chảy môi trường đảm bảo cho sự sống của hệ thống sông Hồng - Thái Bình	6/2008
2	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích cơ sở khoa học và xây dựng phương pháp luận xác định dòng chảy môi trường đảm bảo khả năng tự làm sạch nguồn nước trong sông không bị ô nhiễm phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo hạ lưu hệ thống sông không bị xâm nhập mặn	Đưa ra được các cơ sở khoa học và phương pháp luận để xác định dòng chảy môi trường đảm bảo khả năng tự làm sạch nguồn nước trong sông không bị ô nhiễm phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo hạ lưu hệ thống sông không bị xâm nhập mặn	6/2008
3	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích và xây dựng phương pháp luận xác định dòng chảy môi trường đảm bảo khả năng tự làm sạch nguồn nước cho các hệ thủy sinh phát triển	Đưa ra được các cơ sở khoa học và phương pháp luận để xác định dòng chảy môi trường đảm bảo khả năng tự làm sạch nguồn nước cho các hệ thủy sinh phát triển	6/2008
4	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích cơ sở khoa học phương pháp luận xác định dòng chảy môi trường đảm bảo nguồn nước cho các ngành kinh tế xã hội khác như nông nghiệp, điện, giao thông thủy...	Đưa ra được các cơ sở khoa học và phương pháp luận để xác định dòng chảy môi trường đảm bảo nguồn nước cho các ngành kinh tế xã hội khác như nông nghiệp, điện, giao thông thủy...	7/2008

5	Báo cáo kết quả phân tích các phương pháp luận của từng yêu cầu riêng để tổng hợp thành phương pháp luận chung xác định dòng chảy môi trường cho hệ thống sông Hồng - Thái Bình.	Đưa ra kết quả phân tích các phương pháp luận của từng yêu cầu riêng để tổng hợp thành phương pháp luận chung xác định dòng chảy môi trường cho hệ thống sông Hồng - Thái Bình.	7/2008
III	Các sản phẩm của nội dung 3		11/2008
1	Báo cáo kết quả điều tra, chỉnh lý bổ xung dữ liệu địa hình hệ thống sông, và hệ thống công trình	Đưa ra được kết quả điều tra, chỉnh lý bổ xung dữ liệu địa hình hệ thống sông và hệ thống công trình	10/2008
2	Báo cáo kết quả điều tra, chỉnh lý bổ xung dữ liệu khí tượng, thủy văn trên đồng bằng sông Hồng - sông Thái bình	Đưa ra được kết quả điều tra, chỉnh lý bổ xung dữ liệu khí tượng, thủy văn trên đồng bằng sông Hồng - sông Thái bình	10/2008
3	Báo cáo kết quả điều tra, chỉnh lý, phân tích tài liệu chất lượng nước tại các trạm quan trắc trên hệ thống sông Hồng- sông Thái bình	Đưa ra được kết quả điều tra, chỉnh lý, phân tích tài liệu chất lượng nước tại các trạm quan trắc trên hệ thống sông Hồng- sông Thái bình	10/2008
4	Báo cáo kết quả điều tra, chỉnh lý, phân tích tài liệu chất lượng nước từ các đê tài dự án liên quan đến hệ thống sông Hồng - sông Thái bình	Đưa ra được kết quả điều tra, phân tích tài liệu chất lượng nước từ các đê tài dự án liên quan đến hệ thống sông Hồng - sông Thái bình	10/2008
5	Báo cáo kết quả điều tra, chỉnh lý, phân tích tài liệu đa dạng sinh học của hệ thống sông Hồng - sông Thái bình	Đưa ra được kết quả điều tra, chỉnh lý, phân tích tài liệu đa dạng sinh học của hệ thống sông Hồng - sông Thái bình	10/2008
6	Báo cáo kết quả điều tra, chỉnh lý số liệu tinh hình xâm nhập mặn tại các cửa sông	Đưa ra được kết quả điều tra, chỉnh lý số liệu tinh hình xâm nhập mặn tại các cửa sông	10/2008
7	Báo cáo kết quả thu thập, điều tra, chỉnh lý, phân tích tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước phục vụ sinh hoạt	Đưa ra được kết quả tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước phục vụ sinh hoạt	10/2008
8	Báo cáo kết quả thu thập, điều tra, chỉnh lý, phân tích tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước phục vụ giao thông	Đưa ra được kết quả tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước phục vụ giao thông	11/2008
9	Báo cáo kết quả thu thập, điều tra, chỉnh lý, phân tích tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước các loài động thực vật sống trên sông	Đưa ra được kết quả tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước các loài động thực vật sống trên sông	11/2008

10	Báo cáo kết quả thu thập, điều tra, chinh lí, phân tích tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước nông nghiệp	Đưa ra được kết quả tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước nông nghiệp	11/2008
11	Báo cáo kết quả thu thập, điều tra, chinh lí, phân tích tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước thủy sản	Đưa ra được kết quả tài liệu về hiện trạng và quy hoạch sử dụng nước thủy sản	11/2008
12	Báo cáo kết quả đo đạc thủy văn 14 điểm và lấy mẫu chất lượng nước 33 địa điểm (định mức của UBND thành phố Hà Nội ban hành theo quyết định số 30/2001/QĐ-UB ngày 30/05/2001 và quyết định số 193/2006/QĐ-UBND ngày 25/10/2006)	Đưa ra được số liệu đo đạc thủy văn 14 điểm và lấy mẫu chất lượng nước 33 địa điểm	11/2008
13	Báo cáo kết quả đo đạc khảo sát đa dạng sinh học (định mức của UBND thành phố Hà Nội ban hành theo quyết định số 193/2006/QĐ-UBND ngày 25/10/2006)	Đưa ra được số liệu đo đạc khảo sát đa dạng sinh học	11/2008
IV	Các sản phẩm của nội dung 4		12/2008
1	Báo cáo kết quả nghiên cứu cơ sở lý thuyết và hướng dẫn sử dụng mô hình MIKE 11 và xác định mạng thủy lực hệ thống sông Hồng-sông Thái Bình phục vụ tính toán dòng chảy trong hệ thống sông	Đưa ra cơ sở lý thuyết và hướng dẫn sử dụng mô hình MIKE 11 và xác định mạng thủy lực hệ thống sông Hồng-sông Thái Bình	10/2008
2	Báo cáo kết quả phân tích sự phù hợp của số liệu mặt cắt mới thu thập với những dữ liệu mà nhóm nghiên cứu đã có sẵn và cập nhật số liệu địa hình mặt cắt vào mô hình	Đưa ra phân tích về số liệu mặt cắt thu thập và mặt cắt nhóm nghiên cứu đã có.	10/2008
3	Báo cáo kết quả nghiên cứu xác định điều kiện biên của mô hình	Đưa ra kết quả xác định các điều kiện biên	10/2008
4	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán lựa chọn bộ tham số nhám lòng dẫn thông qua tính toán và phân tích các kết quả tính toán kịch bản lũ lớn đã xảy ra trên hệ thống sông Hồng-sông Thái bình (1996)	Đưa ra bộ tham số nhám lòng dẫn thông qua tính toán và phân tích.	10/2008
5	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích và đánh giá độ tin cậy của bộ tham số mô hình thông qua tính toán, đánh giá kết quả tính toán với các kịch bản lũ lớn gần đây nhất đã xảy ra trên hệ thống sông Hồng-sông Thái bình (số liệu lũ năm 1999 và	Đưa ra kết quả nghiên cứu, phân tích và đánh giá độ tin cậy của bộ tham số mô hình	11/2008

	(năm 2002)		
6	Báo cáo kết quả nghiên cứu cơ sở lý thuyết và hướng dẫn sử dụng mô hình truyền chất MIKE 11 WQ phục vụ tính toán chất lượng nước hệ thống sông Hồng-sông Thái bình	Đưa ra kết quả nghiên cứu cơ sở lý thuyết và hướng dẫn sử dụng mô hình truyền chất MIKE 11 WQ	11/2008
7	Báo cáo kết quả nghiên cứu xác định điều kiện biên của mô hình tính toán chất lượng nước hệ thống sông Hồng-sông Thái bình	Đưa ra kết quả xác định các điều kiện biên của mô hình tính toán chất lượng nước hệ thống sông Hồng-sông Thái bình	11/2008
8	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán xác định bộ tham số nhám lòng dẫn thông qua phân tích kết quả tính toán kịch bản dòng chảy kiệt đã xảy ra trên hệ thống sông Hồng-sông Thái bình (số liệu năm 2005)	Đưa ra kết quả tính toán xác định bộ tham số nhám lòng dẫn thông qua phân tích kết quả tính toán kịch bản dòng chảy kiệt	11/2008
9	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán đánh giá độ tin cậy của bộ thông số mô hình thông qua tính toán phân tích các kết quả tính đổi với các kịch bản dòng chảy kiệt những năm gần đây nhất đã xảy ra trên hệ thống sông Hồng-sông Thái bình (số liệu dòng chảy kiệt năm 2003 và năm 2006)	Đưa ra kết quả nghiên cứu, tính toán đánh giá độ tin cậy của bộ thông số mô hình thông qua tính toán phân tích các kết quả tính đổi với các kịch bản dòng chảy kiệt	12/2008
10	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích đặc điểm địa lý tự nhiên của lưu vực sông Hồng - sông Thái bình và tiến hành phân chia lưu vực sông thành các lưu vực bộ phận	Đưa ra kết quả nghiên cứu, phân tích đặc điểm địa lý tự nhiên của lưu vực sông Hồng - sông Thái bình và tiến hành phân chia lưu vực sông thành các lưu vực bộ phận	12/2008
11	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích số liệu đèn lưu vực, mốc dùng ở các lưu vực bộ phận ở hạ lưu, vã ban đầu, điều kiện biên phục vụ tính toán	Đưa ra kết quả nghiên cứu, phân tích số liệu đèn lưu vực, mốc dùng ở các lưu vực bộ phận ở hạ lưu, vã ban đầu	12/2008
12	Báo cáo kết quả nghiên cứu tính toán hiệu chỉnh mô hình MIKE-BASIN với số liệu một năm thực tế	Đưa ra được kết quả nghiên cứu tính toán hiệu chỉnh mô hình MIKE-BASIN với số liệu một năm thực tế	12/2008
13	Báo cáo kết quả nghiên cứu cơ sở lý thuyết và hướng dẫn sử dụng mô hình tối ưu phục vụ phân bổ nguồn nước của lưu vực phục vụ các yêu cầu sử dụng nước hạ du hệ thống sông Hồng-sông Thái bình	Đưa ra được kết quả nghiên cứu cơ sở lý thuyết và hướng dẫn sử dụng mô hình tối ưu phục vụ phân bổ nguồn nước	12/2008
14	Báo cáo kết quả tổng hợp, phân tích, tính toán chuẩn bị các số liệu đầu	Tổng hợp, phân tích, tính toán được các số liệu đầu vào cho mô	12/2008

	vào cho mô hình tối ưu	hình tối ưu	
15	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích xây dựng các ràng buộc về sử dụng nước cho hộ dùng nước ở hạ du hệ thống sông Hồng-sông Thái bình	Đưa ra được kết quả nghiên cứu, phân tích xây dựng các ràng buộc về sử dụng nước cho hộ dùng nước ở hạ du hệ thống sông Hồng-sông Thái bình	12/2008
16	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích xây dựng các ràng buộc về chất lượng nước hạ du hệ thống sông Hồng- sông Thái bình	Phân tích và xây dựng được các ràng buộc về chất lượng nước hạ du hệ thống sông Hồng- sông Thái bình	12/2008
17	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích xây dựng các ràng buộc về điện do các nhà máy thủy điện Hòa bình, Thác bà và Tuyên Quang	Phân tích và xây dựng được các ràng buộc về điện do các nhà máy thủy điện Hòa bình, Thác bà và Tuyên Quang.	12/2008
18	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích xây dựng các ràng buộc về môi trường và sinh thái hạ du hệ thống sông Hồng sông Thái bình	Phân tích và xây dựng được các ràng buộc về môi trường và sinh thái hạ du hệ thống sông Hồng sông Thái bình.	12/2008
19	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích thiết lập hàm mục tiêu của bài toán tối ưu phân bổ nước	Đưa ra được hàm mục tiêu của bài toán tối ưu phân bổ nước	12/2008
20	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán tối ưu với một số các phương án vận hành hệ thống hồ chứa đáp ứng các mục tiêu cấp nước và đảm bảo dòng chảy môi trường.	Đưa ra được một số các phương án vận hành hệ thống hồ chứa đáp ứng các mục tiêu cấp nước và đảm bảo dòng chảy môi trường	12/2008

II. NĂM 2009

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
V	Các sản phẩm của nội dung 5		12/2009
1	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích dữ liệu thủy văn, dữ liệu đa dạng sinh học và các tiêu chuẩn chất lượng nước để xác định tiêu chí của dòng chảy môi trường tại 11 điểm nghiên cứu	Phân tích và đánh giá được các vấn đề khoa học dữ liệu thủy văn, dữ liệu đa dạng sinh học và các tiêu chuẩn chất lượng nước để xác định tiêu chí của dòng chảy môi trường	04/2009
2	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, xây dựng một số kịch bản xả nước mùa kiệt của các hồ chứa trên cơ sở dòng chảy kiệt tự nhiên	Phân tích và đánh giá được một số kịch bản xả nước mùa kiệt của các hồ chứa trên cơ sở dòng chảy kiệt tự nhiên	04/2009
3	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá và xác định giá trị lưu lượng xả cố định tối thiểu của các hồ chứa xuống hạ lưu duy trì được dòng chảy, đảm bảo cho sự sống của sông	Phân tích và đánh giá được giá trị lưu lượng xả cố định tối thiểu của các hồ chứa xuống hạ lưu duy trì được dòng chảy, đảm bảo cho sự sống của sông	04/2009
4	Báo cáo kết quả nghiên cứu, thiết lập một số kịch bản xả nước của các hồ chứa thượng nguồn khi có các nguồn thải ô nhiễm ra hệ thống sông	Đưa ra được một số kịch bản xả nước của các hồ chứa thượng nguồn khi có các nguồn thải ô nhiễm ra hệ thống sông	04/2009
5	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán và phân tích kết quả mô phỏng các kịch bản bằng mô hình chất lượng nước tại 11 điểm nghiên cứu	Đưa ra được kết quả nghiên cứu, tính toán và phân tích kết quả mô phỏng các kịch bản bằng mô hình chất lượng nước	04/2009
6	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá dữ liệu về nhóm các loài cá trên hệ thống sông Hồng-sông Thái Bình tại các điểm khảo sát đa dạng sinh học	Phân tích và đánh giá được dữ liệu về nhóm các loài cá trên hệ thống sông Hồng-sông Thái Bình	04/2009
7	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá dữ liệu về nhóm các loài tảo trên hệ thống sông Hồng-sông Thái Bình tại các điểm khảo sát đa dạng sinh học	Phân tích và đánh giá được dữ liệu về nhóm các loài tảo trên hệ thống sông Hồng-sông Thái Bình	04/2009
8	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá dữ liệu về nhóm các loài động vật đáy sông trên hệ thống sông Hồng-sông Thái Bình tại các điểm khảo sát đa dạng sinh học	Phân tích và đánh giá được dữ liệu về nhóm các loài động vật đáy sông trên hệ thống sông Hồng-sông Thái Bình	04/2009
9	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá điều kiện sống của các hệ sinh thái thủy sinh trên sông và	Phân tích và đánh giá được điều kiện sống của các hệ sinh thái thủy sinh trên sông	04/2009

	liên quan trực tiếp đến sông (sông, hồ, ao, vùng nước nông, sâu...)		
10	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích nhóm vùng lưu vực sông theo đặc tính thống kê, điều kiện dòng chảy	Phân tích và đánh giá được nhóm vùng lưu vực sông theo đặc tính thống kê, điều kiện dòng chảy	08/2009
11	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích ảnh hưởng của chế độ dòng chảy tự nhiên và chế độ dòng chảy theo các phương án.	Phân tích được ảnh hưởng của chế độ dòng chảy tự nhiên và chế độ dòng chảy theo các phương án	08/2009
12	Báo cáo kết quả nghiên cứu, đánh giá, phân nhóm mức độ thay đổi điều kiện dòng chảy tự nhiên và dòng chảy khi có tác động của công trình trên lưu vực sông	Phân tích được mức độ thay đổi điều kiện dòng chảy tự nhiên và dòng chảy khi có tác động của công trình trên lưu vực sông	08/2009
13	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích quan hệ môi trường sinh thái lưu vực sông đến diễn biến dòng chảy	Phân tích được quan hệ môi trường sinh thái lưu vực sông đến diễn biến dòng chảy	08/2009
14	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, xác định lưu lượng và mực nước tại các vị trí quan trắc sau các hồ đập bão cho sự phát triển của một số loài thủy sinh quý kiêng hoặc có giá trị kinh tế cao	Xác định được lưu lượng và mực nước tại các vị trí quan trắc sau các hồ đập bão cho sự phát triển của một số loài thủy sinh quý kiêng hoặc có giá trị kinh tế cao	08/2009
15	Báo cáo kết quả nghiên cứu, thiết lập một số kịch bản xả nước của các hồ chứa thượng nguồn kết hợp với các biến triều cửa sông và các nồng độ mặn	Đưa ra được một số kịch bản xả nước của các hồ chứa thượng nguồn kết hợp với các biến triều cửa sông và các nồng độ mặn	08/2009
16	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán, phân tích kết quả của mô hình toán chất lượng nước đầm bảo vùng hạ lưu hệ thống sông không bị xâm nhập mặn (9 cửa sông: Đáy, Ninh Cơ, Ba Lạt, Trà Lý, Thái Bình, Văn Úc, Lạch Tray, Cẩm, Đá Bạch)	Phân tích được kết quả của mô hình toán chất lượng nước đầm bảo vùng hạ lưu hệ thống sông không bị xâm nhập mặn	08/2009
17	Báo cáo kết quả nghiên cứu, xây dựng một số kịch bản xả nước (lưu lượng và chế độ xả - giá trị của dòng chảy môi trường) của các hồ chứa trên cơ sở qui trình vận hành hiện tại	Xây dựng được một số kịch bản xả nước của các hồ chứa trên cơ sở qui trình vận hành hiện tại	08/2009
18	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán, phân tích kết quả các kịch bản cấp nước cho các ngành kinh tế xã hội: Điện, nông nghiệp, Giao thông	Phân tích được kết quả các kịch bản cấp nước cho các ngành kinh tế xã hội:	08/2009
19	Báo cáo kết quả nghiên cứu phân tích tổng hợp dòng chảy môi trường cho hệ thống sông Hồng sông Thái	Phân tích được dòng chảy môi trường cho hệ thống sông Hồng sông Thái bình cho giai đoạn	12/2009

	bình cho giai đoạn hiện tại tới 2010	hiện tại tới năm 2010	
20	Báo cáo kết quả nghiên cứu, thiết lập một số kịch bản xả nước của các hồ chứa thượng nguồn khi có các nguồn thải ô nhiễm ra hệ thống sông	Đưa ra được một số kịch bản xả nước của các hồ chứa thượng nguồn khi có các nguồn thải ô nhiễm ra hệ thống sông	12/2009
21	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán và phân tích kết quả mô phỏng các kịch bản bằng mô hình chất lượng nước tại 11 điểm nghiên cứu	Phân tích được kết quả mô phỏng các kịch bản bằng mô hình chất lượng nước tại 11 điểm nghiên cứu	12/2009
22	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, xác định lưu lượng và mực nước tại các vị trí quan trắc sau các hồ đập bảo cho sự phát triển của một số loài thủy sinh quý kiêng hoặc có giá trị kinh tế cao trong điều kiện dòng chảy và chất lượng nước thay đổi	Xác định được lưu lượng và mực nước tại các vị trí quan trắc sau các hồ đập bảo cho sự phát triển của một số loài thủy sinh quý kiêng trong điều kiện dòng chảy và chất lượng nước thay đổi	12/2009
23	Báo cáo kết quả nghiên cứu, thiết lập một số kịch bản xả nước của các hồ chứa thượng nguồn kết hợp với các biến triều cửa sông và các nồng độ mặn	Đưa ra được một số kịch bản xả nước của các hồ chứa thượng nguồn kết hợp với các biến triều cửa sông và các nồng độ mặn	12/2009
24	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán, phân tích kết quả của mô hình toán chất lượng nước đàm bảo vùng hạ lưu hệ thống sông không bị xâm nhập mặn trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội 9 cửa sông	Phân tích được kết quả của mô hình toán chất lượng nước đàm bảo vùng hạ lưu hệ thống sông không bị xâm nhập mặn trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội 9 cửa sông	12/2009
25	Báo cáo kết quả nghiên cứu, xây dựng một số kịch bản xả nước (lưu lượng và chế độ xả - giá trị của dòng chảy môi trường) của các hồ chứa trên cơ sở qui trình vận hành giai đoạn 2010-2020	Xây dựng được một số kịch bản xả nước của các hồ chứa trên cơ sở qui trình vận hành giai đoạn 2010-2020	12/2009
26	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán, phân tích kết quả các kịch bản cấp nước cho các ngành kinh tế xã hội cập nhật điều kiện phát triển kinh tế xã hội	Phân tích được kết quả các kịch bản cấp nước cho các ngành kinh tế xã hội cập nhật điều kiện phát triển kinh tế xã hội: Điện, Giao thông, nông nghiệp	12/2009
27	Báo cáo kết quả nghiên cứu phân tích tổng hợp dòng chảy môi trường cho hệ thống sông Hồng sông Thái Bình cho giai đoạn 2010-2020	Đưa ra được phân tích tổng hợp dòng chảy môi trường cho hệ thống sông Hồng sông Thái Bình cho giai đoạn 2010-2020	12/2009
28	Hợp tác quốc tế: Đoàn ra (5 người x 8 ngày, đi Úc)	Trao đổi khoa học và kinh nghiệm trong việc lựa chọn các phương pháp xác định dòng chảy môi trường.	03/2009

III. NĂM 2010

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
VI	Các sản phẩm của nội dung 6		04/2010
1	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, tính toán xác định lượng nước đến lưu vực qua các số liệu trong chuỗi số liệu nước đến từ năm 1962-2005 và số liệu sử dụng nước trên lưu vực	Phân tích và tính toán được lượng nước đến lưu vực qua các số liệu trong chuỗi số liệu nước đến từ năm 1962-2005 và số liệu sử dụng nước trên lưu vực	04/2010
2	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích đánh giá cân bằng nước lưu vực cho 30 năm bằng mô hình MIKE BASIN	Đưa ra được phân tích đánh giá cân bằng nước lưu vực cho 30 năm bằng mô hình MIKE BASIN	04/2010
3	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá tính toán mức đàm bảo dòng chảy môi trường trong 15 năm số liệu (1975-1990) bằng bộ mô hình toán đã xây dựng cho giai đoạn hiện tại	Đưa ra được phân tích đánh giá tính toán mức đàm bảo dòng chảy môi trường cho các giai đoạn hiện tại	04/2010
4	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá tính toán mức đàm bảo dòng chảy môi trường trong 15 năm số liệu (1991-2005) bằng bộ mô hình toán đã xây dựng cho giai đoạn hiện tại		04/2010
5	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá tính toán mức đàm bảo dòng chảy môi trường trong 15 năm số liệu (1975-1990) bằng bộ mô hình toán đã xây dựng cho giai đoạn 2010-2020	Đưa ra được phân tích đánh giá tính toán mức đàm bảo dòng chảy môi trường cho các giai đoạn 2010-2020	04/2010
6	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đánh giá tính toán mức đàm bảo dòng chảy môi trường trong 15 năm số liệu (1991-2005) bằng bộ mô hình toán đã xây dựng cho giai đoạn 2010-2020		04/2010
7	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán, phân tích tối ưu phân bổ nước cho các hộ dùng nước với các ràng buộc của dòng chảy môi trường cho thời kỳ hiện tại đến 2010.	Đưa ra được phân bổ nước cho các hộ dùng nước với các ràng buộc của dòng chảy môi trường cho thời kỳ hiện tại đến 2010.	04/2010
8	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán, phân tích tối ưu phân bổ nước cho các hộ dùng nước với các ràng buộc	Đưa ra được phân bổ nước cho các hộ dùng nước với các ràng buộc của dòng chảy môi trường	04/2010

	buộc của dòng chảy môi trường cho thời kỳ từ 2010-2020.	cho thời kỳ từ 2010-2020.	
9	Báo cáo kết quả phân tích, tổng hợp và đánh giá kết quả mức đam bảo môi trường cho các giai đoạn và xác định các khó khăn tồn tại cần nghiên cứu tiếp	Đưa ra được phân tích, tổng hợp và đánh giá kết quả mức đam bảo môi trường cho các giai đoạn và xác định các khó khăn tồn tại cần nghiên cứu tiếp	04/2010
VII	Các sản phẩm của nội dung 7		09/2010
1	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, đề xuất xây dựng một số hồ chứa tăng khả năng trữ nước trong hệ thống sông để sử dụng đảm bảo, dòng chảy môi trường trong mùa kiệt: vị trí, dung tích, qui trình xả...	Đưa ra được đề xuất xây dựng một số hồ chứa	09/2010
2	Báo cáo kết quả nghiên cứu, tính toán xác định các tham số của các hồ chứa đã đề xuất đảm bảo duy trì dòng chảy môi trường đến năm 2010 và 2020	Đưa ra được tham số của các hồ chứa	09/2010
3	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích rà soát và xác định các tồn tại của các qui trình vận hành các hồ chứa hiện tại	Phân tích và xác định được các tồn tại của các qui trình vận hành các hồ chứa hiện tại	09/2010
4	Báo cáo kết quả nghiên cứu, lựa chọn, chỉnh sửa qui trình đảm bảo duy trì dòng chảy môi trường đến năm 2010 và 2020	Đưa ra được qui trình đảm bảo duy trì dòng chảy môi trường đến năm 2010 và 2020	09/2010
5	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích giải pháp quản lý ô nhiễm bằng cách kiểm soát các nguồn thải vào hệ thống sông	Đưa ra được giải pháp quản lý ô nhiễm bằng cách kiểm soát các nguồn thải vào hệ thống sông	09/2010
6	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích về trách nhiệm của các cấp, ngành trong việc duy trì dòng chảy môi trường,	Phân tích được về trách nhiệm của các cấp, ngành trong việc duy trì dòng chảy môi trường,	09/2010
7	Báo cáo kết quả nghiên cứu, cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ đảm bảo dòng chảy môi trường cho các hồ trong hệ thống sông (các hồ Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà, Sơn La,...)	Bổ sung được các nhiệm vụ đảm bảo dòng chảy môi trường cho các hồ trong hệ thống sông	09/2010
8	Báo cáo kết quả nghiên cứu, phân tích, thiết kế cấu trúc cơ sở dữ liệu bản đồ	Cơ sở dữ liệu được xây dựng trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) bao gồm cơ sở dữ liệu bản đồ và dữ liệu thông tin thuộc tính.	06/2010
9	Báo cáo kết quả nghiên cứu cấu trúc cơ sở dữ liệu thuộc tính và tích hợp với công nghệ GIS		06/2010
10	Báo cáo kết quả nghiên cứu lập trình cơ sở dữ liệu bản đồ		06/2010

11	Báo cáo kết quả nghiên cứu lập trình xử lý dữ liệu thuộc tính		06/2010
12	Báo cáo kết quả nghiên cứu thử nghiệm phần mềm trước khi biên tập số liệu		06/2010
13	Báo cáo kết quả biên tập tài liệu hướng dẫn sử dụng trực tuyến		06/2010
VIII	Báo cáo tổng hợp đề tài	- Đưa ra được các kết quả, thành tựu nghiên cứu chính của đề tài.	

Ghi chú: Sản phẩm phải đạt cản bám sát bằng tiến độ công việc của Thuyết minh đề tài phân theo các sản phẩm trung gian để làm căn cứ cho việc xác nhận khối lượng công việc để quyết toán kinh phí hàng năm.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số: 8643/GCN-TTKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2011

GIẤY CHỨNG NHẬN

CỤC TRƯỞNG CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Nghị định số 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN ngày 16/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ,

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC

Số đăng ký: 2011 - 02 - 445/KQNC

Tên đề tài, dự án : Nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường của hệ thống
sông Hồng-sông Thái Bình và đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy
môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước
Mã số đề tài: KC.08.22/06-10

SAO Y BẢN CHÍNH

Chủ nhiệm đề tài, dự án: PGS. TS. NGUYỄN VĂN HẠNH

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH



Đặng Hoàng Thành



Cao Minh Kiêm

Số: 129_2010/KC08.22/06-10

HỢP ĐỒNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Căn cứ vào nội dung đề cương đề tài KC08.22/06-10 “*Nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường của hệ thống sông Hồng – sông Thái Bình và đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước*” đã được Chủ nhiệm Chương trình KC08/06-10 và Giám đốc Văn phòng các chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước phê duyệt ngày 07 tháng 12 năm 2008;

Căn cứ Hợp đồng Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ Số: 22/2008/HĐ- ĐTCT-KC.08/06-10 ký kết giữa Văn phòng các chương trình và Viện Khoa Học Thủy Lợi ngày 01 tháng 04 năm 2008;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên tham gia.

Hôm nay, ngày 08 tháng 07 năm 2010, tại Viện Khoa Học Thủy Lợi Việt Nam, chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: Viện Khoa Học Thủy Lợi Việt Nam

TS. Nguyễn Văn Hạnh

- Chủ nhiệm đề tài KC.08.22/06-10

ĐẠI DIỆN BÊN B: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Ông : Trần Hồng Thái

- Chức vụ: Chủ nhiệm đề tài nhánh (Đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước)

- Địa chỉ: 5/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

- Tel: 04.7733090/320

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung thực hiện:

Bên B nhận thực hiện một số nội dung công việc của đề tài KC.08.22/06-10. (Chi tiết trong phụ lục Hợp đồng kèm theo).



Điều 2. Sản phẩm và các yêu cầu về chất lượng:

- Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật theo đề cương đã được duyệt của đề tài KC.08.22/06-10 và các yêu cầu nêu ra trong Điều 1.
- Nộp 7 báo cáo chuyên đề, kèm theo CD ghi, các tệp văn bản và dữ liệu.

Điều 3. Thời gian, tiến độ thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 08/07/2010 đến ngày 30/09/2010
- Tiến độ thực hiện: Thực hiện đúng tiến độ theo phụ lục kèm theo.

Điều 4. Kinh phí, điều kiện và hình thức thanh toán

- Tổng kinh phí là: 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*).

Điều 4. Điều kiện thanh toán:

- + Thanh toán số tiền trên sau khi nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- Tổ chức lực lượng thực hiện hợp đồng.
- Bàn giao sản phẩm đúng thời hạn quy định, đảm bảo yêu cầu và chất lượng.
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nghiệm thu về chất lượng các báo cáo.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- Cung cấp các số liệu cần thiết theo đề cương đề tài KC.08.22/06-10 để thực hiện các nội dung đã ký kết.
- Đôn đốc theo dõi nghiệm thu và đánh giá hợp đồng theo từng phần và toàn bộ khối lượng.
- Chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ kinh phí của hợp đồng.

Điều 4. Điều khoản chung:

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản trên có gì khó khăn cùng nhau bàn bạc giải quyết.
- Hợp đồng này làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

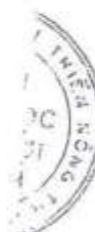
ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Hồng Thái

ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Văn Hạnh

Xác Nhận Của Cơ quan CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: Quyển số: SCT/BS





PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Kết theo hợp đồng Số: 129_2010/ KC08.22/06-10)

TT	Nội dung	Kinh phí (triệu đồng)	Sản Phẩm	Tiến độ hoàn thành	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm
1	Nghiên cứu, phân tích, để xuất xây dựng một số hồ chứa tăng khả năng trữ nước trong hệ thống sông để sử dụng đảm bảo dòng chảy môi trường trong mùa kiệt: vị trí, dung tích, qui trình xả...	20	01 Báo cáo chuyên đề	09/2010	Đưa ra được đề xuất xây dựng một số hồ chứa
2	Nghiên cứu, tính toán xác định các tham số của các hồ chứa đã để xuất đảm bảo duy trì dòng chảy môi trường đến năm 2010 và 2020	20	01 Báo cáo chuyên đề	09/2010	Đưa ra được tham số của các hồ chứa
3	Nghiên cứu, phân tích rà soát và xác định các tồn tại của các qui trình vận hành các hồ chứa hiện tại	20	01 Báo cáo chuyên đề	09/2010	Phân tích và xác định được các tồn tại của các qui trình vận hành các hồ chứa hiện tại
4	Nghiên cứu, lựa chọn, chỉnh sửa qui trình đảm bảo duy trì dòng chảy môi trường đến năm 2010 và 2020	20	01 Báo cáo chuyên đề	09/2010	Đưa ra được qui trình đảm bảo duy trì dòng chảy môi trường đến năm 2010 và 2020
5	Nghiên cứu, phân tích giải pháp quản lý ô nhiễm bằng cách kiểm soát các nguồn thải vào hệ thống sông	20	01 Báo cáo chuyên đề	09/2010	Đưa ra được giải pháp quản lý ô nhiễm bằng cách kiểm soát các nguồn thải vào hệ thống sông
6	Nghiên cứu, phân tích về trách nhiệm của các cấp, ngành trong việc duy trì dòng chảy môi trường,	20	01 Báo cáo chuyên đề	09/2010	Phân tích được về trách nhiệm của các cấp, ngành trong việc duy trì dòng chảy môi trường,
7	Nghiên cứu, cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ đảm bảo dòng chảy môi trường cho các hồ trong hệ thống sông (các hồ Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà, Sơn La,...)	20	01 Báo cáo chuyên đề	09/2010	Bổ sung được các nhiệm vụ đảm bảo dòng chảy môi trường cho các hồ trong hệ thống sông

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 135/NTTL_DCMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2010

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ hợp đồng 129_2010/KC08.22/06-10 ký ngày 08 tháng 07 năm 2010 giữa Ông Nguyễn Văn Hạnh, chủ nhiệm đề tài 22/2008/HĐ – ĐTCT-KC.08/06-10 và ông Lê Mạnh Hùng, Đại diện Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài là Viện Khoa Học Thủy Lợi Việt Nam với ông Trần Hồng Thái, thuộc đơn vị Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

- Căn cứ vào kết quả thu được;

ĐẠI DIỆN BÊN A: Viện Khoa Học Thủy Lợi Việt Nam

TS. Nguyễn Văn Hạnh

- Chủ nhiệm đề tài KC.08.22/06-10

ĐẠI DIỆN BÊN B: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Ông : Trần Hồng Thái

- Chức vụ: Chủ nhiệm đề tài nhánh (Đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước)

- Địa chỉ: 5/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

- Tel: 04.7733090/320

Hai bên thống nhất nghiệm thu và thanh lý hợp đồng theo các nội dung sau:

Sản phẩm giao nộp:

Bên B đã bàn giao và Bên A đã nhận đủ sản phẩm đạt yêu cầu như trong hợp đồng đã ký kết gồm có 7 báo cáo chuyên đề ghi các tệp văn bản và dữ liệu.

Kinh phí: 140.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

- Số kinh phí sẽ được chuyển sau khi ký kết biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng và khôi lượng công việc được bộ khoa học và công nghệ nghiệm thu.



3. Với bản nghiệm thu thanh lý này, hai bên đồng ý thanh lý hợp đồng số 129_2010/KC08.22/06-10.

Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Hồng Thái

ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Văn Hạnh

**Xác Nhận Của Cơ quan chủ nhiệm đề tài
GIÁM ĐỐC VIỆN**



Lê Mạnh Hùng



CHỦ TỊCH
Nguyễn Hoàng Liên



BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM



**BAO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NHÁNH
ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP DUY TRÌ DÒNG CHẢY
MÔI TRƯỜNG PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN**

Chủ nhiệm đề tài nhánh: TS. Trần Hồng Thái

THUỘC ĐỀ TÀI:

**NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH DÒNG CHẢY MÔI TRƯỜNG CỦA HỆ THỐNG
SÔNG HỒNG – THÁI BÌNH VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP DUY TRÌ DÒNG
CHẢY MÔI TRƯỜNG PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN
VỮNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Hà Nội, năm 2010

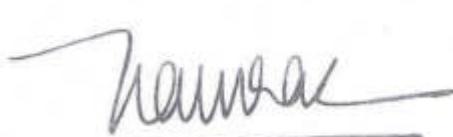
BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI NHÁNH
 ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP DUY TRÌ DÒNG CHÁY
 MÔI TRƯỜNG PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU PHÁT
 TRIỂN BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN**

THUỘC ĐỀ TÀI:

**NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH DÒNG CHÁY MÔI TRƯỜNG CỦA HỆ
 THÔNG SÔNG HỒNG – THÁI BÌNH VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP
 DUY TRÌ DÒNG CHÁY MÔI TRƯỜNG PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU
 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI NHÁNH



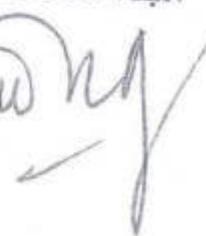
Trần Hồng Thái

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Nguyễn Văn Hạnh

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI
 GIÁM ĐỐC VIỆN

Lê Mạnh Hùng

Hà Nội, năm 2010

MỤC LỤC

I. Các biện pháp công trình bảo đảm nguồn nước cho các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và duy trì dòng chảy môi trường trên lưu vực sông	1
I.1 Phương án hồ chứa cho giai đoạn 2010	1
I.2 Phương án hồ chứa cho giai đoạn 2020	1
II. Các biện pháp phi công trình bảo đảm nguồn nước cho các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và duy trì dòng chảy môi trường.....	5
II.1 <i>Xây dựng khung thể chế quản lý, kiểm soát ô nhiễm và các nguồn thải</i>	5
II.2 <i>Đánh giá tác động môi trường – biện pháp quan trọng để kiểm soát ô nhiễm</i>	5
II.3 <i>Cấp phép xả nước thải vào nguồn nước – công cụ giám sát hữu hiệu</i>	6
II.4 <i>Điều tra và khảo sát tình trạng ô nhiễm</i>	7
II.5 <i>Áp dụng các biện pháp kinh tế</i>	8
II.6 <i>Xây dựng nguồn lực và năng lực</i>	9
II.7 <i>Đầu tư tài chính cho việc quản lý ô nhiễm, cho phát triển và áp dụng công nghệ sạch</i>	10
II.8 <i>Quan trắc tài nguyên nước</i>	10
II.9 <i>Sự tham gia của cộng đồng trong kiểm soát ô nhiễm</i>	12
II.10 <i>Thực hiện các biện pháp công trình khắc phục ô nhiễm</i>	12
III. Giải pháp về thể chế	12
III.1 <i>Giới thiệu khái quát về trách nhiệm hiện nay theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật trong bảo đảm dòng chảy môi trường</i>	12
III.2. <i>Trách nhiệm bảo đảm duy trì nguồn nước ở hạ lưu thống sông Hồng – sông Thái Bình trong vận hành các hồ chứa thượng lưu</i>	18
III.3. <i>Phân tích, đánh giá chung về những ưu điểm và tồn tại, bất cập trong phân công và quy định trách nhiệm bảo đảm dòng chảy môi trường</i>	23

DANH SÁCH BẢNG BIÊU

Bảng 1: Lưu lượng cần thiết bổ sung trong mùa kiệt để bảo đảm nhu cầu sử dụng và duy trì dòng chảy môi trường vào các tháng kiệt nhất trong năm (tháng I, II, III).....	2
Bảng 2: Tổng hợp tiềm năng thủy điện (không tính các công trình thủy điện nhỏ hiện đang hoạt động) của lưu vực sông Hồng – sông Thái Bình.....	2
Bảng 3: Các công trình thủy điện dự kiến xây dựng trên lưu vực sông Hồng – sông Thái Bình có nhiệm vụ bổ sung nước cho hạ du.....	4
Bảng 4: Tình trạng cấp phép ở các tỉnh thuộc lưu vực sông Nhuệ - Đáy	7
Bảng 5: Danh sách các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng theo Quyết định số 64 trên lưu vực sông Nhuệ - Đáy.....	8

Nội dung báo cáo tóm tắt đề tài nhánh “Đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước” thuộc đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước “Nghiên cứu xác định dòng chảy môi trường của hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình và đề xuất các giải pháp duy trì dòng chảy môi trường phù hợp với các yêu cầu phát triển bền vững tài nguyên nước” được đóng thành quyển riêng biệt và gửi kèm theo hồ sơ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2007

HỢP ĐỒNG

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Số: 13/2007/HĐ - DTCT-KC.08/06-10

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2006 về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010 và Quyết định số 23/2006/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" và "Mẫu báo cáo định kỳ" để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ thuộc các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1562/QĐ-BKHCN ngày 02/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì đề tài, thuộc Chương trình "Khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên";

Căn cứ Quyết định số 2801/QĐ-BKHCN ngày 26/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kinh phí các đề tài cấp Nhà nước bắt đầu thực hiện năm 2007 thuộc Chương trình "Khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên". KC.08/06-10;

Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên,



Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là:

a/ Ban chủ nhiệm Chương trình KC.08/06-10

- Ông Trần Dinh Hợi

- Chức vụ: Chủ nhiệm Chương trình KC.08/06-10 làm đại diện

- Địa chỉ: 171 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội;

- Tel: (84-4) 2450674

Fax: (84-4) 5641283

b/ Văn phòng các Chương trình

- Ông Hồ Xuân Cường

Chức vụ: Giám đốc Văn phòng các Chương trình làm đại diện.

- Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt; Tel: (04) 9366529; Fax: (04) 9366771

- Số tài khoản: 301.01.080.4 tại Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội

2. Bên nhận (Bên B) là:

a/ Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài:

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

- Ông Trần Thực

- Chức vụ: Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, làm đại diện.

- Địa chỉ: 5/62 Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84-4) 7731410 Fax: (84-4) 8355993

- Số tài khoản: 931.01.047 tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa - Hà Nội

b/ Chủ nhiệm Đề tài

- Ông: Nguyễn Văn Thắng

- Địa chỉ: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường 23/62

Đường Nguyễn Chí Thanh- Quận Đống Đa - Hà Nội

Tel: Tổ chức: 04 8359415.. Nhà riêng: 04 7666059.... Mobile: 0903475488

Fax: (04) 8355993 E-mail: nvthang@vkttv.edu.vn .

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện Đề tài

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện Đề tài "Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát

triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam", mã số KC.08.13/06-10, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KC.08/06-10 "Khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên" theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài.

Thuyết minh Đề tài KC.08.13/06-10 và các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Đề tài là 36 tháng, từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 11 năm 2010

Tổng kinh phí cần thiết để thực hiện Đề tài là 3.150.000đồng (ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng). Bao gồm:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài do Bên A cấp là 3.150.000đồng (ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), trong đó kinh phí được khoản chi là: 2.925.490.000 đồng (bằng chữ: hai tỷ, chín trăm húi mươi năm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng);

1. Kinh phí từ các nguồn khác: không

2. Bên B nhận thực hiện Đề tài trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Duyệt Thuyết minh Đề tài và kiểm tra tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo các nội dung trong các Phụ lục 3, 4 kèm theo Hợp đồng này.

b. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh Đề tài, các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo Hợp đồng; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

c. Cấp cho Bên B số kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 1 theo tiến độ từng năm, được thể hiện trong các Phụ lục 3, 4 của Hợp đồng.

d. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A xem xét và xác nhận khối lượng công việc đạt được phù hợp với kinh phí đã sử dụng và theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 3, 4 của Hợp đồng. Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ).

e. Tham gia ý kiến với Bên B về kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

f. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

g. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết trong Thuyết minh Đề tài để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến Đề tài không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong Thuyết minh Đề tài dẫn đến kết quả của Đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo Thuyết minh Đề tài;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

h. Phối hợp cùng Bên B quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài.

i. Theo quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của Đề tài (nếu có) theo quy định hiện hành.

k. Phân định trách nhiệm của Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình:

- Văn phòng các Chương trình chịu trách nhiệm thực hiện các điểm c, i của khoản 1, Điều 2.

- Ban chủ nhiệm Chương trình và Văn phòng các Chương trình cùng chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, b, d, e, f, g, h của khoản 1, Điều 2.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Dừng tên trong Đề tài và hưởng lợi ích thu được (nếu có) do việc khai thác thương mại các kết quả của Đề tài theo quy định hiện hành.

b. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện mà vi phạm đó đã dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện được; không cấp đủ kinh phí thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng; không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B.

c. Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chi tiêu trong Thuyết minh Đề tài, các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo Hợp đồng.

d. Xây dựng kế hoạch đầu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm trang bị, thiết bị theo quy định.

e. Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy

dữ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định.

f. Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.

g. Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần (theo mẫu BC DK - 01) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

h. Thực hiện việc đánh giá cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các tài liệu, mẫu sản phẩm nêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2 kèm theo trong Hợp đồng, báo cáo quyết toán tài chính của Đề tài và toàn bộ hồ sơ đã được hoàn chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở để Bên A tiến hành tổ chức thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước theo quy định hiện hành.

i. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

k. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài, cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

l. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu. Công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

m. Thực hiện đăng ký kết quả của Đề tài tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định.

n. Phân định trách nhiệm của Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài và Chủ nhiệm Đề tài:

- Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm d, k của khoản 2, Điều 2.

- Chủ nhiệm Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, c, f, l của khoản 2, Điều 2.

- Chủ nhiệm Đề tài cùng Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm b, e, g, h, i, m của khoản 2, Điều 2.

Điều 3. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với Đề tài đã kết thúc:

a. Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A tất toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành.

b. Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá

nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

2. Đối với Đề tài không hoàn thành:

a. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính.

b. Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

c. Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện Đề tài:

- Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Đề tài.

- Nếu hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

Điều 4. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải

lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì có thể thoả thuận đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết. Trường hợp không có thoả thuận giải quyết tại Trọng tài thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Toà án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 5. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/12/2007 Hợp đồng 20 trang bao gồm phụ lục 1.2.3.4. được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, mỗi Bên A giữ 6 bản, bên B giữ 4 bản./.

Bên A (Bên giao)
Chủ nhiệm Chương trình KC08/06-10

Bên B (Bên nhận)
Chủ nhiệm Đề tài

GS.TS Trần Đình Hợi

Giám đốc
Văn Phòng các Chương trình



Dr. Đỗ Xuân Cường

TS.Nguyễn Văn Thành

Viện Trưởng
Viện Khoa học Khí tượng Thủy
văn và Môi trường



PGS.TS Trần Thực



Mr. Nguyễn Hiện Thành

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO
Hợp đồng số: 13/2007/HĐ - ĐT(DA)CT-KC (KC.08/06-10)

Phụ lục 1
Danh mục sản phẩm khoa học và Công nghệ dạng kết quả III, IV

TT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1	Cơ sở dữ liệu KTTV liên quan đến biến đổi khí hậu ở Việt Nam và phần mềm quản lý	01	
2	Báo cáo phân tích tính chất và xu thế biến đổi khí hậu ở Việt Nam	01	
3	Kịch bản biến đổi khí hậu ở Việt Nam thời kỳ 2010-2100	01	
4	Báo cáo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu với 6 nhóm lĩnh vực chủ yếu và 8 vùng địa lý khí hậu	01	
5	Các giải pháp chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu cho 6 nhóm lĩnh vực chủ yếu và cho 8 vùng địa lý khí hậu	01	
6	Báo cáo phương pháp nghiên cứu đào tạo, xu thế BDKH, xây dựng kịch bản, đánh giá tác động và xây dựng giải pháp chiến lược thích ứng với BDKH ở Việt Nam	01	
7	Bộ Bản đồ về BDKH ở Việt Nam của các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa, bão, hạn hán	01	
8	Báo cáo khoa học tổng hợp của đề tài làm nổi bật: - Phương pháp nghiên cứu BDKH; phương pháp xây dựng kịch bản BDKH; phương pháp đánh giá tác động của BDKH; phương pháp xây dựng chiến lược thích ứng với BDKH cho các khu vực địa lý và các lĩnh vực kinh tế quan trọng của Việt Nam; - Tình chất và xu thế biến đổi khí hậu ở Việt Nam 100 năm qua; - Kịch bản BDKH thời kỳ 21, tác động của BDKH đến tự nhiên, kinh tế, xã hội; - Các giải pháp chiến lược thích ứng	01	
9	Các bài báo liên quan với các nội dung của đề tài	01	
10	Kết quả tham gia đào tạo trên đại học	02	

Ghi chú:**Dạng kết quả III:**

- Sơ đồ, bản đồ;
- Số liệu, cơ sở dữ liệu;
- Báo cáo phân tích;
- Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình...);
- Đề án, quy hoạch;
- Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khái thí;
- Các loại khác.

Dạng kết quả IV:

- Bài báo;
- Sách chuyên khoa;
- Kết quả tham gia đào tạo sau đại học;
- Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ;
- Các loại khác.

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG KẾT QUA LII

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Chi tiêu kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú
1	Phần mềm trình diễn về BDKH phục vụ công tác phổ biến kiến thức	01	Phần mềm đảm bảo nội dung phổ biến kiến thức cho đồng bào công chúng, dễ sử dụng	
2	Sổ tay về Biển đảo khi hậu ở Việt Nam	01	Phản ánh đầy đủ hiện trạng, xu thế biển đảo của các yêu tố khí tượng trong hơn 100 năm qua, các kịch bản BDKH trong thế kỷ 21; khả năng tác động và các giải pháp chủ yếu ứng phó với BDKH cho 8 khu vực địa lý và các ngành kinh tế quan trọng	
3	Dĩa CD (Video clip về BDKH ở Việt Nam)	01	Bộ đĩa CD chứa đầy đủ các thông tin liên quan đến BDKH đã công bố trong đê tài, có hướng dẫn sử dụng.	

Ghi chú:**Dụng kết quả I:**

- Mẫu (model, maket);
- Sản phẩm (có thể trở thành hàng hóa để thương mại hóa);
- Vật liệu;
- Thiết bị, máy móc;
- Dây chuyền, công nghệ;
- Giống cây trồng;
- Giống vật nuôi;
- Các loại khai.

Dụng kết quả II:

- Nguyên lý ứng dụng;
- Phương pháp;
- Tiêu chuẩn;
- Quy phạm;
- Phần mềm máy tính;
- Bản vẽ thiết kế;
- Quy trình công nghệ;
- Các loại khai.

PHỤ LỤC 3
SẢN PHẨM CẦN ĐẠT VÀ TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH

I. NĂM 2007 VÀ 2008

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
1	Nội dung 1: Nghiên cứu xây dựng phương pháp đánh giá và đánh giá những biểu hiện của BĐKH ở Việt Nam		
1	- Báo cáo về phương pháp đánh giá những biểu hiện của BĐKH ở Việt Nam	Phương pháp được đánh giá lựa chọn kỹ lưỡng bao đảm tính khoa học và phù hợp với điều kiện kỹ thuật của Việt Nam	04/2008
2	- Bộ số liệu ở Việt Nam phục vụ việc đánh giá mức độ BĐKH	Dảm bảo độ chính xác, định dạng chuẩn, độ dài...	04/2008
3	- Báo cáo về mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của nhiệt độ.	kết quả đánh giá mang tính khoa học, xác định được mức độ, tính chất, xu thế biến đổi của nhiệt độ trong các thập kỷ của từng trạm, từng khu vực.	08/2008
4	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của lượng mưa.	Xác định được mức độ, tính chất, xu thế biến đổi của lượng mưa trong từng thời kỳ và từng thập kỷ trên từng trạm và từng khu vực.	08/2008
5	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của bão, áp thấp nhiệt đới ở Biển Đông.	Xác định được mức độ, tính chất, xu thế biến đổi của tần số XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và tần số, cường độ XTNĐ ảnh hưởng đến Việt Nam.	08/2008
6	- Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của hạn hán.	Xác định được mức độ, tính chất, xu thế biến đổi của hạn hán trong từng thời kỳ trên 8 khu vực địa lý khí hậu.	12/2008
7	- Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của tài nguyên nước và lũ lụt trên các lưu vực sông chính.	Xác định được mức độ, tính chất, xu thế biến đổi của TNN và lũ lụt trên các lưu vực các sông chính cho từng thời kỳ và từng thập kỷ.	08/2008
8	- Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của mực nước biển trên các vùng biển và đảo của Việt Nam	Xác định được mức độ, tính chất, xu thế biến đổi của mực nước biển trên các vùng biển và đảo của Việt Nam.	08/2008

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
9	- Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá tác động của ENSO đối với khí hậu Việt Nam trong các thời kỳ.	Xác định được mức độ tác động của ENSO đến nhiệt độ, lượng mưa, các hiện tượng cực đoan trong các thập kỷ.	10/2008
10	- Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của gió mùa.	Xác định được mức độ, tính chất, xu thế biến đổi của một số đặc trưng của front lạnh và gió mùa mùa đông và mức độ, tính chất, xu thế biến đổi của cường độ gió mùa mưa hè.	12/2008
II	Nội dung 2: Nghiên cứu xây dựng các kịch bản BDKH cho các vùng khí hậu của Việt Nam giai đoạn 2010-2100		
1	- Báo cáo kết quả phân tích các kịch bản BDKH toàn cầu và khu vực Đông Nam Á (Đông Á/Nam Á) và các kịch bản BDKH ở Việt Nam	Phân tích đầy đủ các dữ liệu liên quan và các kịch bản mới nhất của IPCC, có đánh giá lựa chọn để chạy các mô hình.	04/2008
2	- Báo cáo các kịch bản BDKH cho Việt Nam giai đoạn 2010-2100 bằng mô hình động lực (PRECIS, RegCM, REMO, MM5).	Hoàn thành kịch bản BDKH về 3 yếu tố nhiệt độ, lượng mưa và mực nước biển cho 8 vùng khí hậu và dài ven biển bằng phương pháp động lực.	08/2008
3	- Báo cáo các kịch bản BDKH cho Việt Nam giai đoạn 2010-2100 bằng phương pháp thống kê	Hoàn thành kịch bản BDKH về 3 yếu tố nhiệt độ, lượng mưa và mực nước biển cho 8 vùng khí hậu và dài ven biển bằng phương pháp thống kê.	08/2008
4	- Báo cáo kết quả phân tích lựa chọn được các kịch bản mực nước biển dâng cho Việt Nam thời kỳ 2010-2100	Hoàn thành kịch bản BDKH về mực nước biển dài ven biển, DBBB, DBNB bằng PP động lực và thống kê.	08/2008
5	- Báo cáo kết quả lựa chọn kịch bản BDKH cho Việt Nam thời kỳ 2010 – 2100.	Lựa chọn được kịch bản BDKH thích hợp, có nhiều khả năng xảy ra nhất cho các khu vực của Việt Nam thời kỳ 2010-2100.	08/2008
6	- Báo cáo kết quả phân tích, đánh giá và ước lượng một số cực trị, hiện tượng cực đoan trong những năm sắp tới.	Dựa ra được các ước lượng cực trị của nhiệt độ, lượng mưa, tốc độ gió...trong tương lai gồm: 2010, 2020, 2030.	12/2008

II. NĂM 2009

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
III	Nội dung 3: Nghiên cứu phương pháp và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu lên tài nguyên thiên nhiên và các ngành kinh tế - xã hội quan trọng		
1	- Báo cáo về phương pháp đánh giá tác động của BDKH ở Việt Nam	Xây dựng được phương pháp đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng về kinh tế và xác định được phương pháp hữu hiệu nhất đánh giá tác động của BDKH đến các ngành kinh tế trọng điểm và các khu vực địa lý khí hậu cho Việt Nam.	02/2009
2	- Báo cáo về mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến lĩnh vực nông nghiệp.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến trồng trọt, chăn nuôi.	06/2009
3	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến vực tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên nước, tài nguyên khí hậu và tài nguyên đất)	Ước lượng được mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến tài nguyên thiên nhiên của 3 lĩnh vực chủ yếu: nước, khí hậu, đất.	08/2009
5	- Báo cáo kết quả về mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến lĩnh vực thủy sản.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.	08/2009
6	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải.	08/2009
7	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến lĩnh vực du lịch, y tế, sức khỏe cộng đồng.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến lĩnh vực du lịch, y tế, sức khỏe cộng đồng.	08/2009
8	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Tây Bắc.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với các ngành kinh tế xã hội quan trọng khu vực Tây Bắc	08/2009
9	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Đông Bắc.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với các ngành kinh tế xã hội quan trọng khu vực Đông Bắc	08/2009

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
10	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực đồng bằng Bắc Bộ	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với các ngành kinh tế xã hội quan trọng khu vực đồng bằng Bắc Bộ.	08/2009
11	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Bắc Trung Bộ.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với các ngành kinh tế xã hội quan trọng khu vực Bắc Trung Bộ.	08/2009
12	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Nam Trung Bộ.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với các ngành kinh tế xã hội quan trọng khu vực Nam Trung Bộ.	08/2009
13	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Tây Nguyên.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với các ngành kinh tế xã hội quan trọng khu vực Tây Nguyên.	08/2009
14	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Đông Nam Bộ.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với các ngành kinh tế xã hội quan trọng khu vực Đông Nam Bộ.	08/2009
15	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Tây Nam Bộ.	Ước lượng mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với các ngành kinh tế xã hội quan trọng khu vực Tây Nam Bộ.	08/2009
16	- Báo cáo kết quả đánh giá tác động tổng thể của BDKH đến các liên vùng lanh thổ nhạy cảm	Danh giá được tác động của BDKH đến TNTN và kinh tế, xã hội vùng ven biển, vùng núi trung du và vùng đồng bằng	08/2009
17	- Báo cáo kết quả đánh giá tác động của BDKH đến phát triển KTXH ở Việt Nam.	Danh giá được tác động của BDKH đến tổng thể nền kinh tế, xã hội	08/2009
IV	Nội dung 4: Nghiên cứu phương pháp và xây dựng các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH		
1	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược cho các lĩnh vực kinh tế, xã hội, các khu vực địa lý khí hậu và các khu vực nhạy cảm với BDKH	Đề xuất được các phương pháp xây dựng các giải pháp chiến lược cho các ngành kinh tế-xã hội, các khu vực địa lý - khí hậu và cho các vùng nhạy cảm với BDKH	08/2009
2	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (TNN, TNKH, TND).	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi trong lĩnh vực TNN, TNKH, TND.	08/2009

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
3	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH trong lĩnh vực nông nghiệp.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi trong lĩnh vực nông nghiệp.	08/2009
4	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH trong lĩnh vực lâm nghiệp.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi trong lĩnh vực lâm nghiệp.	08/2009
5	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH trong lĩnh vực thủy sản.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi trong lĩnh thủy sản.	08/2009

III. NĂM 2010

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
IV	Nội dung 4: Nghiên cứu phương pháp và xây dựng các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH		
1	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, Đề xuất và GTVT.	02/2010
2	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH trong lĩnh vực y tế, sức khỏe cộng đồng và du lịch.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi trong lĩnh vực y tế, SKCD và du lịch.	02/2010
3	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Tây Bắc.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi đối với khu vực Tây Bắc.	02/2010
4	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với vùng đồng bằng Bắc Bộ.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi đối với vùng đồng bằng Bắc Bộ.	02/2010
5	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Bắc Trung Bộ.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi cho khu vực Bắc Trung Bộ.	02/2010

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
6	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Nam Trung Bộ.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi đối với khu vực Nam Trung Bộ.	02/2010
7	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Tây Nguyên.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi đối với khu vực Tây Nguyên.	02/2010
8	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Đông Nam Bộ.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi đối với khu vực Đông Nam Bộ.	02/2010
9	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Tây Nam Bộ.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi đối với khu vực Tây Nam Bộ.	02/2010
10	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với các liên vùng quan trọng.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi đối với khu vực ven biển, vùng đồng bằng và vùng núi, trung du	02/2010
11	- Báo cáo kết quả đánh giá chi phí lợi ích của các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH.	Đánh giá được lợi ích của các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH theo các lĩnh vực kinh tế, xã hội và khu vực địa lý khi hậu	02/2010
12	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Đông Bắc.	Đề xuất được giải pháp chiến lược ứng phó hiệu quả, bền vững và có tính khả thi đối với khu vực Đông Bắc.	05/2010
V	Nội dung 5: Xây dựng các sản phẩm mẫu và chuyên giao kết quả nghiên cứu.		
1	Cuốn sổ tay về BDKH ở Việt Nam.	Hoàn thành cuốn sổ tay khoảng 100 trang về các vấn đề chủ yếu của BDKH ở Việt Nam.	05/2010
2	Tập bản đồ về BDKH ở Việt Nam.	Hoàn thành một bộ 25-30 chiếc bản đồ về BDKH ở Việt Nam.	08/2010
3	Bộ đĩa CD (Video Clip) phục vụ truyền thông và phổ biến kiến thức về BDKH ở Việt Nam.	Hoàn thành bộ đĩa CD (Video Clip) phục vụ truyền thông và phổ biến kiến thức về BDKH ở Việt Nam.	07/2010
4	Bộ đĩa CD về BDKH ở Việt Nam.	Hoàn thành bộ đĩa CD (Video Clip) về BDKH ở Việt Nam.	07/2010

Ghi chú: Sản phẩm phải đạt cẩn bám sát bảng tiến độ công việc của Thuyết minh để tài phán theo các sản phẩm trong gian để làm căn cứ cho việc xác nhận khối lượng công việc để quyết toán kinh phí hàng năm.

PHỤ LỤC 4
KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC CỦA ĐỀ TÀI

TT	Các nội dung, công việc cần thực hiện	Sản phẩm cuối cùng	Thời gian hoàn thành sản phẩm	Mục chi	Kinh phí từ NSNN (tr.đ)	Trong đó						Nguồn khác	Ghi chú
						Năm 2007+2008		Năm 2009		Năm 2010			
Tổng số	K.phí được khoán	Tổng số	K.phí được khoán	Tổng số	K.phí được khoán	Tổng số	K.phí được khoán						
1	<u>Nội dung 1:</u> Nghiên cứu xây dựng phương pháp đánh giá và đánh giá những biểu hiện của BĐKH ở Việt Nam				615	615	615	615					
1	Nghiên cứu xây dựng phương pháp đánh giá những biểu hiện của BĐKH ở Việt Nam (3 chuyên đề):	Báo cáo về phương pháp đánh giá những biểu hiện của ĐKH ở Việt Nam	4/2008	114	65	65	65	65					
2	Nghiên cứu xác định thể loại, định hạng và thu thập, tổ chức lại các loại số liệu hiện có ở Việt nam phục vụ việc đánh giá mức độ biến đổi khí hậu (4 chuyên đề)	Bộ số liệu ở Việt Nam phục vụ việc đánh giá mức độ BĐKH	4/2008	114	85	85	85	85					

• 000474

3	Nghiên cứu đánh giá mức độ, tính chất và xu thế biến đổi của nhiệt độ (2 chuyên đề)	Báo cáo về mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của nhiệt độ.	8/2008	114	40	40	40	40					
4	Nghiên cứu đánh giá mức độ, tính chất và xu thế biến đổi của lượng mưa (2 chuyên đề)	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của lượng mưa.	8/2008	114	55	55	55	55					
5	Nghiên cứu đánh giá mức độ, tính chất và xu thế biến đổi của bão và XTNĐ (2 chuyên đề)	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của bão, áp thấp nhiệt đới ở Biển Đông.	8/2008	114	45	45	45	45					
6	Nghiên cứu đánh giá mức độ, tính chất và xu thế biến đổi của gió mùa (4 chuyên đề)	Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của gió mùa	8/2008	114	95	95	95	95					
7	Nghiên cứu đánh giá mức độ, tính chất và xu thế biến đổi của hạn hán (2 chuyên đề)	Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của hạn hán.	12/2008	114	45	45	45	45					
8	Nghiên cứu đánh giá mức độ, tính chất và xu thế	Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ biến đổi, tính chất	12/2008	114	40	40	40	40					

	biên đổi của tài nguyên nước và lụt nội (2 chuyên đề)	biên đổi, xu thế biến đổi của tài nguyên nước và lũ lụt trên các lưu vực sông chính												
9	Nghiên cứu đánh giá mức độ tác động của ENSO đối với khí hậu ở Việt Nam (5 chuyên đề)	- Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá tác động của ENSO đối với khí hậu Việt Nam trong các thời kỳ.	10/2008	114	115	115	115	115						
10	Nghiên cứu, phân tích đánh giá mức độ, tính chất và xu thế biến đổi của nước biển dâng (1 chuyên đề)	- Báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ biến đổi, tính chất biến đổi, xu thế biến đổi của mực nước biển, trên các vùng biển của Việt Nam	8/2008	114	30	30	30	30						
II	<u>Nội dung 2:</u> Nghiên cứu xây dựng các kịch bản BĐKH cho các vùng khí hậu của Việt Nam giai đoạn 2010-2100				720	613	720	613						
1	Nghiên cứu, phân tích các kịch bản BĐKH toàn cầu và khu vực Đông Nam Á (Đông Á/Nam Á) và các kịch bản BĐKH ở Việt Nam (4 CĐ)	- Báo cáo kết quả phân tích các kịch bản BĐKH toàn cầu và khu vực Đông Nam Á (Đông Á/Nam Á) và các kịch bản BĐKH ở Việt Nam	2/2008	114	95	95	95	95						

	Xây dựng các kịch bản BĐKH về 3 yếu tố nhiệt độ, lượng mưa và mực nước biển cho 8 khu vực khí hậu bằng mô hình động lực. (8 chuyên đề)	Báo cáo các kịch bản BĐKH cho Việt Nam giai đoạn 2010-2100 bằng mô hình động lực RECIS, RegCM, REMO, MM5.	8/2008	114.	235	235	235	235						
3	Xây dựng các kịch bản BĐKH về 3 yếu tố nhiệt độ, lượng mưa và mực nước biển cho 8 khu vực khí hậu bằng mô hình thống kê.	Báo cáo các kịch bản BĐKH cho Việt Nam giai đoạn 2010-2100 bằng phương pháp thống kê	8/2008	114.	165	165	165	165						
4	Xây dựng kịch bản về biến đổi của nước biển dâng cho thời kỳ 2010 - 2100. (3 chuyên đề)	- Báo cáo kết quả phân tích lựa chọn được các kịch bản mực nước biển dâng cho Việt Nam thời kỳ 2010-2100	8/2008	114,	55	55	55	55						
5	Phân tích, đánh giá, lựa chọn kịch bản BĐKH chính thức cho Việt Nam thời kỳ 2010-2100.	Báo cáo kết quả lựa chọn kịch bản BĐKH cho Việt Nam thời kỳ 2010 - 2100.	8/2008	114	30	30	30	30						
6	Ước lượng một số cực trị, hiện tượng cực đoan trong những năm sắp tới.	Báo cáo kết quả phân tích, đánh giá và ước lượng một số cực trị, hiện tượng cực đoan những năm sắp tới.	12/2008	114	30	30	30	30						

7	Nguyên vật liệu năng lượng			119	42	3	42	3					
8	Thiết bị			145	68		68						
III	<u>Nội dung 3:</u> Nghiên cứu phương pháp và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên thiên nhiên và các ngành kinh tế - xã hội quan trọng			784,02	780,02	233,02	233,02	551	547				
1	Nghiên cứu và xây dựng phương pháp đánh giá tác động của BDKH ở Việt Nam (3 chuyên đề)	Báo cáo về phương pháp đánh giá tác động của BDKH ở Việt Nam	-ICD 12/ 2008 -ICD 2/2009	114	60	60	40	40	20	20			
2	Đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến tài nguyên nước, tài nguyên khí hậu và tài nguyên đất. (3 chuyên đề)	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến vực tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên nước, tài nguyên khí hậu và tài nguyên đất)	8/2009	114	70	70			70	70			
3	Đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến lĩnh vực nông nghiệp	Báo cáo về mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đến lĩnh vực nông nghiệp.	8/2009	114	30	30			30	30			

4	Đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đến lĩnh vực lâm nghiệp.	Báo cáo về mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đến lĩnh vực Lâm nghiệp.	6/2009	114	30	30			30	30	
5	Đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đến lĩnh vực Thủy sản	Báo cáo kết quả về mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đến lĩnh vực thủy sản	8/2009	114	30	30			30	30	
6	Đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đến lĩnh vực Năng lượng, Công nghiệp, Xây dựng và Giao thông vận tải. (3 chuyên đề)	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đến lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải	8/2009	114	65	65			65	65	
7	Đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đến lĩnh vực Du lịch, Y tế, Sức khỏe cộng đồng (2 chuyên đề)	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đến lĩnh vực du lịch, y tế, sức khỏe cộng đồng.	8/2009	114	50	50			50	50	
8	Nghiên cứu lựa chọn phương pháp và đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đối với khu vực Tây	8/2009	114	20	20			20	20	

	tiềm tàng của BĐKH đối với khu vực Tây Bắc.	Bắc.									
9	Nghiên cứu lựa chọn phương pháp và đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đối với khu vực Đông Bắc.	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đối với khu vực Đông Bắc.	8/2009	114	20	20			20	20	
10	Nghiên cứu lựa chọn phương pháp và đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đối với khu vực đồng bằng Bắc Bộ.	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đối với khu vực đồng bằng Bắc Bộ	8/2009	114	20	20			20	20	
11	Nghiên cứu lựa chọn phương pháp và đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đối với khu vực Bắc Trung Bộ.	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đối với khu vực Bắc Trung Bộ.	8/2009	114	20	20			20	20	
12	Nghiên cứu lựa chọn phương pháp và đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BĐKH đối với khu vực Nam	8/2009	114	20	20			20	20	

	tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Nam Trung Bộ.	Trung Bộ.										
13	Nghiên cứu lựa chọn phương pháp và đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Tây Nguyên.	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Tây Nguyên.	8/2009	114	20	20			20	20		
14	Nghiên cứu lựa chọn phương pháp và đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Đông Nam Bộ.	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Đông Nam Bộ.	8/2009	114	20	20			20	20		
15	Nghiên cứu lựa chọn phương pháp và đánh giá mức độ gây thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Tây Nam Bộ.	- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ thiệt hại và tác động tiềm tàng của BDKH đối với khu vực Tây Nam Bộ.	8/2009	114	20	20			20	20		
16	Nghiên cứu đánh giá tác động của BDKH đến các liên vùng lãnh thổ	- Báo cáo kết quả đánh giá tác động tổng thể của BDKH đến các liên vùng	8/2008	114	60	60			60	60		

	nhạy cảm với BDKH (3 chuyên đề)	lãnh thổ nhạy cảm											
17	Nghiên cứu đánh giá tác động của BDKH đến tổng thể phát triển KTXH ở Việt Nam.	Báo cáo kết quả đánh giá tác động của BDKH đến phát triển KTXH ở Việt Nam.	8/2008	114	30	30			30	30			
18	Nguyên vật liệu năng lượng			119	6	2			6	2			
19	Công tác phi			119	193.02	193.02	193.02	193.02					
IV	<u>Nội dung 4:</u> Nghiên cứu các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH				600	600			2	210	390	390	
1	Nghiên cứu xây dựng phương pháp để xuất các giải pháp chiến lược cho các ngành kinh tế, xã hội và các khu vực địa lý khí hậu (3 chuyên đề)	Báo cáo về các giải pháp chiến lược cho các lĩnh vực kinh tế, xã hội, các khu vực địa lý khí hậu và các khu vực nhạy cảm với BDKH	8/2008	114	90	90			90	90			
2	Xây dựng được giải pháp chiến lược ứng phó có tính khả thi cho TNTN (3 cd)	Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (TNN, TNKH, TNĐ).	8/2009	114	60	60			60	60			

• 000482

3	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực Nông nghiệp.	Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực nông nghiệp.	8/2009	114	20	20			20	20		
4	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực Lâm nghiệp.	Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực lâm nghiệp.	8/2009	114	20	20			20	20		
5	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực thủy sản.	Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực thủy sản.	8/2009	114	20	20			20	20		
6	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, xây dựng và GTVT (4 cd)	Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải.	2/2010	114	80	80					80	80
7	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực Du lịch, Y tế, Sức khỏe cộng đồng (2 cd)	Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực y tế, sức khỏe cộng đồng và du lịch.	2/2010	114	40	40					40	40
8	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH đối với khu vực Tây Bắc	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH đối với khu vực Tây Bắc.	2/2010		25	25					25	25

9	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Đông Bắc	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với vùng Đông Bắc	5/2010	114	25	25						25	25	
10	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH của khu vực đồng bằng Bắc Bộ.	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với vùng đồng bằng Bắc Bộ.	2/2010	114	20	20						20	20	
11	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Bắc Trung Bộ.	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Bắc Trung Bộ.	2/2010	114	20	20						20	20	
12	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH của khu vực Nam Trung Bộ.	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Nam Trung Bộ.	2/2010	114	20	20						20	20	
13	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH của khu vực Tây Nguyên.	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Tây Nguyên.	2/2010	114	20	20						20	20	
14	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Đông Nam Bộ.	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Đông Nam Bộ.	2/2010	114	20	20						20	20	

15	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Tây Nam Bộ	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với khu vực Tây Nam Bộ.	2/2010	114	20	20					20	20
16	Nghiên cứu xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH cho các liên vùng lanh thổ nhạy cảm với BDKH (3 chuyên đề)	- Báo cáo về các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH đối với các liên vùng quan trọng.	2/2010	114	60	60					60	60
17	Nghiên cứu, đánh giá chi phí lợi ích của các giải pháp chiến lược đã xây dựng.(2 CĐ)	Báo cáo kết quả đánh giá chi phí lợi ích của các giải pháp chiến lược ứng phó với BDKH	2/2010	114	40	40					40	40
V	<u>Nội dung 5:</u> Xây dựng các sản phẩm mẫu và tổ chức chuyển giao kết quả nghiên cứu				122	122					122	122
1	Soạn thảo và biên tập số tay về BDKH ở Việt Nam (khoảng 100 trang)	02 Cuốn số tay về BDKH ở Việt Nam	5/2010		42	42					42	42
2	Xây dựng tập bản đồ về BDKH ở Việt Nam (30 bản đồ khổ A3 x 2 000 000d)				60	60					60	60

3	Biên tập bộ đĩa CD phục vụ truyền thông và phổ biến kiến thức về BDKH ở Việt Nam			10	10					10	10	
4	Biên tập bộ đĩa CD về BDKH ở Việt Nam			10	10					10	10	
VI	Chi khác			308,98	195,47	186,85	73,34	53,11	53,11	69,02	69,02	
1	Hợp tác quốc tế			126,71	13,2	126,71	13,2					
	Đoàn ra		115	113,51			113,51					
	Đoàn vào		116	13,20	13,20	13,20	13,20					
2	Hội thảo (6 lần)			53,4	53,4	26,2	26,2	19,8	19,8	7,4	7,4	
	3 lần	2008	119	26,2	26,2	26,2	26,2					
	2 lần	2009	119	19,8	19,8			19,8	19,8			
	1 lần	2010	119	7,4	7,4					7,4	7,4	
3	Quản lý cơ quan chủ trì, nghiệm thu cơ sở		119	57,44	57,44	15	15	15	15	27,44	27,44	
4	Văn phòng phẩm, in ấn, thông tin liên lạc		119	21,43	21,43	4,94	4,94	6,31	6,31	10,18	10,18	
5	Viết đề cương, báo cáo tổng kết và phụ cấp chủ nhiệm		114	50	50	14	14	12	12	24	24	
	Tổng cộng		3.150	2.925,49	1.754,87	1.534,36	814,11	810,11	581,02	581,02		

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHÁM PHÒNG ĐÁNH GIÁ
NGHIÊN CỨU TÙNG CẤP NHÀ NƯỚC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2011

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC**

I. Những thông tin chung

1. Tên đề tài: "Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam"

Mã số: KC08.13/06-10

Thuộc Chương trình: "Khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên". Mã số KC08/06-10

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Văn Thắng

Tổ chức chủ trì đề tài: Viện Khoa học Kỹ thuật Thủy văn và Môi trường, Bộ tài nguyên và Môi trường

2. Quyết định thành lập Hội đồng

Số: 2450 /QĐ-BKHCN ngày 11/11/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Phiên trù bị tại: Viện Khoa học Kỹ thuật Thủy văn và Môi trường, số 62 Nguyễn Chí Thanh,
ngày 10 tháng 12 năm 2011

Phiên đánh giá tại
ngày tháng năm 2011

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá):

Vắng mặt: 1 người, gồm: 1. TS. Nguyễn Văn Ký
2.

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá)

TT	Đơn vị công tác	Họ và tên
1.	Đại diện Bộ KH&CN
2.	Đại diện Bộ KH&CN
3.	Đại diện BCN CT KC08
4.	Đại diện BCN CT KC08
5.	Văn phòng các Chương trình
6.	Cơ quan chủ quản

(cụ thể khách mời tham dự xem trong danh sách họp Hội đồng)



II. Nội dung làm việc của Hội đồng

A. Phiên họp trù bị (để lại những nội dung thích hợp)

1. Hội đồng đã nghe chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của đề tài;

2. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài;

3. Hội đồng trao đổi thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng:

a) Đã kiến nghị Bộ KH&CN tổ chức đề Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả đề tài.

b) Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với đề tài có các kết quả đo kiểm được, đồng thời đề xuất để Bộ KH&CN mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:

- Các thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại:

.....

.....

.....

- Các tổ chức đo lường thử nghiệm thực hiện:

.....

.....

.....

4. Hội đồng đã thống nhất lịch làm việc của phiên họp đánh giá của hội đồng.

B. Phiên họp đánh giá

1. Hội đồng đã nghe:

- Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện;

- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện về từng chi tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan nêu tại Điều 13 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; Hội đồng đã tham khảo các Phiếu nhận xét đánh giá đề tài của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả nghiên cứu của đề tài theo từng nội dung được nêu tại Điều 18 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đã thực hiện đánh giá kết quả của đề tài bằng Phiếu chấm điểm.

3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá:

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban:

- Hai uỷ viên:

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biển bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

4. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

a) Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế :

Phương pháp nghiên cứu hợp lý. Phù hợp với điều tra tính toán và khoa học, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế có đạt chất lượng cao, chính xác theo yêu cầu nghiên cứu.

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính:

Đầy đủ theo đúng kỹ

c) Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính:

Đảm bảo theo yêu cầu đặt ra. Trong đề cương

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...):

*Đạt kết quả khá. Các thành phần tài liệu thu
đúng quy định. Tài liệu và hình ảnh có thêm
khoa học và ngắn gọn thông thoáng.
Các kết quả nghiên cứu đã đóng góp một phần
đóng góp, các giải pháp của chúng chưa có thể
để áp dụng.*

d) Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm...) ở các tạp chí có uy tín trong nước:

*Đạt kết quả khá, không danh mục các bài
tác đã được đăng ở tạp chí quốc tế (nếu có thêm)*

e) Kết quả tham gia đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ:

Đạt kết quả tốt

g) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

chưa có

h) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ:

*cây lâm rỗ lõi, trong lõi cao chín nát rẽ
cây này có những đặc điểm của lõi tái trong lõi cao như
tái tái, dại anh lõi tái đang triển khai*

i) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

*có tác dụng tốt trong việc làm cao hơn những hiệu
hiệu lõi tái kinh tế Việt Nam*

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại đề tài ở mức sau (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- **Xuất sắc:**
Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt 60 điểm và có được một trong các kết quả sau:
 - Có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);
 - Đã được cấp ít nhất 01 văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;
 - Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.
 - **Khá:**
Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên và có được một trong các kết quả sau:
 - Có ít nhất 02 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia
 - Có ít nhất 01 sách chuyên khảo được xuất bản (hoặc có giấy xác nhận về bản thảo được chấp thuận in và thời gian in của Nhà xuất bản).
 - **Trung bình:**
Đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm trong đó, tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên.
 - **Không đạt:**
Khi có tổng số điểm đạt dưới 60 điểm; hoặc khi có tổng số điểm của nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 đạt dưới 50 điểm.

6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của đề tài (chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức “Không đạt”):

7. Hội đồng đề nghị:

- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận kết quả đánh giá đề tài.
 - Kiến nghị khác (nếu có):

(về việc sửa chữa hoàn thiện hồ sơ, khen thưởng, đề nghị tiếp tục đầu tư nghiên cứu, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống...)

1) Về cái nghiên cứu tiếp theo

- Lên án và kiểm tra hết cái nghiên cứu chi tiết về mức độ hiệu ứng do BDTB. Danh quát là đồng ý với nồng độ, lini, v.v. (điều này và phương pháp nghiên cứu case study)
- Xây dựng và sử dụng bài thi theo ý trên xem xét và cái "Màu lèn" và cái quan tâm của thí sinh khi làm bài
- Xung đột trong bài thi để cảm nhận được chính xác:

 - + Cố gắng làm rõ video clip và cái nào khác trong họ. Trong bài thi cần bao nhiêu phần mở đầu, trung, cuối; bộ tang lễ là hiện tại theo hướng để kiểm thử thí sinh cho đến khi người bình thường + chuyên khoa; bài thi theo quy định của cục bộ da và lông Việt Nam (có câu hỏi sau đây: Trứng rán ta), có các câu hỏi theo đúng kỹ thuật bài thi; Video clip là bài phân tách trọng quan trọng cần phải hoàn chỉnh và nội dung, hình thức, kỹ thuật thi hiện
 - + bao nhiêu phần mở đầu, trung, cuối theo hướng đơn giản mở đầu có nội dung mục tiêu, nội dung rõ ràng phân theo từng kỹ
 - Kết luận có thể đánh giá theo các mục tiêu, nội dung và sau phản ánh rõ nêu ở phần nêu trên
 - + Bài thi có tổng kết cần thiết như thế nào thêm tham khảo theo quy định. Nếu ý số liệu rõ ràng từ xa họ và cái số liệu không phải là người chia thông.
 - + Bài thi phần nào để tái cấu trúc đặc biệt là trong hoàn cảnh mà nộp bộ KH & CN theo đúng quy định và thời hạn.
 - + Một số vấn đề như ^{để kiểm tra} bài thi của các UV Hội đồng cái trang sau

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SAO Y BẢN CHÍNH ^(tên và chữ ký)

Ngày ... tháng ... năm 20 ...

TS. Nguyễn Lai 

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Thanh


65. T. A. Hu

Phụ lục kèm theo biên bản đánh giá

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỔNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC

- TS.T.Q.Học - Đề nghị nêu rõ Tong gop tại thời điểm mua để tái
nâng cao chất lượng giao hàng. Tóm qua: Trong thời gian 8000
đến cuối năm kiểm tra nhiệm vụ kinh tế xã hội
- N.B.Thinx: - Nêu rõ: Mô hình nghiên cứu xem xét kết luận BC TN & H
giao cho Viện KHTK CNV & MT; cần làm rõ về khía cạnh rõ ràng
giao giao kết luận nghiên cứu với khía cạnh công ty
BS N2 V.PINT: Đề nghiên cứu Tóm qua: chỉ kết luận tên
xem xét 5 loại công ty chính cũng như đặc điểm của 8000
đến cuối năm
- TS.V.Trung: Nêu tên 12 tổ nghiên cứu và số liệu tam tết. 3 bộ này
cùng làm rõ trong các bài do kinh tế
giải thích rõ về việc áp dụng phế luợng phép Trung bình trung
(cách chia số minh họa ngắn nhất)
- Khiêm lulus pt. Kinh tế xã hội: giao hàng đến 8000
- Phân kết luận rõ kiểm nghiệm và nghiên cứu việc
còn yếu: cần làm rõ các kết quả kế thừa từ các công trình khác
- Chia thành một số lượng đơn vị giao chỉ ghi hàn quâ
của các giải pháp ứng phó
- H.TSKH. N.D.Nguyễn
- Đây là nghiên cứu trao đổi, và là thông tin ban
chứng → nguyên nhân → xu thế tăng lùi → bù xung giao
phép
- Nhìn lại: + M57 bị đánh giá còn định tĩnh, chưa có sự
giao kết cao nhất thời gian bù lùi và thời gian cuối chiến
lược quy hoạch pt. Kinh tế xã hội; + Tổng quan: chưa
nêu rõ được các đóng góp của biển ở Việt Nam; + Cố liệu KT-NV
chưa chính thống; + Mạng bao theo bao năm; đồng nhất với liệu
về thời gian của LĐLĐ và khía cạnh mà hình MA.GIC/SCGNGD

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Nguyễn Lê Ban

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TÙNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG KHẨU HÓA GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC

-) TS. L.V. Minh: - cho rõ về tài sản quá tan rã và BCCA. Dân cai tài sản hiền tài nhiên, tài năng; - thời gian và kinh tế mà không có tài sản phái sinh ngoài mua rõ trong ban và Tỷ lệ thuế nghiêm (cái không hợp với thế là áp dụng).
-) TS. N.L.Tâm:
- Laim rõ cáy kết quả từ đồng bộ hóa và cai tài sản tài sản và tăng ở đây chỉ nhằm ngoại.
 - Laim rõ tính đồng nhất của kinh doanh mua bán tài sản PCL. Ông, bà và bà liều mua bán tài sản đồng. Trong bài bản mua bán đồng cho Việt Nam.
- PGS.TS. L.B. Hoopers:
- Ông, bà dùng lâm tắt: Phê duyệt pháp luật có hiệu lực, cáy hia hia lâm tắt, cáy hia tắt.
 - Cáy nói dùng côn chia tắt mua bán: Hết ng. hòn Tài-Tory côn giao, côn nồng Tài-Tory côn hòn kêu áp dụng cho tinh giao pháp côn chung chung,
 - Nhường nói dùng cầm chín và hoàn thiện: Bgc. Tóm tắt chưa theo mâu, và Tay cầm kiện tài sản là cáy mua bán mua bán, phải khai chuyển khoản, đã biến, đã thuế, trả lời, m. Nên để xuất mua bán và biến, mua bán hoàn thiện, tài giao dân cư Tài nguyễn, nông, thuyền, ..., tài tang dân cư Kế-XH, tài xuất cáy giao pháp -
- PGS.TS. P.V. Lê:
- Đề tài cáy, tài quan trọng trong việc ra nông cao nhau tham gia.
 - Bán đấu ra cáy tài liệu chính thống tài liệu tài sản - Kế-XH, trong họ tang kết triết dân tài sản học. Ông, bà, khoa phi-kh,
 - Bán tài sản quá định không nêu tên tài phái nay case study
 - Trong tài sản quá tài, thời gian mua bán phái nay pháp (đề xuất phái nay, xác định), tài sản giá chỉ phi-lai-til. Khuyến nghị cáy chung chung. Trong dân tài liệu và thiêm nha chưa tung quy định

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

N. Tatem

T. T. H.

BẢN SAO

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2450 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng khoa học công nghệ cấp Nhà nước đánh giá
nghiệm thu đề tài mã số KC.08.13/06-10 thuộc Chương trình “Khoa học và
Công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp
lý tài nguyên thiên nhiên”, mã số KC.08/06-10.

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học
và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHCN ngày 15/9/2006 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ “Qui chế tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa
học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010” và Quyết định số
23/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
về việc bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHCN;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài
khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Xét đề nghị của các ông Chủ nhiệm Chương trình K.08/06-10, Giám đốc Văn
phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước và Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã
hội và Tự nhiên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ cấp Nhà nước đánh giá
kết quả đề tài “*Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự
nhiên, tài nguyên thiên nhiên và để xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh,
giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam*”,



mã số KC.08.13/06-10 thuộc Chương trình KC.08/06-10, do TS Nguyễn Văn Thắng làm Chủ nhiệm, Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường là Cơ quan chủ trì.

Điều 2. Cử GS.TSKH *Trương Quang Học* làm Chủ tịch Hội đồng và *TS Nguyễn Bình Thìn* làm Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng có tên trong Danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Hội đồng có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá kết quả đề tài nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Các Ông Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các thành viên Hội đồng, Chủ nhiệm chương trình KC.08/06-10, Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT, VPCTTD.

như

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Lê Đình Tiến

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1.4.3. QĐ/NĐ số: 14-SCT/BS
Ngày: 21-06-2011



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Quyết

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG CẤP NHÀ NƯỚC
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ ĐỀ TÀI:**

"Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam", mã số KC.08.13/06-10

(Kèm theo Quyết định số: 2450/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 11 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Họ và tên, Học hàm học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác	Chức danh trong HD
1	GS.TSKH Trương Quang Học	Công nghệ môi trường	Đại học Quốc gia Hà Nội	Chủ tịch Hội đồng
2	TS Nguyễn Bình Thìn	Công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	PGS.TS Lê Bắc Huỳnh	Thủy văn	Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy viên phản biện
4	PGS.TS Phạm Văn Cự	Địa lý	Trung tâm Quốc tế biến đổi toàn cầu, Đại học Quốc gia Hà Nội	Ủy viên phản biện
5	GS TSKH Nguyễn Đức Ngữ	Khí tượng	Trung tâm Khoa học và Công nghệ Khí tượng thủy văn và Môi trường, Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam	Ủy viên
6	TS Nguyễn Đình Kỳ	Địa Lý	Viện Địa Lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Ủy viên
7	TS Lê Văn Minh	Thủy lợi	Văn phòng thường trực mạng lưới cộng tác vì nước của Việt Nam	Ủy viên
8	TS Nguyễn Lê Tâm	Khí tượng	Vụ Khoa học và công nghệ, Bộ Tài nhiên và Môi trường	Ủy viên
9	TS. Tô Văn Trường	Thủy lợi	Ban chủ nhiệm chương trình KC.08/06-10	Ủy viên

Hội đồng gồm 09 thành viên

Thư ký hành chính:

- 01 Thư ký Ban chủ nhiệm KC.08/06-10,
- 01 Cán bộ của Văn phòng các chương trình.

24/

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 639 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 4/3/2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam”, mã số KC.08.13/06-10

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08/5/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu đề tài KC.08.13/06-10 được thành lập kèm theo Quyết định số 2450/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của các ông Chủ nhiệm chương trình KC.08/06-10 và Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam” Mã số KC08.13/06-10 thuộc chương trình “Khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên” mã số KC.08/06-10.

Chủ nhiệm đề tài: TS Nguyễn Văn Thắng

Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Xếp loại về nội dung khoa học công nghệ: Mức B (loại khá)

Xếp loại về tổ chức thực hiện: Đạt

Điều 2. Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài xử lý các sản phẩm tạo ra và tài sản mua sắm bằng ngân sách nhà nước đồng thời thanh lý hợp đồng theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Giám đốc văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Chủ nhiệm chương trình KC.08/06-10, Thủ trưởng Cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm đề tài KC.08.13/06-10 và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, VPCTTB

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Lê Đinh Tiến

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 194-3. Quyển số: 04.SCT/BS

Ngày: 21-06-2011



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hữu Quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2011

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(dùng cho đề tài khoa học và công nghệ

thuộc Chương trình KH&CN cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010)

Số: 13/2007/TLHĐ -ĐTCT-KC08/06-10

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2006 về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010 và Quyết định số 23/2006/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ KH&CN hướng dẫn đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 13/2007/HĐ-ĐTCT-KC.08/06-10 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên giao (Bên A) là:

a/ Ban chủ nhiệm Chương trình KC.08/06-10

- Ông Trần Đình Hợi

- Chức vụ: Chủ nhiệm Chương trình KC.08/06-10 làm đại diện

- Địa chỉ: 171 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội;

- Tel: 04.245.0674 Fax: 04.564.1283

b/ Văn phòng các Chương trình Trọng điểm cấp Nhà Nước

- Ông: Đỗ Xuân Cương

- Chức vụ: Giám đốc Văn phòng các Chương trình làm đại diện.

- Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt; Tel: (04) 9366529; Fax: (04) 9366771

- Số tài khoản: 301.01.080.4 tại Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội

2. Bên nhận (Bên B) là:

a/ Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài: Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

- Đại diện là : PGS.TS Trần Thực

- Chức vụ: Viện trưởng.

- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh , Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

- Tel: (84-4) 7731410 Fax: 84-4 8355993

- Số tài khoản: 931.01.047 tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa - Hà Nội

b/ Chủ nhiệm Đề tài

- TS. Nguyễn Văn Thắng

- Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh , Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

- Tel: 043859415 Mobile: 0903475488 Fax: 0438355993

Cùng thoả thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng số 13/2007/HĐ

- DTCT - KC08/06-10 với các điều khoản sau:

Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện Đề tài

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện Đề tài thuộc Chương trình KH&CN cấp nhà nước KC 08/06-10 (dưới đây viết tắt là Đề tài): "Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên , tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế ở Việt Nam ", mã số KC.08.13/06-10, theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài đã được Bên A phê duyệt. Thời gian thực hiện Đề tài là 36 tháng, từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 11 năm 2010.

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả Đề tài ngày 10 tháng 12 năm 2010 (*Bản sao Biên bản đánh giá nghiệm thu, Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu và Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài kèm theo*).

3. Bên B đã đăng ký kết quả nghiên cứu của Đề tài tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định (*Bản sao Giấy chứng nhận kèm theo*).

4. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu: 01 Báo cáo tổng hợp kết quả khoa học công nghệ của đề tài (*Bản in và đĩa mềm*).

5. Bên A giao cho bên B lưu giữ các kết quả còn lại của Đề tài nêu trong Thuyết minh Đề tài và các Phụ lục 1, 2 kèm theo Hợp đồng số 13/2007/HĐ - DTCT - KC08/06-10 (*Danh mục các tài liệu tại Phụ lục 1 kèm theo*).

Điều 2. Xử lý tài chính của Đề tài

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài là: 3.150 triệu đồng.

2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là: 3.150 triệu đồng.

Điều 3. Xử lý tài sản của Đề tài

1. Tài sản của Đề tài bao gồm 02 loại:

- Tài sản mua sắm trực tiếp bằng ngân sách Nhà Nước;
- Tài sản tạo ra trong quá trình nghiên cứu (là sản phẩm của Đề tài).

2. Do chưa có Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ về xử lý các loại tài sản của Đề tài, Bên A tạm giao cho Bên B quản lý theo quy định hiện hành số tài sản nói trên của Đề tài cho đến khi có quyết định xử lý của Bộ KH&CN (*Danh mục các tài sản tại Phụ lục 2 kèm theo*). Trong thời gian chờ Quyết định xử lý của Bộ KH&CN, Bên B được phép khai thác, sử dụng các tài sản này phục vụ cho hoạt động KH&CN của cơ quan.

Điều 4. Xử lý kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Đề tài

1. Việc giao quyền chủ sở hữu công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Đề tài cho Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài thực hiện nghĩa vụ chuyển giao công nghệ đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh hoặc các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội theo quy định hiện hành.

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 04 bản./.

UBND PHƯỜNG LÁNG THƯỢNG

Bên A (Bên giao) ~~CHI NHUẬN THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH~~ Bên B (Bên nhận)

Chủ nhiệm Chương trình ~~NGAY~~ 27-06-2011 Chủ nhiệm Đề tài
(Chữ ký, ghi rõ họ và tên) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên)

5906

SCT/BS

GS TS. Trần Định Hội

PHÓ CHỦ TỊCH

TS. Nguyễn Văn Thắng

Văn phòng các Chương trình
(Dầu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

Trần Thị Tuyet
Viện trưởng

Giám đốc



Đỗ Xuân Cường

PGS. TS. Trần Thục

BẢN SAO

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đề tài: “*Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam*”

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2009

HỢP ĐỒNG

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
Hợp đồng số:.../VKTTVMT

- Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 13/2007/HĐ-ĐTCT-KC.08/06-10, ngày 29 tháng 12 năm 2007 giữa Ban chủ nhiệm Chương trình KC.08/06-10 và Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường;
- Căn cứ Hợp đồng số 01/HĐ-VKTTVMT ngày 04 tháng 01 năm 2008 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường với Chủ nhiệm đề tài Nguyễn Văn Thắng về việc “*Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam*”;

Hôm nay, ngày 08 tháng 08 năm 2009, tại Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường

Bên A: Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường

1. Ông Trần Thục, Chức vụ: Viện trưởng
2. Ông Nguyễn Văn Thắng, Chức vụ: Chủ nhiệm đề tài
 Địa chỉ : 5/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại : 04. 7733.090 Fax: 04.8.355.993
 Số tài khoản: 931.01.047 tại Kho bạc Nhà nước Đống Đa, Hà Nội.

Bên B: Ông Trần Hồng Thái

Chức vụ : Chủ nhiệm đề tài nhánh (Nghiên cứu xây dựng các giải pháp chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực: năng lượng, công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải)

Địa chỉ : 5/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại : 04.7733090/320



Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê khoán chuyên môn với những điều khoản sau:

Điều 1: Bên A giao cho Bên B thực hiện các nội dung sau:

1. Chủ trì tổ chức các nhóm cộng tác viên (Danh sách kèm theo) và triển khai thực hiện các nội dung công việc của Phần IV, 6.1; Phần IV, 6.2; Phần IV, 6.3 và Phần IV, 6.4.
2. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các nội dung công việc của Phần IV, 6.1; Phần IV, 6.2; Phần IV, 6.3 và Phần IV, 6.4.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2: Bên A cam kết chuyển cho Bên B những tư liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho việc thực hiện hợp đồng.

Điều 3: Tổng kinh phí thực hiện hợp đồng là: 80.000.000đ

(Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn)

(Dự toán chi tiết ghi trong Phụ lục 2)

Kinh phí Hợp đồng sẽ thanh toán trực tiếp theo các nội dung thực hiện và sản phẩm được hội đồng nghiệm thu

Điều 4: Thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 08 tháng 08 năm 2009 đến ngày 15 tháng 3 năm 2010.

Điều 5: Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận. Nếu có phát sinh, các Bên kịp thời thông báo cho nhau biết và tìm phương án cùng giải quyết, nếu không thoả thuận được thì sẽ xử lý theo quy định hiện hành.

Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng sẽ được thực hiện sau khi hai Bên nghiệm thu và giao nộp sản phẩm

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản, Phòng KHTC giữ 01 bản, Phòng Kế toán & HTQT giữ 01 bản.

Số chứng thực: 10248 Quyết số: 001/BS

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Thục
KẾ TOÁN

Trần Hồng Thái
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Hải

Nguyễn Văn Thắng

PHỤ LỤC
Hợp đồng số:/VKTTVMT
 Ngày 08 tháng 08 năm 2009

PHỤ LỤC SỐ 1
NỘI DUNG CHI TIẾT VÀ SẢN PHẨM

TT	Nội dung	Sản phẩm	Người thực hiện
Chủ trì tổ chức các nhóm cộng tác viên và triển khai thực hiện các nội dung công việc; Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các nội dung công việc sau:			Trần Hồng Thái
1	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực năng lượng	Các giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực năng lượng	Trần Hồng Thái Nguyễn Thị Lan
2	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với bđkh trong lĩnh vực công nghiệp	Các giải pháp chiến lược ứng phó với bđkh trong lĩnh vực công nghiệp	Trần Hồng Thái Nguyễn Thị Lan
3	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với bđkh trong lĩnh vực xây dựng	Các giải pháp chiến lược ứng phó với bđkh trong lĩnh vực xây dựng	Trần Hồng Thái Vũ Văn Thắng
4	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với bđkh trong lĩnh vực giao thông vận tải	Các giải pháp chiến lược ứng phó với bđkh trong lĩnh vực giao thông vận tải	Trần Hồng Thái Vũ Văn Thắng

PHỤ LỤC SỐ 2
DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ HỢP ĐỒNG

T	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực năng lượng	1	20.000.000	20.000.000
2	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với bđkh trong lĩnh vực công nghiệp	1	20.000.000	20.000.000
3	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với bđkh trong lĩnh vực xây dựng	1	20.000.000	20.000.000
4	Xây dựng giải pháp chiến lược ứng phó với bđkh trong lĩnh vực giao thông vận tải	1	20.000.000	20.000.000
	Tổng cộng			80.000.000

Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

RẢI SAO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đề tài: "Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam"

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, THANH LÝ HỢP ĐỒNG
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
Hợp đồng số: .6..../VKTTVMT

Căn cứ hợp đồng thuê khoán chuyên môn số số: .6..../VKTTVMT ký ngày 08 tháng 08 năm 2009 giữa Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường và ông Trần Hồng Thái

Hôm nay, ngày tháng năm 2010, chúng tôi gồm có:

1- Đại diện bên A: Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường

- | | |
|-----------------------------|------------------------------------|
| 1. Ông Trần Thực | Chức vụ: Viện trưởng |
| 2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hải | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| 3. Bà Nguyễn Thị Hiền Thuận | Chức vụ: Trưởng phòng KHĐT và HTQT |
| 4. Ông Nguyễn Văn Thắng | Chức vụ: Chủ nhiệm đề tài |

2- Đại diện bên B:

1. Ông Trần Hồng Thái, Chức vụ: Chủ nhiệm đề tài nhánh

Cùng nhau tiến hành nghiệm thu thanh lý hợp đồng Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

1. Bên B đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ:

- Chủ trì tổ chức các nhóm cộng tác viên và triển khai thực hiện các nội dung công việc của Phần IV, 6.1; Phần IV, 6.2; Phần IV, 6.3 và Phần IV, 6.4.
- Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các nội dung công việc của Phần IV, 6.1; Phần IV, 6.2; Phần IV, 6.3 và Phần IV, 6.4.

Cụ thể như sau: Sản phẩm khoa học bên B bàn giao cho bên A gồm:

- + Các giải pháp chiến lược ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực năng lượng
- + Các giải pháp chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực công nghiệp
- + Các giải pháp chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng
- + Các giải pháp chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực giao thông vận tải

2. Kinh phí trả cho các khoản mục: 80.000.000đ

(Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn)

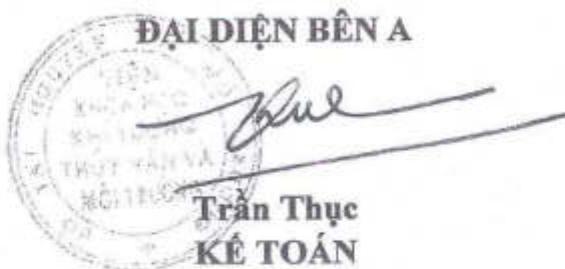
3. Ý kiến đánh giá và kết luận:

Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của hợp đồng.

Bên A có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho các sản phẩm đã được hội đồng nghiệm thu.

Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản, Phòng KHTC giữ 01 bản, Phòng KHĐT&HTQT giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Thục
KẾ TOÁN

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Hồng Thái
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

✓ CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 10248 Ngày: 24/06/2011

Quyển số: SC/BS

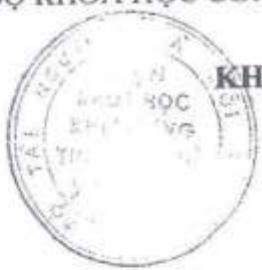
Nguyễn Thị Thanh Hải



CHỦ TỊCH
Nguyễn Hoàng Liên



BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 VIỆN KHOA HỌC
 KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG



CHƯƠNG TRÌNH KC.08/06-10

Đề tài: “Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam”

Báo cáo tóm tắt đề tài nhánh

**NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ
 VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG CÁC LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG,
 CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Chủ nhiệm đề tài nhánh: Trần Hồng Thái

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

VIỆN KHOA HỌC

KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHƯƠNG TRÌNH KC.08/06-10

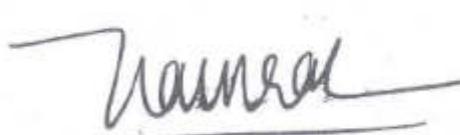
Đề tài: "Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đề xuất các giải pháp chiến lược phòng tránh, giảm nhẹ và thích nghi, phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội ở Việt Nam"

Báo cáo tóm tắt đề tài nhánh

**NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ
VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG CÁC LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG,
CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Người thực hiện: 1. Trần Hồng Thái
 2. Nguyễn Thị Lan
 3. Vũ Văn Thắng

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI NHÁNH



Trần Hồng Thái

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Nguyễn Văn Thắng

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI



MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ BIÊN HIỆN BIÊN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI VIỆT NAM	2
CHƯƠNG II: XÂY DỰNG CÁC KỊCH BẢN BĐKH CHO VÙNG KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010-2100	5
2.1. Cơ sở xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng	5
2.2. Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam	6
CHƯƠNG III: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA BĐKH LÊN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN CÁC NGÀNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUAN TRỌNG	11
3.1. Sơ bộ xác định mức độ tổn thương	11
3.1.1. Chỉ số tổn thương.....	11
3.1.2. Mức độ tổn thương trong các lĩnh vực.....	12
3.1.3. Mức độ tổn thương trên các khu vực	13
3.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội.....	14
3.2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp.....	14
3.2.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến lâm nghiệp.....	16
3.2.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực thủy sản.....	17
3.2.4. Tác động của biến đổi khí hậu đến công nghiệp.....	18
3.2.5. Tác động của biến đổi khí hậu đến ngành năng lượng.....	19
3.2.6. Tác động của biến đổi khí hậu đến ngành giao thông vận tải.....	20
3.2.7. Tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực y tế, sức khỏe cộng đồng	21
3.2.8. Tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực du lịch	21
3.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến các khu vực địa lý - khí hậu	22
3.3.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến vùng Tây Bắc	22
3.3.2. Tác động của biến đổi khí hậu đối với vùng Đông Bắc	24
3.3.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến đồng bằng Bắc Bộ	24
3.3.4. Tác động của biến đổi khí hậu đến vùng Bắc Trung Bộ	26
3.3.5. Tác động của biến đổi khí hậu đến vùng Nam Trung Bộ	27
3.3.6. Tác động của biến đổi khí hậu đến vùng Tây Nguyên	28
3.3.7. Tác động của biến đổi khí hậu đến vùng Đông Nam Bộ	29
3.3.8. Tác động của biến đổi khí hậu đến vùng Tây Nam Bộ	30
CHƯƠNG IV: XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ VỚI BIÊN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VIỆT NAM.....	32

4.1. Giải pháp chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam	32
4.1.1. Giải pháp thích ứng trong lĩnh vực tài nguyên nước	32
4.1.2. Giải pháp thích ứng trong lĩnh vực nông nghiệp	33
4.1.3. Giải pháp thích ứng trong lĩnh vực lâm nghiệp	33
4.1.4. Giải pháp thích ứng trong lĩnh vực thủy sản	34
4.1.5. Thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, giao thông vận tải	35
4.1.6. Thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực y tế, sức khỏe cộng đồng	35
4.1.7. Thích ứng biến đổi khí hậu trong lĩnh vực du lịch.....	36
4.2. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở các khu vực địa lý - khí hậu	36
4.2.1. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Tây Bắc	36
4.2.2. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đông Bắc.....	37
4.2.3. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở đồng bằng Bắc Bộ	38
4.2.4. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung bộ.....	39
4.2.5. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Nam Trung Bộ	40
4.2.6. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Tây Nguyên.....	41
4.2.7. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đông Nam Bộ	42
4.2.8. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Tây Nam Bộ	43